

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học
năm học 2023 - 2024

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại	
		Đại học	
		Chính quy	VHVL
1	Khối ngành I	2636	516
2	Khối ngành III	1822	39
3	Khối ngành IV	37	0
4	Khối ngành V	0	0
5	Khối ngành VII	1035	13
	Tổng số	5530	568

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I (Sur phạm)	341	3	49	250	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

2	Khối ngành III (Kinh doanh và quản lý)	215	9	21	125	
3	Khối ngành V (Kỹ thuật)	3	0	0	1	
4	Khối ngành VII (Nhân văn, Môi trường)	175	0	9	91	

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON (7140201)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG		2		
1	PP nghiên cứu khoa học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và giáo dục mầm non, bước đầu xây dựng được một đề cương nghiên cứu có ý nghĩa với thực tiễn giáo dục mầm non hiện nay, tiến hành được công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non.	2	HK1	- Quá trình: 1 cột chuyên cần + phát biểu; 1 cột KTTX; ! cột BT lớn (30%) - Điểm thi tự luận (70%)
II	KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SỰ PHẠM		15		
II.1	KIẾN THỨC CƠ SỞ CHUNG		5		
1	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh Mầm Non-K11	Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về một số vấn đề đánh giá trong giáo dục mầm non như khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non; chương trình giáo dục mầm non; sự phát triển của	2	HKII	Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% Chuyên cần: 10% Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>trẻ dưới sự tác động của chương trình giáo dục mầm non...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn cho sinh viên biết cách sử dụng các công cụ đánh giá và xử lý số liệu trong khi đo lường, định giá trị các nội dung đánh giá trong giáo dục mầm non nhằm mục đích thiết kế các hoạt động và môi trường giáo dục phù hợp cho sự phát triển toàn diện của trẻ. - Góp phần hình thành những năng lực cần thiết của người giáo viên mầm non trong tương lai 			<p>Thực hành: 10%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
2	Giáo dục học MN	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Sinh viên cần nắm được một cách hệ thống các tri thức về mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp giáo dục trẻ tuổi mầm non, các nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà trường mầm non. + Trang bị cho sinh viên kiến thức về các hình thức tổ chức đời sống cho trẻ mầm non, các nội dung cần chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1, vai trò của gia đình trong sự phối hợp giáo dục trẻ. - Kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng những tri thức đã học vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non. - Thái độ: SV có thái độ đúng đắn, khoa học về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, từ đó rèn luyện nhân cách cho bản thân mình. 	3	HK I	<p>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10%</p> <p>Chuyên cần: 10%</p> <p>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10%</p> <p>Thực hành: 10%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
II.2	THỰC HÀNH SỰ PHẠM		10		

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Rèn luyện NVSP MN 1	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành và rèn luyện cho SV một số kỹ năng cơ bản, cần thiết trong cách tính khẩu phần và xây dựng thực đơn theo ngày cho trẻ mầm non - Hình thành và rèn luyện cho SV một số kỹ năng cơ bản, cần thiết của phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học 	2	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình học trên lớp: 40% bao gồm: Tham gia học tập + Phát biểu trên lớp: Trọng số 10% Kiểm tra giữa học kỳ: Trọng số 10% Thực hành: Trọng số 20% - Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Trọng số 60%
2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 2	<p>Mục tiêu của học phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản lập kế hoạch giáo dục; tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình giáo dục mầm non; xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non. + Vận dụng kiến thức về xử lý tình huống sư phạm. - Kỹ năng + Rèn kỹ năng lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non dựa trên các hoạt động giáo dục trong trường mầm non. + Luyện kỹ năng xử lý tình huống sư phạm. trong GDMN 	2	HK II	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình học trên lớp: 40% bao gồm: Tham gia học tập + Phát biểu trên lớp: Trọng số 10% Kiểm tra giữa học kỳ: Trọng số 10% Thực hành: Trọng số 20% - Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Trọng số 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thái độ, chuyên cần: Nâng cao lòng yêu ngành, yêu nghề trong sinh viên			
3	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm mầm non 3	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức + Biết tổng hợp một số bài hát múa cho trẻ theo các chủ đề, lứa tuổi. + Biết cách vỗ tay theo tiết tấu, múa minh họa cho trẻ xem và biết cách xây dựng một số chương trình sinh hoạt văn nghệ vào cuối chủ đề. + Vận dụng phương pháp tổ chức HĐ vui chơi và tổ chức hoạt động xã hội cho trẻ MN. - Kỹ năng + Hình thành kỹ năng vỗ tay theo tiết tấu và kỹ năng xây dựng một bài múa cho trẻ xem. + Xây dựng chương trình sinh hoạt văn nghệ vào cuối chủ đề. + Tổ chức HĐ vui chơi và tổ chức hoạt động xã hội cho trẻ MN. - Thái độ + Có tinh thần làm việc nhóm cao. + Tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, cập nhật thông tin về đổi mới phương pháp trong giáo dục mầm non. + Có ý thức cao về việc rèn luyện, bồi dưỡng các kỹ năng nghiệp vụ. 	2	HK I	<p>Điểm quá trình học trên lớp: 40% bao gồm:</p> <p>Tham gia học tập + phát biểu trên lớp: Trọng số 10%</p> <p>Kiểm tra giữa học kỳ: Trọng số 10%</p> <p>Thực hành: Trọng số 20%</p> <p>Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Trọng số 60%</p>
4	Thực hành dạy học 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để tổ chức các hoạt động giáo dục trong lĩnh vực phát 	2	HK II	<p>-Điểm quá trình học trên lớp: 40% bao gồm:</p> <p>Tham gia học tập + phát biểu</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triển nhận thức, lĩnh vực phát triển thể chất cho trẻ MN - Kỹ năng + Rèn kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục trong lĩnh vực phát triển nhận thức + Rèn kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục trong lĩnh vực phát triển thể chất - Thái độ, chuyên cần + Nâng cao lòng yêu ngành, yêu nghề trong sinh viên.			trên lớp: Trọng số 10% Kiểm tra giữa học kỳ: Trọng số 10% Thực hành: Trọng số 20% - Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Trọng số 60%
5	Thực hành dạy học 2	- Kiến thức: + Phân tích và cho ví dụ cụ thể các nhóm phương pháp và hình thức tổ chức HĐTH. + Biết cách lập kế hoạch và tổ chức giờ HĐTH theo kế hoạch đã lập. + Biết cách đánh giá giờ HĐTH. + Hệ thống các kiến thức về phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với văn học. + Hiểu được một số vấn đề về tổ chức hoạt động giáo dục trong trường mầm non theo hướng tích hợp. - Kỹ năng: + Lựa chọn và sử dụng linh hoạt các phương pháp để tổ chức giờ HĐTH nhằm đạt được mục tiêu của hoạt động. + Lựa chọn, thiết kế và sử dụng các phương tiện, nguyên vật liệu để tổ chức 1 giờ HĐTH.	2	HK1	Điểm quá trình học trên lớp: 40% bao gồm: Tham gia học tập + phát biểu trên lớp: Trọng số 10% Kiểm tra giữa học kỳ: Trọng số 10% Thực hành: Trọng số 20% Kiểm tra đánh giá cuối kỳ: Trọng số 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> + Lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá kế hoạch, đánh giá kết quả kết quả tổ chức 1 giờ HĐTH + Rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm một số bài thơ, câu chuyện dành cho trẻ em lứa tuổi mầm non. + Rèn kỹ năng tổ chức hoạt động dạy trẻ kể chuyện sáng tạo + Rèn luyện kỹ năng thiết kế và tổ chức một số hoạt động giáo dục ở trường MN theo hướng tích hợp. - Thái độ: <ul style="list-style-type: none"> + Có tinh thần làm việc nhóm cao. + Xác định được vai trò của người giáo viên và trẻ trong tổ chức HĐTH, tổ chức hoạt động theo hướng tích hợp, làm quen tác phẩm văn học. + Tích cực rèn luyện năng lực nghề nghiệp, cập nhật thông tin về đổi mới phương pháp trong giáo dục mầm non. + Có ý thức cao về việc rèn luyện, bồi dưỡng các kỹ năng nghiệp vụ. 			
III.	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH				
III.1	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH				
1	Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ MN	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về vệ sinh ,nắm vững cơ sở lý luận, phương pháp ,biện pháp vệ sinh khoa học phù hợp lứa tuổi, với thực tiễn giáo dục hiện nay. + Biết được nguyên nhân , triệu chứng, tác hại, cách chăm sóc và 	4	HK II	<i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</i> <i>Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm</i> <i>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10%</i>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ mầm non.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thành và rèn luyện kỹ năng tổ chức chăm sóc, giáo dục vệ sinh, trang bị phương pháp nghiên cứu tìm hiểu, đánh giá công tác chăm sóc và giáo dục vệ sinh + Phát hiện các dấu hiệu sớm của bệnh + Sinh viên biết được kỹ năng phát hiện, phòng tránh một số bệnh nguy hiểm hay gặp của trẻ mầm non. - Thái độ: <ul style="list-style-type: none"> + Quan tâm chăm sóc trẻ + Bồi dưỡng tình cảm, tay nghề... cho sinh viên. 			<p>hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p>- <i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm</p>
2	Thiết kế đồ dùng và làm đồ chơi dạy học	Học phần cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc và một số kỹ thuật thiết kế, bảo quản và sử dụng đồ chơi, đồ dùng dạy học trong các hoạt động của trẻ mầm non và hướng dẫn sinh viên sử dụng các nguyên vật liệu có sẵn để thiết kế đồ dùng dạy học, đồ chơi phục vụ cho các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.	4	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình: 1 cột chuyên cần + phát biểu; 2 cột thực hành làm ĐC, ĐDDH; (30%) - Điểm thi tự luận (70%)
3	Văn học trẻ em	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về sự phát triển của văn học trẻ em Việt Nam; hệ thống những giá trị cơ bản các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trẻ em Việt Nam và nước ngoài.	02	HK1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng - Nêu vấn đề - Phương pháp kiểm tra viết. - Phương pháp thảo luận nhóm
4	Âm nhạc 1	Học phân bắt buộc, cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về lý	2	HK1	Đánh giá thường xuyên và

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuyết âm nhạc, đọc nhạc làm cơ sở để học những học phần âm nhạc khác			đánh giá định kỳ, chủ yếu qua thực hành và kết quả thể hiện âm nhạc
5	Âm nhạc 2	Học phần bắt buộc, cung cấp những kiến thức và kỹ năng về ca hát và sử dụng nhạc cụ	2	HKII	Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, chủ yếu qua thực hành và kết quả thể hiện âm nhạc
6	Mỹ thuật	- Giúp SV nắm được những kiến thức cơ bản để hoàn thành những bài tập trong chương trình học, phục vụ cho công tác giảng dạy sau này của SV	2	HKII	- Đánh giá SV qua bài tập thực hành.
III.2	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU CỦA NGÀNH		48		
III.2.1	BẮT BUỘC		34		
	Dinh dưỡng cho trẻ Mầm non	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng nói chung và dinh dưỡng đối với trẻ em nói riêng, giá trị dinh dưỡng của các loại lương thực, thực phẩm; dinh dưỡng giúp điều trị một số bệnh; Các bệnh do thực phẩm và ngộ độc thực phẩm, cách kết hợp và thay thế thực phẩm; công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ Mầm non theo hướng tích hợp. Nuôi dưỡng tình yêu với trẻ, với nghề nghiệp đã chọn cho sinh viên.	2	HK II	Đánh giá quá trình: 15%. Đánh giá giữa kỳ: 25% Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Vệ sinh cho trẻ Mầm non	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về vệ sinh trẻ em và vệ sinh môi trường trong trường Mầm non. Từ đó hướng dẫn Sinh viên vận dụng các kiến thức đó để thực hiện các thao tác vệ sinh cho trẻ, vệ sinh môi trường trong trường Mầm non góp phần chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. - Hình thành lòng yêu thích học phần, học tập tích cực, phát triển lòng yêu nghề cho sinh viên. 	2	HK II	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá quá trình: 15%. Đánh giá giữa kỳ: 25% Đánh giá cuối kỳ: 60%
1	PP. giáo dục thể chất MN	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung nhất về lý luận giáo dục thể chất mầm non như mục đích, nguyên tắc, nội dung và hình thức, các phương tiện giáo dục thể chất mầm non. + Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động, từ đó chỉ ra các giai đoạn giảng dạy vận động cho trẻ mầm non, cũng như các phương pháp dạy vận động cho trẻ mầm non qua các độ tuổi. - Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Rèn luyện kỹ năng soạn giáo án và thực hiện các giáo án về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. + Phát triển kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về giáo dục thể chất mầm non. Giúp sinh viên thích ứng nhanh với sự 	3	HK I	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm - Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>thay đổi chương trình giáo dục trẻ, với thực tiễn giáo dục mầm non.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thái độ: <ul style="list-style-type: none"> + Phát triển ý thức trách nhiệm của sinh viên trong công việc giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non. + Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp. Rèn luyện những phẩm chất đạo đức của người giáo viên mầm non trong tương lai. 			
2	PP cho trẻ MN LQ với Toán	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Nắm vững cơ sở lí luận của nội dung, phương pháp hình thành cho trẻ những biểu tượng toán học sơ đẳng. - Kỹ năng: Hình thành và rèn luyện kỹ năng tiến hành dạy trẻ trong các tiết toán và trong các hoạt động chung của trẻ đặc biệt là trong trò chơi. - Thái độ, chuyên cần: Tham gia đầy đủ các tiết học, tự học, tự nghiên cứu. 	3	HK1	<p><i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Chuyên cần:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm</p>
3	PP. tổ chức HĐ khám phá MTXQ cho trẻ MN	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động khám phá môi trường xung quanh đối với sự phát triển của trẻ và đặc điểm hoạt động khám phá ở lứa tuổi mầm non. - Kỹ năng: Có khả năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ MN theo 	3	HK II	<p><i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Chuyên cần:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Kiểm tra đánh</i></p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>từng lứa tuổi; xây dựng môi trường thúc đẩy trẻ khám phá; kích lệ hứng thú khám phá của trẻ và tổ chức các hoạt động khám phá MTXQ cho trẻ MN hiệu quả.</p> <p>- Thái độ: + Có tinh thần không ngừng học hỏi trau dồi các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp để nâng cao khả năng tổ chức các hoạt động khám phá môi trường xung quanh trong trường mầm non; + Có tinh thần chủ động thích ứng với sự thay đổi, linh hoạt, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động khám phá môi trường xung quanh trong trường mầm non.</p>			<p><i>giá định kỳ:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm</p>
4	PP phát triển ngôn ngữ	Nhằm trang bị cho sv một số vấn đề lí luận về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non, đồng thời vận dụng được lí luận trong tổ chức các hoạt động sau khi ra trường	3	HK II	<p><i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Chuyên cần:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Phương pháp tổ chức HĐTH cho trẻ Mn	Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về: ý nghĩa, nhiệm vụ, đặc điểm, nội dung, Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại; có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá được các thể loại hoạt động tạo hình trong trường mầm non.	3	HK II	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình: 1 cột chuyên cần + phát biểu; 2 cột thực hành tập dạy (30%) - Điểm thi tự luận (70%)
6	PP tổ chức HĐ âm nhạc	Nhằm trang bị cho sv một số vấn đề chung về giáo dục âm nhạc trong trường mầm non, các phương pháp dạy, hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc, cách thức soạn giáo án và thực hành tổ chức các hoạt động sau khi ra trường.	3		<i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Chuyên cần:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm
7	PP. ct trẻ LQV TPVH	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Có kiến thức, hiểu biết về vai trò, vị trí của môn học trong chương trình CSGD trẻ MN, các phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen tác phẩm văn học (TPVH) ... - Kỹ năng: Rèn kỹ năng đọc kể diễn cảm TPVH, kỹ năng tổ chức dạy trẻ làm quen TPVH, kỹ năng chuyển thể TPVH sang kịch bản, kỹ năng dạy trẻ đóng kịch... 	3	HK1	<i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Chuyên cần:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</i> 10% hoặc 1.0 điểm

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Thái độ, chuyên cần: Xác định đúng vai trò, vị trí của môn học trong quá trình CSGD trẻ để có thái độ tiếp thu bài chủ động, tích cực			<i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm
8	Múa và PPDH	Hiểu được một số vấn đề lý luận cơ bản về nghệ thuật múa ; nắm rõ vai trò, tác dụng của nghệ thuật múa đối với trẻ MN, nắm vững một số động tác múa dân gian Việt Nam ; biết cách biên múa cho trẻ trong trường MN	3	HK1	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên trên lớp (thảo luận thực hành) - Thi cuối kỳ
9	PP. Tổ chức HĐ vui chơi	SV Có những kiến thức cơ bản và nắm được phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ trong trường MN. - Kỹ năng: Kỹ năng tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ. - Thái độ: Xác định đúng vai trò, vị trí của môn học trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ để có thái độ tiếp thu bài chủ động, tích cực, tham dự học tập đầy đủ...	3	HK1	<i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Chuyên cần:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm - <i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm
10	CT và TC TH chương trình GDMN	- Giúp sinh viên khái quát được chương trình giáo dục mầm non với những mục tiêu giáo dục, nội dung, phương pháp, các điều kiện thực hiện chương trình đối với trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo.	3	HK1	<i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Chuyên cần:</i> 10% hoặc 1.0 điểm

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non nói chung và của giáo dục mầm non Việt Nam nói riêng - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục; tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình giáo dục mầm non; xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non. Giúp sinh viên biết lập kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non dựa trên các hoạt động giáo dục trong trường mầm non. 			<p><i>Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm</i></p> <p><i>Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm</i></p> <p><i>- Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm</i></p>
III.2.2	CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN		14		
1	PP biên đạo múa*-K9	Cung cấp cho sv có được những kiến thức cơ bản về biện đạo múa và một số kỹ năng biên đạo , các bước tiến hành biên đạo một tác phẩm múa ; hiểu mối quan hệ giữa nghệ thuật biên đạo múa với sự phát triển của trẻ lứa tuổi MN để từ đó biết cách biên đạo múa cho trẻ ở trường MN theo nguyên tắc , nội dung , yêu cầu , phương pháp , quy trình nhất định	2	HK I	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá thường xuyên trên lớp (thảo luận thực hành) - Thi cuối kỳ
2	Giáo dục hòa nhập	- Kiến thức: SV nắm được những vấn đề chung về can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non và quá trình tổ chức can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thính, khiếm thị và chậm phát triển trí tuệ mầm non.	2	HK I	<p><i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</i></p> <p><i>Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm</i></p> <p><i>Kiểm tra đánh</i></p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng: SV phát triển kỹ năng học tập, kỹ năng phát hiện, chăm sóc và giáo dục trẻ khiếm thính, khiếm thị và chậm phát triển trí tuệ lứa tuổi mầm non. - Thái độ: SV nhận thức được tầm quan trọng của học phần, có thái độ yêu trẻ khuyết tật, tôn trọng sự phát triển của trẻ khuyết tật và có ý thức rèn luyện để tham gia chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật. 			<p><i>giá định kỳ:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm</p>
3	Trò chơi dân gian VVCT LQMTXQ	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh; mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung và hình thức, các phương tiện để tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh (MTXQ). - Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Bước đầu trang bị cho học viên các phương pháp, kỹ năng tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. + Biết tổ chức các hình thức tổ chức trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh. - Thái độ: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thành cho sinh viên có hứng thú học tập và tích cực tìm hiểu các trò chơi dân gian với việc cho trẻ làm quen 	2	HK II	<p><i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Chuyên cần:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với môi trường xung quanh ở trường mầm non. + Có ý thức để rèn luyện tay nghề đáp ứng với thực tiễn của giáo dục mầm non.			
4	Cấp cứu ban đầu cho trẻ Mầm Non	Học phân cung cấp cho người học những kỹ năng, tâm thế bình tĩnh khi sơ cấp cứu một số tai nạn thường gặp ở trẻ Mầm non như: gãy xương, đuối nước, điện giật, chảy máu động mạch-tĩnh mạch, ngừng tim, ngừng thở, ... Quản lý, bảo quản tốt các loại thuốc và dụng cụ y tế.	2	HK II	- Quá trình: 1 cột chuyên cần + phát biểu; 1 cột KTTX; 1 cột thực hành sơ cấp cứu (30%) - Điểm thi tự luận (70%)
5	Quản lý GDMN	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý giáo dục nói chung, giáo dục MN nói riêng. Nắm được tổ chức bộ máy trường MN và công tác quản lý các nội dung hoạt động ở trường MN của người quản lý để theo dõi và thực hiện	2	HK I	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm Chuyên cần: 10% hoặc 1.0 điểm Kiểm tra đánh giá định kỳ: 10% hoặc 1.0 điểm Thực hành: 10% hoặc 1.0 điểm - Thi cuối kỳ: 60% hoặc 6.0 điểm
6	PP. đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học*	- Kiến thức: Nắm vững cơ sở khoa học cơ bản của hoạt động đọc diễn cảm tác phẩm văn học; nắm được khái niệm đọc diễn cảm, cơ sở tâm lý học, ngôn ngữ học và văn học của việc đọc	2		

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>diễn cảm; đồng thời hình thành hiểu biết về các yếu tố âm thanh liên quan đến đọc diễn cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng phân tích các chỉ số âm thanh trong tác phẩm văn học, phục vụ cho việc đọc diễn cảm. + Biết xác định giọng điệu, kỹ năng đọc và thể hiện giọng đọc một cách diễn cảm. + Có kỹ năng soạn giáo án tiết học đọc diễn cảm cho trẻ lứa tuổi mầm non. + Hướng dẫn, tổ chức cho trẻ mầm non làm quen và đọc diễn cảm tác phẩm văn học. - Thái độ, chuyên cần: <ul style="list-style-type: none"> + Có ý thức và khả năng liên hệ với thực tiễn dạy học ở trường mầm non, tích lũy kiến thức cho quá trình giảng dạy sau này. + Tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; có ý thức vận dụng lí thuyết vào giải quyết các tình huống dạy học trong thực tế. + Có ý thức rèn luyện đọc diễn cảm thường xuyên. 			
7	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ MN	<p>Nhằm Trang bị cho sinh viên một hệ thống kiến thức chuyên sâu về giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi đồng thời vận dụng các nội dung kiến thức, phương pháp đã học vào</p>	2	HK 2	<p><i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên: 10% hoặc 1.0 điểm</i> <i>Chuyên cần: 10% hoặc 1.0</i></p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công tác giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ			điểm <i>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm - <i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm
IV.	HỌC PHẦN THAY THẾ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP		5		
1	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	Nhằm trang bị cho sinh viên những cơ sở lý luận về vấn đề Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một và vận dụng được trong công tác giảng dạy sau khi ra trường.	2	HK II	<i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Chuyên cần:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm - <i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm
2	Tiếp cận TH trong việc pt NNML cho trẻ MN	- Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các lí thuyết cơ bản và chuyên sâu về đặc điểm ngôn ngữ mạch lạc của trẻ, nhận biết các cách thức giúp trẻ sử dụng ngôn ngữ mạch lạc như là phương tiện giao tiếp quan trọng	3	HK II	<i>Kiểm tra đánh giá thường xuyên:</i> 10% hoặc 1.0 điểm <i>Chuyên cần:</i> 10% hoặc 1.0

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>nhằm phát triển tư duy, góp phần giáo dục trẻ mầm non một cách toàn diện. Đồng thời, qua học phần, người học cũng được tiếp cận và phân tích, đánh giá chương trình phát triển ngôn ngữ mạch lạc ở trường mầm non hiện nay.</p> <p>- Kỹ năng: Sinh viên được tập dượt, xây dựng một số chương trình, mô hình về phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc cơ bản cho trẻ mầm non; từ đó góp phần hình thành kỹ năng thiết kế bài dạy, kỹ năng dạy học phát triển ngôn ngữ mạch lạc phù hợp cho trẻ.</p> <p>- Thái độ: Từ việc nhận thức đúng đắn về vai trò của ngôn ngữ mạch lạc trong đời sống của trẻ Mầm non, sinh viên sẽ tích cực tìm hiểu và vận dụng các biện pháp phát triển vốn từ ngữ và khả năng giao tiếp của trẻ; ý thức rõ hơn vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ thơ.</p>			<p>điểm</p> <p><i>Kiểm tra đánh giá định kỳ:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thực hành:</i> 10% hoặc 1.0 điểm</p> <p><i>Thi cuối kỳ:</i> 60% hoặc 6.0 điểm</p>

2. NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC (7140202)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	KHỐI KIẾN THỨC RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SỰ PHẠM		06		
1	Rèn luyện NVSP tiểu học	<p>- Rèn cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc và kể chuyện.</p> <p>- Hình thành ở sinh viên những tri thức sơ giản về chữ viết, kỹ năng viết,</p>	02	Học kì II	<p>- Thuyết giảng</p> <p>- Phát vấn</p> <p>- Phương pháp kiểm tra viết.</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các yếu tố ảnh hưởng đến việc luyện viết và cách viết các văn bản phục vụ cho việc dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học.			- Phương pháp đánh giá sinh viên thông qua thuyết trình theo nhóm.
2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Tiểu học 2 (khóa 11)	- Hình thành những tri thức sơ giản về chữ viết, kỹ năng viết, các yếu tố ảnh hưởng đến việc luyện viết và cách viết các văn bản phục vụ cho việc dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học.	02	Học kì II	Phương pháp kiểm tra viết.
3	Rèn NVSP3	Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng sư phạm liên quan đến việc lập kế hoạch dạy học và thiết kế đồ dùng dạy học. Thông qua học phần này, người học có khả năng phân tích và lập kế hoạch dạy học cho các bài học thuộc tất cả các môn học ở trường tiểu học, đồng thời người học cũng có khả năng thiết kế và sử dụng hiệu quả các đồ dùng dạy học trong hoạt động giảng dạy.	02	HK I	- Chuyên cần (10%): Tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học, giờ học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học, buổi học). - Kiểm tra thường xuyên (10%): Tham gia tích cực các hoạt động học tập trên lớp; thực hiện chất lượng các nhiệm vụ học tập được giao - Đánh giá giữa kỳ (10%): Kiểm tra viết - Đánh giá cuối kỳ (70%): Bài thực hành
II.	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		13		

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
II.1. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			13		
1	Cơ sở Việt ngữ của dạy học tiếng Việt tiểu học 1	- Có kiến thức cơ bản về dẫn luận ngôn ngữ học, ngữ âm học tiếng Việt, từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt để học tập và nghiên cứu tiếng Việt.	03 (2 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành)	Học kì II	- Phương pháp kiểm tra viết, Phương pháp đánh giá sinh viên thông qua thuyết trình theo nhóm.
2	Văn học	- Nhận biết được những vấn đề cơ bản của lí luận văn học - Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về kĩ năng phân tích, đánh giá tác giả và tác phẩm văn học để phục vụ cho việc giảng dạy Tiếng Việt ở tiểu học - Môn học hướng vào việc giáo dục cho SV lòng tự hào, lòng yêu mến nền văn học nước nhà; tạo cho người học nhiệt tình và hứng thú để tiếp tục tự học tập, nghiên cứu và hiểu đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về nền văn học thiếu nhi của dân tộc và nhân loại; đồng thời có thể vận dụng được các tri thức đã học, đã nghiên cứu vào công việc chuyên môn của mình sau khi đã tốt nghiệp ra trường.	03	Học kì I	- Thuyết giảng - Nêu vấn đề - Phương pháp kiểm tra viết. - Phương pháp thảo luận nhóm
3	Cơ sở Toán học 2		03	HK 1	- Chuyên cần (10%): Tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học, giờ học.

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thường xuyên (10%): Tham gia tích cực các hoạt động học tập trên lớp: thuyết trình thảo luận, tập giảng. - Đánh giá giữa kỳ(10%): bài tập nhóm - Đánh giá cuối kỳ (70%): Bài thi kết thúc học phần
4	Âm nhạc	Học phần bắt buộc, cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về lý thuyết âm nhạc, đọc nhạc làm cơ sở để học những học phần âm nhạc khác	2	HK1	Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, chủ yếu qua thực hành và kết quả thể hiện âm nhạc
5	Mỹ thuật	- Giúp SV nắm được những kiến thức cơ bản để hoàn thành những bài tập trong chương trình học, phục vụ cho công tác giảng dạy sau này của SV.	2	HK1	- Đánh giá SV qua bài tập thực hành.
II.2	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN SÂU CỦA NGÀNH		31		
II.2.1.	HỌC PHẦN BẮT BUỘC		22		
1	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1	Cung cấp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về : - Phương pháp dạy học Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt	04	- Học kì I	- Đánh giá chuyên cần, thái độ tích cực học

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>ở Tiểu học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cơ sở khoa học của dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học. - Môn Tiếng Việt và chương trình dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học. - Các nguyên tắc và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học. - Phương pháp dạy học các môn: Học vần, Chính tả, Luyện từ và câu 			<p>tập của sinh viên: 10%</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập trên lớp, thảo luận nhóm, thuyết trình, lên lớp tập giảng, rút kinh nghiệm giờ dạy : 10%. - Bài kiểm tra giữa kỳ (Bài tập trên lớp hoặc thảo luận nhóm, thuyết trình, lên lớp tập giảng, nhận xét rút kinh nghiệm giờ dạy...): 10 %. - Bài thi cuối kỳ : 70 % <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>
2	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về phương pháp dạy học 4 phân môn Tiếng Việt ở tiểu học: Tập đọc, Tập viết, Kể chuyện và Tập làm văn Học phần gồm 4 chương, mỗi chương bao gồm cả lý thuyết và thực hành. - Rèn kỹ năng phân tích chương trình, sách giáo khoa và các tài liệu dạy học của từng phân môn, kỹ năng thiết kế các loại bài dạy, kỹ năng tổ chức hoạt động dạy học các phân 	04	- Học kì II	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (10%): Tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học, giờ học. - Kiểm tra thường xuyên (10%): Tham gia tích cực các hoạt động học tập trên lớp: thuyết trình

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn Tập đọc, Tập viết, Kể chuyện và Tập làm văn.			thảo luận, tập giảng. - Đánh giá giữa kỳ(10%): bài tập nhóm - Đánh giá cuối kỳ (70%): Bài thi kết thúc học phần
3	Thủ Công – Kỹ Thuật và PPDH Thủ Công kỹ Thuật	<p>Học phần có những kiến thức cơ bản về thủ công, kỹ thuật và công nghệ; những vấn đề tổng quan về thủ công, kỹ thuật; công nghệ; kỹ thuật tạo hình bằng giấy bìa; kỹ thuật làm đồ chơi; thiết kế; đổi mới công nghệ; lắp ghép mô hình kỹ thuật, kỹ thuật trồng cây và chăn nuôi. Thông qua học phần này, người học có khả năng sử dụng được một số sản phẩm công nghệ thông dụng trong gia đình đúng cách, an toàn; thiết kế được sản phẩm thủ công kỹ thuật đơn giản; trao đổi được một số thông tin đơn giản về các sản phẩm công nghệ trong phạm vi gia đình, nhà trường; nhận xét được ở mức đơn giản về sản phẩm công nghệ thường gặp; nhận biết được vai trò của công nghệ đối với đời sống trong gia đình, ở nhà trường.</p> <p>Học phần có những kiến thức cơ bản về vị trí, đối tượng, nội dung, chương trình công nghệ; các phương pháp thường được sử dụng. Có kỹ năng ứng dụng của phương pháp dạy</p>	04	Học kì I	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần (10%): Tham gia đầy đủ, đúng giờ các buổi học, giờ học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học, buổi học). - Kiểm tra thường xuyên (5%): Tham gia tích cực các hoạt động học tập trên lớp; thực hiện chất lượng các nhiệm vụ học tập được giao. <p>Quy định về đánh giá giữa kỳ</p> <ul style="list-style-type: none"> -Làm bài kiểm tra thực hành

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học Công nghệ vào các hoạt động giảng dạy, hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; có kỹ năng sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học: thực hành, giảng giải, phân tích, đánh giá trong các hoạt động giáo dục ở Tiểu học.			Quy định về đánh giá cuối kỳ - Sinh viên tham gia thi kiểm tra trên giấy có lý thuyết và thực hành - Đối với bất kỳ sự gian lận nào trong quá trình làm bài thi, sinh viên phải chịu mọi hình thức kỷ luật của Khoa/Trường và bị 0 điểm cho học phần này.
4	Phương pháp dạy học âm nhạc ở Tiểu học	Học phần bắt buộc, cung cấp những kiến thức và kỹ năng về phương pháp dạy học âm nhạc ở Tiểu học, giúp người học	2	HK1	Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, chủ yếu qua thực hành và kết quả thể hiện âm nhạc
5	Giáo dục Mỹ thuật ở Tiểu học	- Giúp SV nắm được những kiến thức cơ bản về mỹ thuật. Thực hiện một số bài tập thực hành trên lớp đối với các phân môn trong mỹ thuật. - Giúp SV nắm được phương pháp soạn giáo án và thực hiện giảng dạy đối với các phân môn mỹ thuật trong chương trình Tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5.	4	HKII	- Đánh giá SV qua bài tập thực hành - Đánh giá qua bài soạn giáo án, và phương pháp đứng lớp.
6	Phương pháp dạy	Học phần cung cấp các kiến thức về dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội,	04	HK 1	- Chuyên cần (10%): Tham gia

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	học Tự nhiên – Xã hội	Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở trường tiểu học, cụ thể như: mục tiêu, nội dung chương trình; phương pháp dạy học; phương tiện và hình thức tổ chức dạy học; kiểm tra đánh giá kết quả trong dạy học. Thông qua học phần này, người học có khả năng phân tích nội dung chương trình; lựa chọn phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng học sinh để thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học một cách hiệu quả			đầy đủ, đúng giờ các buổi học, giờ học (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học, buổi học). - Kiểm tra thường xuyên (10%): Tham gia tích cực các hoạt động học tập trên lớp; thực hiện chất lượng các nhiệm vụ học tập được giao - Đánh giá giữa kỳ (10%): Kiểm tra viết - Đánh giá cuối kỳ (70%): Bài thi kết thúc học phần
II.2.2. HỌC PHẦN TỰ CHỌN			09		
1	Thể loại và phương pháp thể hiện bài hát thiếu nhi	Học phần tự chọn, nâng cao năng lực thể hiện bài hát.	2	HK1	Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, chủ yếu qua thực hành và kết quả thể hiện âm nhạc
2	Thiết kế mỹ thuật cơ bản (phần 1)	- Giúp SV vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thành bài tập thiết kế mỹ thuật trên giấy vẽ, làm tiền đề cho các bài tập thiết kế trên máy.	2	HKII	Đánh giá SV qua bài tập thực hành.

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Thực hành giải bài tập Tiếng Việt ở Tiểu học	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bài tập trong dạy học tiếng Việt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vai trò của hệ thống bài tập trong dạy học tiếng Việt, phân loại bài tập tiếng Việt. - Nắm vững quy trình chung tổ chức thực hành giải bài tập tiếng Việt ở tiểu học và quy trình áp dụng đối với từng kiểu dạng bài tập trong môn Tiếng Việt: đọc, viết, nói và nghe. Học phần rèn cho người học kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả học tập thực hành giải bài tập tiếng Việt của học sinh tiểu học. 	03	- HK II	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá chuyên cần, thái độ tích cực học tập của sinh viên: 10% - Bài tập trên lớp, thảo luận nhóm, thuyết trình, lên lớp tập giảng, nhận xét rút kinh nghiệm giờ dạy : 10% - Bài kiểm tra giữa kỳ (Bài tập trên lớp hoặc thảo luận nhóm, thuyết trình, lên lớp tập giảng, nhận xét rút kinh nghiệm giờ dạy...): 10 %. - Bài thi cuối kỳ : 70 % <p>Hình thức thi: Tự luận.</p>
4	Đàn phím điện tử	Học phần tự chọn, cung cấp những kiến thức và kỹ năng về sử dụng nhạc cụ	2	HK1	Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, chủ yếu qua thực hành và kết quả thể hiện âm nhạc
III.	HỌC PHẦN THAY THẾ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP		03		
1	Phát triển năng lực	Là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên	03		- Chuyên cần (10%): Tham gia

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	giải quyết vấn đề cho học sinh Tiểu học trong dạy học Tiếng Việt	ngành, Học phần Phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong dạy học Tiếng Việt nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về phương pháp dạy học phát huy tính tích cực học sinh qua các kỹ năng Tiếng Việt: Đọc, Viết, Nói và Nghe ở tiểu học. Cụ thể là : Đọc (Học vần, Tập đọc); Viết (Tập viết, Chính tả, Tập làm văn), Nói và Nghe (Luyện từ và câu, Kể chuyện). Giúp người học củng cố và rèn luyện các kỹ năng cơ bản thiết kế bài học theo hướng phát triển năng lực để vận dụng thực hành phương pháp dạy học phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt.		- Học kì II	đầy đủ, đúng giờ các buổi học, giờ học. - Kiểm tra thường xuyên (10%): Tham gia tích cực các hoạt động học tập trên lớp: Thuyết trình, thảo luận, tập giảng - Đánh giá giữa kỳ(10%): bài tập nhóm. - Đánh giá cuối kỳ (70%): Bài thi kết thúc học phần

3. NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC (7140209)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I. Khối kiến thức chung			23		
1	Triết học Mac-Lênin	Cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng,	3	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.			
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK2	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ	2	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.			
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo uộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay).	2	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
6	Tin học đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
7	Tiếng Anh 1	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử	2	HK1	Thường xuyên: 15%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.			Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
8	Tiếng Anh 2	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	HK2	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
9	Tiếng Anh 3	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất	3	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
10	Pháp luật đại cương	Cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học	2	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
11	Giáo dục thể chất 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động 2 môn Điền kinh: chạy cự ly ngắn và	1	HK1	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ:20%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhảy xa kiểu “ngôi”, phát triển các tố chất vận động.			Thi cuối kỳ: 60%
Nhóm học phần tự chọn					
	Giáo dục thể chất 2		1	HK2	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi cuối kỳ: 60%
11	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động về kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản, kỹ thuật phát bóng thấp tay và cao tay (chính diện) và phát triển các tố chất vận động	1	HK2	
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng như: kỹ thuật, thể lực và một số chiến thuật cơ bản trong môn bóng đá.	.1	HK2	
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK2	
	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK2	
	Giáo dục thể chất 3		1	HK3	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi cuối kỳ: 60%
	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo	1	HK3	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		(xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo			
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức như: kỹ thuật, thể lực, một số chiến thuật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài trong môn bóng đá.	1	HK3	
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK3	
	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK3	
12	Giáo dục quốc phòng	Cung cấp cho sinh viên Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam... để giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.			

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Trang bị cho sinh viên những vấn đề về Đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công</p> <p>bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiến công;</p> <p>trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54. thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.</p>			
II. Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm			29		
Kiến thức cơ sở chung					
13	Tâm lý học đại cương		2		Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
14	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm		3		Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
15	Giáo dục học		2		Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
16	Giao tiếp sư phạm		2		Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên sư phạm toán những kiến thức cơ bản về các phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học toán, các kỹ thuật biên soạn đề kiểm tra đánh giá; một số xu hướng mới trong công tác kiểm tra, đánh giá.	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
18	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Tham gia học phần, sinh viên bước đầu thực hành thiết kế, biên soạn giáo án/kế hoạch bài dạy, tập giảng,... theo các chủ đề kiến thức Toán học ở phổ thông, tổ chức hoạt động trên lớp, hoạt động nhóm,... nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong học tập. Đồng thời, thông qua học tập học phần, sinh viên được rèn luyện thêm một số kỹ năng cơ bản về đứng lớp, xử lý tình huống sư phạm,...	3	HK5	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
19	Thực tập sư phạm đợt 1		2		
20	Thực tập sư phạm đợt 2		5		
Kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành					
21	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Toán	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên sư phạm toán những kỹ năng cơ bản của các phần mềm toán học chuyên dụng để thiết kế các mô hình toán trong dạy học. Sinh viên phải nắm vững các kỹ năng cơ bản về tin học, đã học xong học phần tin học.	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
22	Lý luận dạy học môn Toán	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học môn toán, giúp sinh viên xác định được mục tiêu, nội dung chương trình toán	3	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trung học phổ thông, cung cấp các phương pháp dạy học và những tình huống điển hình trong dạy học toán.			Thi cuối kỳ: 60%
23	Phương pháp dạy học môn Toán	Tham gia học phần, sinh viên được hình thành năng lực vận dụng các phương pháp vào tổ chức các hoạt động dạy học theo các chủ đề kiến thức Toán học cụ thể ở phổ thông. Các chương của học phần được cấu trúc dựa trên các mạch kiến thức trong chương trình môn Toán phổ thông hiện hành, chẳng hạn như Số học, Hàm số, Phương trình và bất phương trình, Đạo hàm và Tích phân, Tổ hợp - Xác suất - Thống kê, Hình học không gian, Hình học tọa độ,...	3	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
III. Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp			78		
Kiến thức cơ sở ngành					
24	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Sư phạm Toán học	Trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó xác định và mô tả được vấn đề cần nghiên cứu. Đồng thời, nó cũng trang bị cho người học phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập và phân tích thông tin thu thập được. Từ đó, trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học theo đặc thù ngành toán học.	2	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
25	Nhập môn Toán cao cấp	Học phần Nhập môn Toán cao cấp rèn luyện tư duy Toán học cho người học thông qua các nội dung lý thuyết tập hợp, logic, ánh xạ và chứng minh; hướng dẫn cho người học tiếp thu những kiến thức cơ bản của những	3	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nội dung này; rèn luyện cho người học những kỹ năng sử dụng các công cụ của lý thuyết tập hợp, lôgic và chứng minh vào giải quyết các bài toán có liên quan; đồng thời bồi dưỡng năng lực tự học và nghiên cứu khoa học cho người học.			
26	Giải tích một biến số 1	Trang bị cơ sở toán học của bộ môn giải tích hàm một biến thực.	3	HK1	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
27	Giải tích một biến số 2	Học phần Giải tích một biến số 2 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tích phân của hàm một biến và lý thuyết chuỗi. Giúp sinh viên có kỹ năng tính các tích phân không xác định, xác định và tích phân suy rộng, khảo sát sự hội tụ của tích phân suy rộng, biết vận dụng phép tính tích phân vào một số bài toán thực tiễn,... Đối với chuỗi số, giúp sinh viên nắm được kỹ năng chứng minh chuỗi số hội tụ, dãy hàm và chuỗi hàm hội tụ đều, tìm miền hội tụ của chuỗi lũy thừa và khai triển một hàm thành chuỗi lũy thừa.	3	HK2	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
Kiến thức ngành					
a. Bắt buộc					
28	Đại số tuyến tính 1	Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản về không gian vector; ánh xạ tuyến tính và ma trận; định thức và hệ phương trình tuyến tính.	3	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Đại số tuyến tính 2	Học phần bao gồm 3 chương. Chương 1: Trình bày chéo hoá tự đồng cấu, dạng chuẩn Jordan, đa thức tối thiểu của tự đồng cấu. Chương 2: Trình bày dạng song tuyến tính, dạng toàn phương, các tính chất của chúng. Chương 3: Trình bày về không gian véc tơ Euclid, ánh xạ trực giao và đối xứng.	3	HK2	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
30	Giải tích nhiều biến 1	Trang bị những kiến thức cơ bản về hàm nhiều biến, tính vi phân và đạo hàm của hàm nhiều biến, ứng dụng của phép tính vi phân hàm nhiều biến.	2	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
31	Giải tích nhiều biến 2	Trang bị cơ sở toán học của bộ môn giải tích hàm nhiều biến thực.	3	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
32	Hình học tuyến tính	Học phần bao gồm 4 chương, chương 1. Không gian affine và phẳng. chương 2. Ánh xạ affine và phép biến đổi affine. Chương 3. Siêu mặt bậc hai. Chương 4. Không gian Euclid. Chương 5. Ánh xạ đẳng cự, phép biến đổi đẳng cự. Chương 6. Siêu mặt bậc hai Euclid. Mục đích của học phần là cung cấp tri thức hình học trên các không gian Euclid và không gian affine, thông qua quá trình học tập giúp sinh viên rèn luyện những phẩm chất năng lực như làm việc nhóm, biết vận dụng nền tảng tri thức cũ khám phá tri thức mới,...	3	HK 3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Không gian mêtric - Không gian tôpô	Trang bị những kiến thức cơ bản về không gian mêtric và không gian tôpô.	3	HK4	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
34	Độ đo - Tích phân	Học phần Độ đo – Tích phân cung cấp cho người học các kiến thức và tính chất của độ đo, hàm đo được. Vận dụng các kiến thức đã được giới thiệu để chứng minh các tính chất và đặc điểm của độ đo. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học nắm vững khái niệm và tính chất cơ bản của tích phân Lebesgue; hiểu rõ việc xây dựng tích phân Lebesgue và nhận biết được mối liên hệ giữa tích phân Lebesgue và tích phân Riemann.	2	HK5	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
35	Số học	Trang bị những kiến thức cơ bản về số học.	3	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
Kiến thức ngành					
a. Bắt buộc					
36	Xác suất thống kê 1	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán. Học phần giúp người học có thể vận dụng kiến thức xác suất và thống kê để tiếp cận và giải quyết các vấn đề trong toán học và trong các lĩnh vực khác. Thông qua đó từng bước hình thành đạo đức nghề nghiệp cho người học.	3	HK2	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Phương trình vi phân	Cung cấp cho sinh viên lý thuyết cơ bản về phương trình và hệ phương trình vi phân. Sử dụng được các phương pháp giải phương trình vi phân để ra đề, hướng dẫn học sinh làm được một số bài đơn giản có liên quan đến tìm hàm.	2	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
38	Hàm biến phức	Trang bị những kiến thức cơ bản về số phức, các hàm giải tích, tích phân phức và một số ứng dụng thặng dư để tính tích phân.	3	HK5	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
39	Lý thuyết Galois	Học phần có 2 chương, ứng với Lý thuyết mở rộng trường và Lý thuyết Galois. Lý thuyết Galois được xây dựng theo quan điểm của mở rộng trường. Phần mở rộng trường cần nghiên cứu các kiểu mở rộng: đơn, hữu hạn, đại số, trường phân rã, tách được, chuẩn tắc, Galois. Phần Lý thuyết Galois cần nghiên cứu nhóm Galois, tương ứng Galois, tiêu chuẩn của mở rộng Galois, tiêu chuẩn giải được bằng căn thức của phương trình đa thức. Phần ứng dụng tập trung vào các nội dung về dựng hình bằng thước kẻ và compa, trường hữu hạn, đa thức và trường chia đường tròn.	3	HK5	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
40	Giải tích hàm	Trang bị những kiến thức cơ bản về các không gian tuyến tính định chuẩn, ánh xạ tuyến tính liên tục, biết vận dụng ba nguyên lý cơ bản của giải tích hàm vào các bài toán cụ thể. Trang bị những kiến thức cơ bản về các toán tử tuyến tính liên tục, toán tử	4	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		compact, lý thuyết phổ các toán tử và những kiến thức quan trọng của không gian Hilbert.			
41	Quy hoạch tuyến tính	Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Quy hoạch tuyến tính. Qua đó, sinh viên nắm được các thuật toán giải các bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán vận tải. Liên hệ được với các tính chất cơ bản của Đại số tuyến tính, giải tích lồi và các bài toán cực trị. Đồng thời sinh viên phải làm quen với tư duy tối ưu nhằm áp dụng vào công việc dạy học và các hoạt động khác của việc dạy học.	3	HK7	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
42	Hình học xạ ảnh	Có bốn môn hình học được giảng dạy trong chương trình của ngành Toán trường ĐHSP: Hình học giải tích, Hình học affine và hình học Euclid; Hình học xạ ảnh và hình học vi phân. Đây là môn hình học thứ ba. Môn học chủ yếu đề cập đến các tính chất xạ ảnh, các tính chất bất biến qua các phép biến đổi xạ ảnh. Hình học xạ ảnh nghèo nàn về đối tượng nghiên cứu (các tính chất liên quan đến số đo sẽ không được xét đến, tính song song giữa các phẳng cũng không có) nhưng tổng quát hơn các hình học khác. Cái còn lại chủ yếu trong hình học xạ ảnh là quan hệ liên thuộc. Theo một nghĩa nhất định, có thể nói hình học Euclid là hình học của thước kẻ và compass còn hình học xạ ảnh là hình học của chỉ thước kẻ.	3	HK5	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Thế mạnh của môn học là giúp SV giải quyết các bài toán về tính đồng qui và thẳng hàng (đặc biệt là hình học phẳng) một cách tổng quát. Các định lý liên quan đến các đường conic sẽ rất thú vị cho SV khi nhìn lại các bài tập tương tự ở PTTH. Môn học còn giúp SV có thể sáng tạo các bài toán sơ cấp qua nguyên lý đối ngẫu, mô hình xạ ảnh của không gian affine...</p> <p>Phương pháp nghiên cứu vẫn là phương pháp tọa độ. Phần mềm Geometer's Sketchpad sẽ rất có ích khi dùng để giải các bài toán xạ ảnh phẳng.</p>			
43	Hình học vi phân	<p>Giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát hơn về các đối tượng hình học quen thuộc đã được biết đến ở PTTH như đường và mặt. Thông qua học phần này tư duy trừu tượng của người học sẽ được nâng cao. Điều này sẽ giúp cho người học sẽ có thể giảng dạy bộ môn hình học ở PTTH một cách chủ động.</p>	3	HK7	<p>Thường xuyên: 15%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 25%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>
44	Đại số sơ cấp	<p>Học phần gồm 4 chương. Chương 1. Biểu thức đại số. chương 2. Hàm số. Chương 3. Phương trình, hệ phương trình. Chương 4. Bất đẳng thức, bất phương trình và hệ bất phương trình.</p> <p>Mục đích của học phần là cung cấp tri thức lĩnh vực đại số sơ cấp, thông qua tích lũy kiến thức còn góp phần giúp sinh viên rèn luyện những</p>	3	HK 6	<p>Thường xuyên: 15%</p> <p>Kiểm tra giữa kỳ: 25%</p> <p>Thi cuối kỳ: 60%</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phẩm chất năng lực như làm việc nhóm, biết vận dụng nền tảng tri thức cũ khám phá tri thức mới.			
45	Hình học sơ cấp	Học phần bao gồm 4 chương, chương 1. Các hệ tiên đề xây dựng hình học. Chương 2. Các hình hình học, chương 3. Quan hệ song song và quan hệ vuông góc. Chương 4. Phép biến hình Mục đích của học phần là cung cấp tri thức hình học trên không gian Euclid thông qua quá trình học tập giúp sinh viên rèn luyện những phẩm chất năng lực như làm việc nhóm, biết vận dụng nền tảng tri thức cũ khám phá tri thức mới,...	3	HK 5	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
46	Đại số đại cương 1	Học phần trình bày các kiến thức cơ bản về nhóm, vành và trường, bao gồm các khái niệm về nhóm, nhóm con, nhóm con chuẩn tắc, nhóm thương, đồng cấu nhóm, vành, vành con, idêan, vành thương, đồng cấu vành, trường, trường con	3	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
47	Đại số đại cương 2	Học phần trình bày các kiến thức cơ bản về vành đa thức, miền nguyên, miền các ideal chính, miền Euclide, đa thức trên trường số.	2	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
48	Xác suất thống kê 2	Học phần này nhằm trang bị một số kiến thức cơ bản của lý thuyết xác suất dựa trên phương pháp tiên đề cho sinh viên ngành Sư phạm Toán học.	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
b. Tự chọn (chọn 1 trong 2 nhóm)					
Nhóm 1: Định hướng giải tích					

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Phương trình đạo hàm riêng	Trang bị các khái niệm cơ bản của phương trình đạo hàm riêng và phương trình tuyến tính cấp hai.	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
50	Các không gian hàm	Trang bị những kiến thức cơ bản về các không gian hàm quan trọng và một số kiến thức chuyên biệt cho chuyên ngành giải tích.	2	HK8	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
51	Nhập môn giải tích lồi	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tập lồi, nón lồi, định lý Carathéodory, tập affine và bao affine, phần trong tương đối, hàm lồi, hàm liên hợp, đạo hàm theo hướng và dưới vi phân.	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
52	Lý thuyết nhóm	Học phần này bao gồm hai chương. Chương 1 trình bày các khái niệm nhóm, đồng cấu nhóm, định lý Lagrange, các định lý đẳng cấu. Chương 2 trình bày tác động của một nhóm lên một tập hợp, tác động liên hợp, p -nhóm hữu hạn, các định lý Sylow, nhóm giải được, nhóm lũy linh.	2	HK6	
53	Xác suất nâng cao	Trang bị một số khái niệm mở rộng từ sự độc lập của các biến ngẫu nhiên và các tính chất của chúng, cung cấp thêm một số cơ sở hiện đại của lý thuyết xác suất cho sinh viên ngành Sư phạm Toán học; từ đó giúp sinh viên có thể tìm hiểu và nghiên cứu sâu hơn về lý thuyết xác suất. Các kiến thức trong học phần sẽ được	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình bày một cách chặt chẽ, dựa trên phương pháp tiên đề.			
Nhóm 2: Định hướng đại số					
54	Lý thuyết vành không giao hoán	Học phần này bao gồm ba chương. Chương 1 trình bày tổng và tích trực tiếp môđun, môđun đơn, môđun nửa đơn, tổng và tích trực tiếp vành. Chương 2 trình bày định nghĩa căn Jacobson dựa vào các môđun đơn và các tính chất căn bản của căn Jacobson. Chương 3 trình bày Định lý Wedderburn-Artin về cấu trúc vành đơn artin, Định lý Wedderburn về cấu trúc vành artin J-nửa đơn.	2	HK8	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
55	Lý thuyết nhóm	Học phần này bao gồm hai chương. Chương 1 trình bày các khái niệm nhóm, đồng cấu nhóm, định lý Lagrange, các định lý đẳng cấu. Chương 2 trình bày tác động của một nhóm lên một tập hợp, tác động liên hợp, p -nhóm hữu hạn, các định lý Sylow, nhóm giải được, nhóm lũy linh.	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
56	Lý thuyết môđun	Học phần này giới thiệu cho sinh viên ngành Toán các kiến thức cần thiết về môđun và đại số, nhằm giúp cho sinh viên sau này có thể tiếp cận các lĩnh vực đang được các nhà toán học nghiên cứu trong Đại số, Hình học đại số và các ngành có liên quan.	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
57	Phương trình đạo hàm riêng	Trang bị các khái niệm cơ bản của phương trình đạo hàm riêng và phương trình tuyến tính cấp hai.	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Nhập môn lý thuyết vành chia	Học phần này bao gồm hai chương. Chương 1 trình bày khái niệm vành chia, một số ví dụ về vành chia, và các định lý giao hoán. Chương 2 trình bày các tính chất của đa thức trên vành chia.	2	HK8	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
IV. Khóa luận (hoặc các học phần thay thế)					
Các học phần thay thế					
a. Bắt buộc					
59	Một số xu hướng mới trong dạy học toán	Học phần nhằm trang bị và cập nhật những phương pháp dạy học toán theo những xu hướng mới cho sinh viên sư phạm toán, những tiếp cận khác nhau để nâng cao chất lượng dạy học toán.	2	HK8	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
b. Tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)					
60	Phép tính vi phân trong không gian Banach	Trang bị những kiến thức cơ bản về các đạo hàm của các ánh xạ lấy giá trị trong không gian Banach, các định lý giá trị trung bình, định lý hàm ngược, hàm ẩn và các ứng dụng, tổng quát hoá và mở rộng các khái niệm về phép tính vi phân đã học trong các không gian R^n .	3	HK8	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
61	Đa thức và nhân tử hóa	Vành đa thức đóng một vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của đại số và có các ứng dụng phong phú. Lý thuyết về vành nhân tử hoá tổng quát và hệ thống hoá những thuật toán và tính chất có ứng dụng chặt chẽ và sâu rộng trong chương trình toán phổ thông. Môn học này, ngoài việc hệ thống các kiến thức đã học trong đại số đại cương về vành đa thức, còn cung cấp cho sinh viên	3	HK8	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý thuyết về nhân tử hoá trên các miền nguyên, những tính chất cơ bản và mở rộng của vành đa thức, đặc biệt xét các ứng dụng cơ bản trên các miền nguyên quen thuộc, cung cấp những công cụ hiệu quả soi sáng các bài toán sơ cấp.			

4. NGÀNH: SƯ PHẠM VẬT LÝ (7140211)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
I	Học phần cơ sở ngành		10		
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Vật lý	Hiểu rõ các vấn đề liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học, gồm: các bước tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học; nội dung nghiên cứu của một đề tài nghiên cứu khoa học; đánh giá một đề tài nghiên cứu khoa học; công bố một công trình nghiên cứu khoa học.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
2	Đại số tuyến tính	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về tập hợp, ánh xạ, định thức và ma trận, không gian vectơ, cách giải hệ phương trình tuyến tính, ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương. Sinh viên biết vận dụng lý thuyết để áp dụng để giải được các bài tập, để học các học phần vật lý, đặc biệt là vật lý đại cương và vật lý lý thuyết, cũng như áp dụng vào nghiên cứu vật lý nói chung.	2	HK1	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
3	Giải tích	Học phần Giải tích cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về số	3	HK2	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thực, số phức, giới hạn của dãy số và hàm số; phép tính vi phân hàm một biến và nhiều biến; chuỗi số và chuỗi hàm; Phép tính tích phân và các dạng tích phân bội để có thể hiểu và vận dụng khi học tiếp các môn học tiếp theo của ngành Vật lý. Học phần cũng nhằm trang bị một số kỹ năng tính toán theo yêu cầu chung đối với sinh viên đại học ngành Sư phạm Vật lý.			Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
4	Toán cho Vật lý	Trang bị cho sinh viên kiến thức toán học về tích phân đường, tích phân mặt; trường vô hướng và trường véc-tơ; phương trình vi phân. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng vận dụng các kiến thức này để giải quyết các bài toán vật lý trong cơ học. Kiến thức của học phần này làm nền tảng để sinh viên học tiếp các học phần khác như Phương trình Vật lý - Toán, Cơ học lý thuyết, Điện động lực học, Cơ học lượng tử.	3	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
II	Học phần nghề nghiệp		35		
A	Học phần nghề nghiệp bắt buộc				
5	Tâm lý học đại cương		2	HK1	
6	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm		3	HK2	
7	Giáo dục học		2	HK1	
8	Giao tiếp sư phạm		2	HK3	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Vật lí	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá trong giáo dục, nêu được vai trò và yêu cầu của kiểm tra đánh giá trong giáo dục. Vận dụng được quy trình, phương pháp xây dựng công cụ để đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học môn Vật lí.	2	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
10	Lý luận dạy học Vật lí	Học phân trình bày cho người học những nhiệm vụ cụ thể của việc dạy học Vật lí ở trường trung học phổ thông và phương pháp thực hiện; cách đánh giá, kiểm tra kết quả học tập của học sinh trong học tập.	3	HK5	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
11	Phân tích chương trình Vật lí THPT	Sinh viên trình bày được cấu trúc nội dung và đặc điểm của các phần, các chương, các chuyên đề trong chương trình môn Vật lí trung học phổ thông. Từ đó lựa chọn được các phương pháp phù hợp trong việc thiết kế các tiến trình dạy học với từng đơn vị kiến thức cụ thể.	3	HK7	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
12	Thí nghiệm Vật lí THPT	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò và phân loại của thí nghiệm ở trường phổ thông. Thực hành được các bài thí nghiệm ở trường phổ thông, có thể đề xuất được các phương án thiết kế, cải tiến các thí nghiệm có sẵn.	2	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
13	Phương pháp dạy bài tập Vật lí THPT	Học phân giúp người học có khả năng vận dụng kỹ năng phân tích hiện tượng vật lí, diễn đạt bằng lời nói, vẽ hình, tính toán; đồng thời có khả năng lựa chọn phát triển hệ thống	2	HK7	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bài tập Vật lí trung học phổ thông theo hướng phát triển năng lực học sinh.			Đánh giá cuối kỳ 60%
14	Rèn luyện NVSP thường xuyên	Sinh viên bước đầu làm quen với quy trình lên lớp của một giáo viên tương lai, thực hiện tốt các khâu cơ bản của quá trình lên lớp, xây dựng tác phong sư phạm chuẩn mực và khả năng xử lí các vấn đề nảy sinh trong tiết học.	3	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
15	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học vật lí	Sinh viên có khả năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin hỗ trợ cho việc dạy và học Vật lí bao gồm: sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học; khai thác Internet trong việc tìm kiếm và xây dựng kho học liệu; thiết kế các bài giảng có ứng dụng của CNTT và thực hành giảng dạy hiệu quả với các giáo án đã thiết kế.	2	HK5	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
16	Thực hành sư phạm Vật lí THPT	Sinh viên soạn thảo được giáo án lên lớp và thực hành giảng dạy thuần thục các kiến thức vật lí với các phương pháp dạy học tích cực và phương tiện dạy học phù hợp. Xây dựng tác phong sư phạm chuẩn mực và kĩ năng giao tiếp, xử lí các tình huống sư phạm trong quá trình lên lớp.	3	HK7	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
17	Kiến tập sư phạm	Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần giúp cho sinh viên nắm bắt được những hoạt động chủ yếu của người giáo viên ở trường THPT. Bước đầu giúp sinh viên vận dụng những kiến thức về Tâm lý học, Giáo	2	HK5	Đánh giá toàn bộ quá trình từ cơ sở tham gia kiến tập

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đục học và Lý luận dạy học bộ môn để thực hiện một số công việc của người giáo viên ở trường thực tập. Thông qua quan sát và thực hành nghiệp vụ góp phần hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành người giáo viên THPT.			
18	Thực tập sư phạm	Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường đại học vào công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm ở trường THPT; Rèn luyện các kỹ năng cơ bản của người giáo viên phổ thông trung học. Thực hành công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm lớp, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của một người giáo viên ở trường THPT. Nâng cao ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề cho sinh viên.	5	HK8	Đánh giá toàn bộ quá trình từ cơ sở tham gia thực tập
B	Học phần nghề nghiệp tự chọn (chọn 1 trong 3)				
19	Tổ chức các hoạt động dạy học vật lý theo hướng phát triển năng lực học sinh	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về năng lực của học sinh trong học tập môn Vật lý. Xác định được các biện pháp, quy trình bồi dưỡng năng lực học sinh. Thiết kế được các công cụ để đánh giá năng lực học sinh. Thiết kế và thực hành các tiến trình dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh đối với một số đơn vị kiến thức cụ thể.	2	HK7	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
20	Dạy học tích hợp trong Vật lí	Học phần trang bị cho người học một số vấn đề về xây dựng các chuyên đề dạy học tích hợp phù hợp với phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực.	2	HK7	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
21	Phương tiện dạy học	Sinh viên có khả năng thiết kế, lựa chọn, sử dụng phối hợp các loại phương tiện dạy học khác nhau và vận dụng chúng vào giảng dạy một cách hiệu quả.	2	HK7	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
III	Học phần chuyên ngành				
A	Học phần chuyên ngành tự chọn				
22	Cơ học	Học phần Cơ học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các dạng chuyển động cơ, phân tích các loại chuyển động trong cơ học, hiểu được các loại lực trong tự nhiên và vai trò của các lực ứng dụng trong thực tiễn. Vận dụng được các kiến thức đã học để giải thích được các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên, vào các bài tập ứng dụng thực tiễn.	3	HK1	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
23	Vật lí phân tử và nhiệt học	Cung cấp những kiến thức cơ bản, hiện đại về Vật lí phân tử và nhiệt học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Vật lí.	3	HK1	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
24	Điện và từ	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của trường điện từ để có thể tiếp tục theo học các học phần cao hơn về Vật lí, đồng thời cung cấp cho sinh viên các khái	3	HK2	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		niệm, định luật cơ bản của trường điện từ, ứng dụng trường điện từ trong khoa học kỹ thuật và thực tế đời sống.			Đánh giá cuối kỳ 60%
25	Quang học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại của bộ môn Quang học. Vận dụng kiến thức để giải bài tập, giải thích một số hiện tượng liên quan, chuẩn bị tốt kiến thức để giảng dạy phần Quang học trong chương trình vật lí THPT sau khi ra trường.	3	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
26	Dao động và sóng	Làm rõ các khái niệm và tính chất chung của quá trình truyền sóng, bản chất và sự lan truyền sóng cơ học, sóng âm, sóng điện từ. Làm rõ sự tương tự giữa dao động cơ và dao động điện.	2	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
27	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, đại cương về vật lí nguyên tử, vật lí hạt nhân và sơ lược về hạt sơ cấp (hạt cơ bản)	3	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
28	Thực hành VLĐC 1	Sinh viên hiểu sâu sắc hơn về kiến thức vật lí đại cương I, thiết lập các phương án thí nghiệm và thực hiện thành thạo các bài thực hành cơ – nhiệt học, từ đó hoàn thiện kiến thức đã học và vận dụng được vào thực tiễn.	2	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 40% Đánh giá cuối kỳ 50%
29	Thực hành VLĐC 2	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò và phân loại của thí nghiệm ở trường phổ thông. Thực hành được các bài	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 40%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thí nghiệm ở trường phổ thông, có thể đề xuất được các phương án thiết kế, cải tiến các thí nghiệm có sẵn.			Đánh giá cuối kỳ 50%
30	Thiên văn học	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản của thiên văn học như; kỹ năng quan sát thiên thể trên bầu trời đêm, giải thích các mùa trong năm, cách làm lịch âm và lịch dương, giải thích các hiện tượng thủy triều, nhật thực, nguyệt thực. Qua đó nuôi dưỡng lòng yêu nghề và vận dụng nâng cao các bài học ở chương trình vật lí phổ thông.	3	HK5	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
31	Cơ lý thuyết	Học phần này cung cấp cho người kiến thức cơ bản của cơ học bằng ngôn ngữ toán học hiện đại. Đồng thời trang bị cho người học những cơ sở cần thiết để có thể tiếp thu các học phần cơ lượng tử, vật lí lượng tử và một số môn học khác.	3	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
32	Điện động lực	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức sâu sắc về trường điện từ, về các trường hợp riêng của trường điện từ như trường điện từ tĩnh, trường điện từ dừng, trường điện từ chuẩn dừng. Qua đó tạo tiền đề cho sinh viên có thể tiếp cận các kiến thức chuyên sâu hơn về vật lí lý thuyết, vật lí hiện đại, lý thuyết trường lượng tử...	3	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
33	Nhiệt động lực học	Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Nhiệt động lực học, hệ nhiệt động, các	2	HK5	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguyên lý nhiệt động lực học, phương pháp nhiệt động lực học.			Đánh giá cuối kỳ 60%
34	Vật lý thống kê	Giúp học sinh hiểu về các loại phân bố thống kê, các hệ vật lý nằm trong trạng thái cân bằng nhiệt động và đề cập đến một số vấn đề cơ bản của thống kê lượng tử và một số ứng dụng của thống kê lượng tử.	2	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
35	Cơ học lượng tử	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Cơ học lượng tử, từ sự ra đời của thuyết lượng tử cho đến việc xây dựng hoàn chỉnh Cơ học lượng tử trong phạm vi phi tương đối tính. Đây là các cơ sở cần thiết cho việc ứng dụng Cơ học lượng tử để giải một số bài toán đơn giản. Các kiến thức mà Cơ học lượng tử cung cấp sẽ làm cơ sở cho các môn vật lý lý thuyết như Điện động lực học, Vật lý thống kê, Vật lý nguyên tử - hạt nhân, Vật lý chất rắn...	3	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
36	Vật lý chất rắn	Hiểu rõ những kiến thức cơ bản về cấu trúc tinh thể, sai hỏng mạng, vùng Brillouin, dao động mạng, tính chất nhiệt của vật rắn, khái niệm phonon, nhiệt dung, lý thuyết vùng năng lượng vật rắn.	2	HK6	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
37	Điện thuật	Sau khi học xong môn học này, sinh viên nắm vững các khái niệm và định luật cơ bản của mạch điện, cấu tạo và nguyên lý làm việc của các loại máy điện, các định luật điện từ dùng trong máy điện. Biết sử dụng các dụng cụ đo lường để đo các đại	2	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lượng điện phổ biến. Từ đó giúp sinh viên dạy tốt các phần có liên quan đến kỹ thuật điện trong kiến thức phổ thông.			
38	Thí nghiệm điện kỹ thuật	Nắm vững những kiến thức cơ bản về mạch 3 pha, về kiểm tra các dụng cụ đo điện, về các loại máy điện, khí cụ điện, biết vận hành, điều khiển và khảo sát các loại máy điện. Kỹ năng sử dụng dụng cụ đo và kiểm tra các dụng cụ đo điện, kỹ năng vận hành và khảo sát các loại máy điện. Ngăn nắp, khoa học, tác phong công nghiệp.	1	HK3	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
39	Kỹ thuật điện tử	Hiểu rõ cấu tạo, phân loại, nguyên lý làm việc, một số ứng dụng các linh kiện bán dẫn và một số linh kiện thu động khác.	2	HK5	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
40	Thí nghiệm Vật lý điện tử	Sau khi học xong học phần này sinh viên có các kiến thức cơ bản về thực hành điện tử, nghiệm lại các công thức đã học trong học phần Vô tuyến điện đại cương và Điện tử học, sử dụng các kiến thức đã học để thực hiện các mạch điện tử ứng dụng. Thực hành được các kỹ năng cơ bản về kỹ thuật lắp ráp và đo các thông số các mạch điện tử. Hình thành thói quen làm việc cẩn thận, nghiêm túc, tác phong công nghiệp.	1	HK5	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
41	Phương trình vật lý toán	Sinh viên có kiến thức về phương trình đạo hàm riêng và các phép tính nâng cao, các hàm đặc biệt,... Vận dụng vào khảo sát các quá trình vật lý như truyền sóng, truyền nhiệt... Qua đó, sinh viên hiểu sâu hơn về các hiện tượng vật lý và nhận thức được tầm quan trọng của môn học với sự phát triển của vật lý.	3	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
42	Lập trình ứng dụng trong vật lý	Sinh viên có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình và tính toán trong vật lý, biết cách sử dụng một phần mềm lập trình (cụ thể là Matlab) giải toán về phương trình vi tích phân, phương trình đạo hàm riêng và mở rộng để giải quyết một số bài toán thường gặp trong Vật lý.	2	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
B	Học phần chuyên ngành bắt buộc nhóm 1				
43	Lịch sử vật lý	Sinh viên có những hiểu biết sâu rộng về sự hình thành và phát triển của Vật lý học qua các thời kì, từ đó có củng cố và khắc sâu các kiến thức, xây dựng cho mình một bức tranh khái quát về vật lý học. Đồng thời, sinh viên có thể liên hệ và sử dụng các kiến thức về lịch sử vật lý vào dạy học một cách có hiệu quả.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
44	Hoá học đại cương	Cung cấp các kiến thức về các khái niệm, định luật cơ bản của hóa học và lý thuyết của các quá trình hóa học.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
45	Sinh học đại cương	Có được những kiến thức cơ bản thuộc lĩnh vực sinh học để giải thích	2	HK4	Đánh giá quá trình 10%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được những hiện tượng xảy ra trong tự nhiên liên quan đến sinh học. Phát triển được tình yêu thiên nhiên, thể giới quan khoa học, có thái độ ứng xử với thế giới tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.			Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
C	Học phần chuyên ngành nhóm 2				
46	Vật lý thiên văn và vũ trụ	Người học có cái nhìn khái quát về các hiện tượng thiên văn được gắn liền với các quá trình vật lí, nắm được các phương pháp nghiên cứu và giải thích được các quá trình vật lí bên trong các thiên thể.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
47	Vật lý Laser và ứng dụng	Sinh viên có kiến thức cơ bản về nguyên lý, cấu tạo của laser, thấy được vai trò và ứng dụng của laser trong khoa học và đời sống. Qua đó, sinh viên hiểu biết sâu hơn về vật lí hiện đại và nhận thức được tầm quan trọng của môn học với ngành nghề của mình.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
48	Tiếng anh chuyên ngành	Đọc hiểu, dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Anh các vấn đề về Vật lí từ Vật lí đại cương đến Vật lí lý thuyết	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
D	Học phần chuyên ngành nhóm 3				
49	Lý thuyết chất rắn	Trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về lí thuyết chất rắn, đồng thời cung cấp các công cụ tính toán và phương pháp quan trọng (cổ điển, lượng tử và lượng tử hóa thứ cấp) của lí thuyết chất rắn.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
50	Vật lý hạt cơ bản	Giúp sinh viên hiểu được lịch sử cũng như phương pháp phát hiện các hạt cơ bản, hiểu được bản chất bốn loại tương tác trong tự nhiên, phân biệt rõ tương tác mạnh và tương tác yếu. Nắm được tính chất các hạt cơ bản, các đại lượng bảo toàn và phân loại các hạt cơ bản.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
51	Cơ học lượng tử nâng cao	Trang bị các kiến thức mở rộng và nâng cao về Cơ học lượng tử bao gồm lý thuyết biểu diễn của các trạng thái và toán tử; spin của hạt vi mô, hệ hạt đồng nhất, hàm sóng của hệ Fermion và Boson; các phương pháp tính gần đúng theo lý thuyết nhiễu loạn. Làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về Vật lý khi học các học phần tự chọn, các học phần nâng cao và học lên Thạc sĩ.	2	HK4	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
IV	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế				
IV.1	Học phần thay thế nhóm 1				
52	Các kiểu tổ chức dạy học hiện đại	Sinh viên có khả năng lựa chọn, thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp với các kiểu tổ chức dạy học hiện đại khác nhau. Từ đó triển khai dạy học hiệu quả với các mô hình dạy học hiện đại này.	3	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
53	Dạy học theo định hướng giáo dục stem	Học phần tập trung trang bị cho người học cơ sở lý luận về dạy học Stem.	3	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Thiết kế thí nghiệm trong dạy học Vật lý	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò và phân loại của thí nghiệm tự tạo; cách thức thiết kế chế tạo thí nghiệm; phương pháp sử dụng độc lập hoặc kết hợp với thí nghiệm có sẵn vào dạy học Vật lý.	3	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
IV.2	Học phần thay thế nhóm 2				
55	Vật lý quang phổ và ứng dụng	Sinh viên có được các kiến thức cơ bản và những ứng dụng về quang phổ, hiểu về một số phương pháp phân tích quang phổ được ứng dụng hiện nay. Qua đó, sinh viên hiểu biết sâu hơn về vật lý học hiện đại và nhận thức được tầm quan trọng của môn học với ngành nghề của mình.	2	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
56	Vật lý hạt nhân và ứng dụng	Người học hiểu được những tương tác các bức xạ hạt nhân và những ứng dụng của chúng. Qua học phần này người học cũng nắm được những phương pháp cơ bản trong nghiên cứu các ứng dụng của vật lý hạt nhân. Học phần còn giúp cho người học hiểu rõ vật lý hạt nhân đã và đang được áp dụng rộng rãi trong công nghiệp, y học, địa chất, sinh học... để người học tư duy tích cực, đam mê nghiên cứu khoa học và tình yêu với nghề nghiệp.	2	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30% Đánh giá cuối kỳ 60%
57	Vật lý hiện đại	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về: lý thuyết tương đối; lý thuyết lượng tử của bức xạ; sóng vật chất; bức tranh về nguyên tử đồng dạng Hidrô; hạt nhân và các hạt sơ	2	HK8	Đánh giá quá trình 10% Đánh giá giữa kỳ 30%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cấp. Đó là cơ sở để sinh viên hình thành nên thế giới quan về vật lí học hiện đại, giúp sinh viên có được tầm nhìn và bức tranh vật lí hiện đại, khá bao quát khi dạy các kiến thức vật lí ở trường phổ thông.			Đánh giá cuối kỳ 60%

5. NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC (7140212)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
III. Khối kiến thức chung			23		
1	Triết học Mac-Lênin	Cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	3	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK2	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo uộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay).	2	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
6	Tin học đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
7	Tiếng Anh 1	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói	2	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.			
8	Tiếng Anh 2	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	HK2	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
9	Tiếng Anh 3	Cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất	3	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
10	Pháp luật đại cương	Cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học	2	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
11	Giáo dục thể chất 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động 2 môn Điền kinh: chạy cự ly ngắn và nhảy xa kiểu “ngồi”, phát triển các tố chất vận động.	1	HK1	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
Nhóm học phần tự chọn					
	<i>Giáo dục thể chất 2</i>		1	HK2	Thường xuyên: 20%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi cuối kỳ: 60%
11	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động về kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản, kỹ thuật phát bóng thấp tay và cao tay (chính diện) và phát triển các tố chất vận động	1	HK2	
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng như: kỹ thuật, thể lực và một số chiến thuật cơ bản trong môn bóng đá.	.1	HK2	
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK2	
	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK2	
<i>Giáo dục thể chất 3</i>			1	HK3	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi cuối kỳ: 60%
	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK3	
	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên các kiến thức như: kỹ thuật, thể lực, một số chiến thuật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài trong môn bóng đá.	1	HK3	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Cầu lông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động cầu lông nhằm phát triển các tố chất vận động.	1	HK3	
	Võ Taekwondo	Trang bị cho sinh viên các kiến thức căn bản môn võ Taekwondo (xuất xứ, luật thi đấu và những ích lợi của tập luyện môn Taekwondo	1	HK3	
12	Giáo dục quốc phòng	<p>Cung cấp cho sinh viên Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam... để giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Trang bị cho sinh viên những vấn đề về Đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiên công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiến công;</p>			

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54. thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.			
III. Khối kiến thức theo chức danh nghề nghiệp			112		
1. Kiến thức cơ sở ngành			13		
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong hóa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiên cứu khoa học giáo dục và Hóa học. Đồng thời hướng dẫn cho sinh viên cách thức thực hiện nghiên cứu khoa học; bao gồm việc đặt vấn đề nghiên cứu, thiết kế và tiến hành nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu.	2	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
14	Đại số và hình học giải tích	Trang bị cho sinh viên kiến thức về Toán như: Đại số tuyến tính, hệ phương trình tuyến tính, ma trận, định thức, không gian vec tơ, Ánh xạ tuyến tính, Giá trị riêng, Véc tơ riêng, dạng toàn phương và kiến thức cơ bản về đường bậc hai trong mặt phẳng, mặt bậc hai trong không gian.	2	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
15	Giải tích và phương trình vi phân	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hàm một biến thực, khái niệm về giới hạn và về tính liên tục của chúng; trình bày phép tính vi phân, tích phân, khái niệm nguyên hàm của hàm số; chuỗi số và chuỗi hàm. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức về hàm nhiều biến: giới hạn, tính liên tục của hàm nhiều biến, đạo hàm, phép tính vi phân hàm nhiều biến; phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2.	3	HK2	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	Khoa học tự nhiên 1	Cung cấp các kiến thức cơ bản của Vật lý học và các ứng dụng của chúng trong khoa học, kỹ thuật và đời sống với tư cách là một trong các lĩnh vực của khoa học tự nhiên. Các chủ đề được đề cập trong học phần bao gồm: lực và chuyển động; âm thanh; năng lượng và cuộc sống; điện và từ; ánh sáng; Trái đất và bầu trời	2	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
17	Khoa học tự nhiên 3	Cung cấp các kiến thức cơ bản về vật sống, sự đa dạng trong tổ chức và cấu trúc của vật sống, các hoạt động sống, con người và sức khỏe, sinh vật và môi trường, di truyền, biến dị và tiến hóa.	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
2. Học phần nghề nghiệp			35		
18	Tâm lý học đại cương	Cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lý trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách	2	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
19	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học về tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học dạy học và tâm lý học về người giáo viên. Đây là kiến thức rất quan trọng để sinh viên hiểu rõ được đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh ở các giai đoạn khác nhau và các tác động khoa học, phù hợp đến tâm	3	HK2	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý học sinh nhằm đem hiệu quả cao trong dạy học và giáo dục.			
20	Giáo dục học	Cung cấp cho sinh viên những nội dung sau giáo dục học là một khoa học (tính chất, chức năng, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục), sự hình thành và phát triển nhân cách con người (khái niệm nhân cách, vai trò của các yếu tố hình thành nhân cách, giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách theo lứa tuổi,...), mục đích giáo dục, nhiệm vụ giáo dục, các con đường giáo dục,...	2	HK2	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
21	Giao tiếp sư phạm	Giúp người học lĩnh hội những tri thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm (nguyên tắc, phong cách, phương tiện và kỹ thuật giao tiếp sư phạm...). Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để tiếp cận với các đối tượng khác nhau trong môi trường sư phạm; hiểu được và giao tiếp - ứng xử phù hợp với đối tác; giải quyết các tình huống giao tiếp hiệu quả và góp phần xây dựng văn hóa học đường.	2	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
22	Kiểm tra đánh giá trong dạy học hóa học THPT	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm tra đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh, các phương pháp xây dựng và đánh giá đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan và tự luận; các phương pháp thống kê cơ bản vận dụng trong việc xử lý các kết quả đánh giá. Trên cơ sở đó,	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng xây dựng và sử dụng các công cụ đánh giá; Phân tích được các yêu cầu đối với việc ra đề thi, kiểm tra; Vận dụng được vào thực tế dạy học; Thực hiện được việc làm và duyệt đề trong các kì thi kiểm tra.			
23	Lí luận và phương pháp dạy học hóa học 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổng quan về lí luận và phương pháp dạy học hoá học, vai trò và nhiệm vụ của môn hoá học trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo ở trường phổ thông, các quan điểm và phương pháp dạy học và một số vấn đề liên quan đến bài lên lớp hóa học trên cơ sở các kiến thức về Hoá vô cơ, hữu cơ, hoá Đại cương, Hoá lí, tâm lí, giáo dục học, kiến thức văn hoá xã hội, phương pháp nghiên cứu khoa học. Vận dụng các lí thuyết phát triển chương trình để thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động dạy học.	3	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
24	Lí luận và phương pháp dạy học hóa học 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chương trình hoá học Trung học phổ thông hiện hành. Phân tích cấu trúc của các loại bài lên lớp trong chương trình hóa học phổ thông, những cơ sở của việc dạy học, các kỹ năng dạy học, nâng cao hiệu quả bài lên lớp, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở trường phổ thông. Lựa chọn phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học hiện đại phù hợp cho từng nội dung và loại bài lên lớp trong chương trình giáo	3	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dục phổ thông mới. Phương pháp thiết kế và tổ chức dạy học Hoá học các bài ở trường phổ thông đáp ứng với yêu cầu của đổi mới giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học Hoá học.			
25	Thực hành giảng dạy Hóa Học lớp 10,11	Sinh viên phân tích được được mối liên hệ giữa soạn giáo án, thực hành giáo án và phản hồi. Sinh viên thực hành lập kế hoạch bài dạy và giảng dạy các kiểu bài lên lớp hóa học THPT. Thông qua đó, sinh viên thực hành các phương pháp và kỹ thuật dạy học, các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm quan trọng vào dạy học các bài Hoá học lớp 10,11 THPT cụ thể một cách hiệu quả. Từ đó có ý thức tích cực trong việc rèn luyện và phát triển năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của bản thân.	3	HK4	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi cuối kỳ: 60%
26	Thực hành giảng dạy Hóa Học lớp 12	Giúp sinh viên vận dụng các nguyên tắc, phương pháp dạy học hóa học, kỹ thuật dạy học và công nghệ phù hợp với mục tiêu dạy học, đối tượng học sinh và bối cảnh giáo dục để thực hiện: Rèn luyện kỹ năng viết bảng.và kỹ năng dùng lời; Rèn luyện kỹ năng sử dụng câu hỏi trong giảng dạy; Rèn luyện kỹ năng xác định trọng tâm bài giảng; Rèn luyện kỹ năng gây hứng thú học tập; Rèn luyện kỹ năng kiểm tra đầu giờ và mở đầu bài giảng; Vận dụng thiết kế bài giảng lên lớp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học; Thành thạo kỹ năng	2	HK5	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thiết kế và thực hiện kế hoạch bài dạy; Sử dụng phương tiện trực quan, phương tiện kĩ thuật trong dạy học hóa học; Dạy học Hoá học gắn liền với thực tiễn sản xuất và đời sống trong chương trình hóa học 12.			
27	Bài tập hóa học phổ thông	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các dạng bài tập hóa học ở trường phổ thông; Biết được ý nghĩa, tác dụng của bài tập trong dạy học hóa học ở phổ thông; Vận dụng các phương pháp giải các dạng bài tập hóa học ở trường phổ thông; Xây dựng được các bài tập hóa học mới; Lựa chọn và sử dụng phù hợp các bài tập và các hình thức bài tập trong dạy học hoá Học; xây dựng bài tập hóa học phù hợp với từng đối tượng học sinh THPT; Sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với các dạng bài tập trong chương trình hóa học THPT trong quá trình giảng dạy	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
28	Thí nghiệm hóa học ở trường phổ thông	Học phần này gồm có các nội dung sau: Kĩ thuật, an toàn phòng thí nghiệm; cách tiến hành, sử dụng các thí nghiệm trong chương trình hóa học phổ thông phù hợp với mục tiêu bài giảng theo hướng tích cực hóa học sinh; thiết kế và sử dụng thí nghiệm gắn kết cuộc sống trong dạy học hóa học ở trường phổ thông. Sinh viên vận dụng các thí nghiệm Hoá học vào các tiết giảng cụ thể trong chương trình Hoá học THPT	2	HK7	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhằm khơi gợi hứng thú, đam mê khoa học Hoá học.			
29	Thực tập sư phạm đợt 1	Học phần này sinh viên sẽ được thực tập tại các trường trung học phổ thông về công việc của một giáo viên dưới sự hướng dẫn của các giáo viên giàu kinh nghiệm. Sinh viên vận dụng các kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ nhằm tìm hiểu học sinh, các hoạt động cơ bản của nhà trường, công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp, sự phối hợp các lực lượng giáo dục: Gia đình – Nhà trường – Xã hội. Sinh viên được tham gia vào công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh, dự giờ chuyên môn, tham gia giảng dạy theo hướng phát huy năng lực của học sinh. Từ đó hình thành một số kỹ năng sư phạm cần thiết. Nâng cao tinh thần cống hiến cho sự nghiệp giáo dục Nước nhà.	2	HK5	
30	Thực tập sư phạm đợt 2	Trong học phần này, sinh viên sẽ tiếp tục tìm hiểu và thực tập chi tiết hơn các công việc của một giáo viên tại các trường trung học phổ thông. Sinh viên đến các trường phổ thông và được hướng dẫn thực hiện các công việc sau: Tìm hiểu thực tế tình hình giáo dục tại địa phương; Thực tập công tác giáo dục (tìm hiểu tình hình học sinh, dự giờ sinh hoạt chủ nhiệm, đứng lớp tổ chức giờ sinh hoạt chủ nhiệm,...); Tìm hiểu thực tế giảng dạy hoá học (dự giờ, sinh hoạt	5	HK8	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tổ bộ môn...) và thực tập giảng dạy môn hoá học (soạn bài, giảng dạy...).			
31	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Hóa học	Học phần trang bị cho sinh viên nhằm phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học hóa học của sinh viên như: Biết tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học hoá học, hướng dẫn sử dụng một số công cụ để tìm kiếm, chuyển tải và hiệu chỉnh tư liệu dạy học, thiết kế và sử dụng mô phỏng, trò chơi trong dạy học hoá học, ứng dụng tin học trong kiểm tra đánh giá; Vận dụng những kĩ năng về tin học để soạn thảo giáo án; Tìm hiểu và sử dụng một số phần mềm tin học ứng dụng trong dạy học môn Hóa học; Tìm hiểu và ứng dụng được các phần mềm, công cụ giảng dạy online, trao đổi online nhằm tăng cường hiệu quả dạy học.	2	HK5	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
3. Kiến thức chuyên ngành			74		
3.1. Các học phần bắt buộc			47		
32	Hóa học đại cương	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo nguyên tử, phân tử; các định luật cơ bản của hóa học; hoá học hạt nhân; tiền cơ học lượng tử; định luật tuần hoàn các nguyên tố hoá học và sự biến thiên tuần hoàn các tính chất của chất; lí thuyết cổ điển và hiện đại về liên kết hoá học giữa các nguyên tử trong phân tử; khái niệm cũng như tính chất của	4	HK1	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dung dịch, nhiệt động lực học, động hoá học và điện hoá học.			
33	Thực hành hóa đại cương	Trang bị cho người học các nguyên tắc, thao tác, cách sử dụng và hóa chất một cách an toàn khi ở trong phòng thí nghiệm, chỉ ra cách thiết lập một trình tự thí nghiệm hợp lý, cách nhận xét kết quả nhận được. Học phần này bao gồm các kiến thức về kĩ thuật phòng thí nghiệm, xác định khối lượng phân tử khí oxi, tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học, dung dịch, chuẩn độ.	1	HK2	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
34	Cơ sở hóa học lượng tử	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về toán tử, hàm sóng và các tiên đề của cơ học lượng tử, từ đó áp dụng vào việc giải bài toán chuyển động của một hạt vi mô, sau đó phát triển thành giải bài toán chuyển động của electron trong nguyên tử; trình bày các thuyết liên kết hoá trị, thuyết orbital phân tử MO, thuyết MO – Hückel để giải thích về cấu tạo phân tử theo quan điểm của lượng tử.	3	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
35	Hóa lý 1	Trang bị cho sinh viên các nội dung cơ bản về nhiệt động lực học hóa học (gọi tắt là nhiệt động học) và động hóa học (còn được gọi là động học phản ứng). Nội dung kiến thức của hóa lý 1 được ứng dụng trong lĩnh vực hóa vô cơ, hữu cơ, phân tích, môi trường...	3	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
36	Hóa lý 2	Trang bị cho sinh viên kiến thức về điện hóa học và hóa keo. Nội dung kiến thức của hóa lý 2 được ứng	4	HK7	Thường xuyên: 15%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng rộng rãi trong lĩnh vực chế tạo vật liệu, chế tạo nguồn dự trữ năng lượng và bảo vệ kim loại.			Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
37	Thực hành hóa lí	Trang bị cho người học những kỹ năng, năng lực thực hành hóa lý, cách sử dụng các thiết bị máy móc đặc thù liên quan của chuyên ngành hóa lý. Tập trung phát triển kỹ năng thực hành các nội dung như: nhiệt động, động hóa, điện hóa học, hóa keo.	1	HK8	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi cuối kỳ: 60%
38	Hóa phân tích định tính	Nghiên cứu một số định luật cơ sở của hóa học áp dụng cho các hệ trong dung dịch chất điện li và nghiên cứu các phản ứng chính xảy ra trong các dung dịch: phản ứng acid – base, phản ứng oxi hóa – khử, phản ứng tạo phức chất, phản ứng tạo hợp chất ít tan.	3	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
39	Hóa phân tích định lượng	Nghiên cứu về phân tích định lượng bằng các phương pháp hóa học bao gồm các phương pháp phân tích thể tích, phương pháp phân tích khối lượng và cung cấp những kiến thức về cách biểu diễn các kết quả phân tích khoa học.	2	HK5	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
40	Thực hành hóa học phân tích định tính	Giải thích và đề xuất được qui trình nhận biết các ion trong dung dịch; bồi dưỡng kỹ năng thực hành phân tích định tính trong hóa học: phương pháp lấy thuốc thử để nghiên cứu, kỹ năng tiến hành phản ứng, phương pháp quan sát hiện tượng, tạo kết tủa hoàn toàn, ly tâm để tách kết tủa, rửa kết tủa, nhận biết đúng	1	HK5	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ:20% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điểm cuối chuẩn độ; đồng thời biết vận dụng được lý thuyết cân bằng ion để dự đoán, giải thích các hiện tượng thực nghiệm.			
41	Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các phương pháp thống kê, xử lý số liệu trong quá trình thực nghiệm. Từ đó, đưa ra kế hoạch nghiên cứu và đánh giá kết quả nghiên cứu. Những kiến thức này giúp sinh viên, người làm thực nghiệm loại bỏ được các sai số gặp phải, mang lại kết quả chính xác bằng xử lý thống kê toán học.	2	HK5	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
42	Thực hành Hóa học phân tích định lượng	Nghiên cứu về phân tích định lượng các chất trong dung dịch bằng các phương pháp phân tích thể tích (chuẩn độ axit – bazơ, chuẩn độ tạo phức, chuẩn độ kết tủa, chuẩn độ oxi hóa – khử). Giúp sinh viên hình thành tác phong làm việc khoa học thực nghiệm: cẩn thận, chính xác và trung thực; xây dựng được phương pháp tự học, tự nghiên cứu khoa học	1	HK6	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
43	Hóa học vô cơ	Cung cấp những kiến thức về tổng quan của sự biến đổi các đặc trưng của các nguyên tố theo phân nhóm trong bảng hệ thống tuần hoàn; về cấu tạo, thành phần, tính chất vật lý và hoá học của các đơn chất và hợp chất của các nguyên tố điển hình. Ngoài ra còn cung cấp các kiến thức về trạng thái tự nhiên; ứng dụng; vai trò sinh học; mối liên hệ giữa cấu tạo nguyên tử với các tính chất; phương	4	HK2	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp điều chế trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất công nghiệp của một số đơn chất và hợp chất quan trọng, thường gặp trong bảng hệ thống tuần hoàn.			
44	Cơ sở lý thuyết hóa học vô cơ	Cung cấp những kiến thức về phản ứng axit-bazơ, phản ứng oxi hóa khử và vận dụng cơ sở các thuyết liên kết hóa học để giải thích sự hình thành các chất; vận dụng cơ sở của nhiệt động học để xét chiều hướng diễn biến và tốc độ phản ứng trong hoá học vô cơ và giải thích được những yếu tố ảnh hưởng đến lực acid và base, phân biệt lực acid và base theo các thuyết trong dung môi.	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
45	Thực hành hóa học vô cơ	Cung cấp kiến thức về kỹ năng sử dụng các dụng cụ, hoá chất, thiết bị, máy móc liên quan để tiến hành các thí nghiệm cơ bản liên quan đến tính chất, điều chế các đơn chất và một số hợp chất điển hình của các nguyên tố trong Bảng Hệ thống tuần hoàn, thông qua các thí nghiệm lượng nhỏ, tổng hợp hợp chất vô cơ lượng lớn. Vận dụng kiến thức lí thuyết Hoá vô cơ để giải quyết được các vấn đề xảy ra khi tiến hành thực nghiệm như giải thích được các hiện tượng hoá học kèm theo.	2	HK3	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
46	Hóa học công nghệ - môi trường	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sản xuất trong công nghiệp, từ quá trình lấy nguyên liệu đến quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm và các kiến thức cơ bản về môi	2	HK5	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường, sự ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường, quản lý môi trường, giáo dục môi trường, một số công nghệ xử lý môi trường cơ bản.			
47	Thực hành hóa công nghệ - Thực tế chuyên môn	Trang bị cho sinh viên kiến thức về một số quy trình sản xuất đạt an toàn cho thực phẩm và môi trường xung quanh. Đặc biệt là kiểm định được quy trình xử lý nước thải của một số nhà máy trên địa bàn tỉnh nhà và các tỉnh lân cận.	2	HK6	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
48	Cơ sở lý thuyết hóa học hữu cơ	Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về các phần đại cương hợp chất hữu cơ như cấu trúc không gian của phân tử, cấu trúc electron của phân tử, hiệu ứng cấu trúc của phân tử, bản chất các liên kết, các yếu tố ảnh hưởng đến tính acid-base của hợp chất hữu cơ và nghiên cứu các cơ chế phản ứng chính trong hóa hữu cơ (phản ứng thế, phản ứng cộng, phản ứng tách, phản ứng chuyển vị) về các khía cạnh: đặc điểm phản ứng, hóa học lập thể của phản ứng, các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế phản ứng.	2	HK6	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
49	Hóa học hữu cơ 1	Cung cấp các kiến thức cơ bản và hiện đại mang tính chất đại cương về hóa hữu cơ và về bản chất của các chất hữu cơ: cấu trúc phân tử, hiện tượng đồng phân, các hiệu ứng, mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất, khái quát về cơ chế phản ứng hữu cơ; đặc điểm chung và các phương pháp tổng hợp, điều chế các hợp chất hữu cơ, nguyên tắc chung về danh pháp	3	HK3	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hữu cơ, trạng thái tự nhiên, tính chất lí học, hóa học, ứng dụng, phương pháp điều chế trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất công nghiệp của các chất: hydrocarbon no, không no, thơm, dẫn xuất halogen, alcohol và ether.			
50	Thực hành hóa học hữu cơ	<p>Phần 1: Giới thiệu dụng cụ và hướng dẫn những kĩ năng cần thiết cho thực nghiệm; các thí nghiệm hóa học lượng nhỏ cơ bản để nhận biết chất định tính và nghiên cứu các tính chất hóa học của các hợp chất hydrocarbon, alcohol, phenol, ether, acid carboxylic, ester, glucit, protide...</p> <p>Phần 2: Thực hành các bài điều chế lượng lớn: Người học tiến hành xác định chất tổng hợp bằng phương pháp định tính và định lượng, sử dụng các biện pháp để tinh chế sản phẩm thu được nhằm nâng cao hiệu suất phản ứng.</p>	2	HK5	Thường xuyên: 20% Kiểm tra giữa kỳ: 20% Thi cuối kỳ: 60%
51	Hóa học hữu cơ 2	Cung cấp các kiến thức về đặc điểm cấu tạo phân tử, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí và tính chất hóa học, mối quan hệ giữa cấu tạo và tính chất, các phương pháp điều chế trong phòng thí nghiệm và trong sản xuất công nghiệp, ứng dụng thực tiễn của các hợp chất hữu cơ đơn chức, đa chức và tạp chức, bao gồm: aldehyde-ketone, acid carboxylic và dẫn xuất của acid carboxylic, amine-	4	HK4	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		muối diazonium, carbohydrate, amino acid-peptide, polymer.			
3.2. Các học phần tự chọn			12/24		
Nhóm 1:					
52	Hóa học lập thể	Cung cấp cho người học những hiểu biết sâu hơn về cấu trúc không gian của phân tử các chất hữu cơ, mối quan hệ giữa cấu trúc không gian và hoạt tính sinh lý của các chất hữu cơ, từ đó khảo sát hóa lập thể của các phản ứng hữu cơ.	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
53	Tổng hợp hữu cơ	Trình bày các nguyên lý cơ bản và các phương pháp chuyển hóa qua lại giữa các nhóm chức. Các phản ứng hữu cơ cơ bản và cơ chế của các loại phản ứng thế, phản ứng cộng, phản ứng oxi hóa – khử, các nhóm bảo vệ, ... để chuyển hóa nhóm chức và tạo liên kết cacbon-cacbon mới được nghiên cứu chi tiết.	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
54	Danh pháp hợp chất hữu cơ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nâng cao của các nội dung danh pháp của các hợp chất hữu cơ theo IUPAC (<i>International Union of Pure and Applied Chemistry</i>).	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
55	Hợp chất thiên nhiên	Cung cấp kiến thức cơ bản về những hợp chất có nguồn gốc thiên nhiên, cô lập được từ thực vật, động vật không xương sống, động vật dưới nước và các loại nấm, với tính chất chung là những chất biến dưỡng thứ cấp.	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
56	Các phương	Trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan tới các phương pháp	2	HK8	Thường xuyên: 15%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	pháp phổ ứng dụng trong hóa học	vật lí ứng dụng trong Hóa học như phương pháp phổ quay; phổ hồng ngoại và phổ Raman; phổ tử ngoại và khả kiến; phổ cộng hưởng từ hạt nhân và phổ khối lượng. Rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng nghiên cứu khoa học, các kĩ năng tư duy về giải bài tập và cách đọc, phân tích... bằng các phương pháp vật lí ứng dụng trong hóa học hữu cơ để xác định công thức phân tử, cấu trúc hóa học của các hợp chất.			Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
57	Ngoại ngữ chuyên ngành	Cung cấp cho sinh viên các từ vựng phổ thông chuyên ngành Hoá học về các chủ đề Hoá học phổ thông. Nâng cao khả năng đọc và dịch Tiếng Anh chuyên ngành Hoá học. Sinh viên sử dụng Tiếng Anh để tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành. Trình bày các thí nghiệm và phản ứng Hoá học bằng Tiếng Anh. Sinh viên hiểu được các định luật, các quy tắc và một số quy trình sản xuất Hoá học được trình bày bằng tiếng Anh. Vận dụng Tiếng Anh chuyên ngành để giảng dạy các nội dung Hoá học ở trường phổ thông.	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%
Nhóm 2:			12/24		
58	Hóa học tinh thể	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ô mạng cơ sở, cấu trúc tinh thể, mười bốn kiểu mạng Bravais và các kiểu cấu trúc mạng tinh thể, cũng như tính chất thông thường của các tinh thể.	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ:25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
59	Công nghệ sản xuất các chất vô cơ	Cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về công nghệ sản xuất các chất vô cơ. Và giới thiệu các quá trình điển hình trong kỹ thuật sản xuất các chất vô cơ và các quy trình sản xuất một số chất vô cơ cơ bản trong công nghiệp.	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
60	Hợp chất cơ nguyên tố	Cung cấp một cách hệ thống những kiến thức về cấu trúc phân tử, tính chất hóa học, các phương pháp điều chế của các hợp chất cơ nguyên tố.	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
61	Hóa học phức chất	Hiểu về các hợp chất phối trí. Đây là hợp chất tồn tại phổ biến trong hoá vô cơ nên là một trong các môn học chủ yếu của hoá học vô cơ hiện đại. Học phần giải thích các thuyết về cấu tạo cũng như sự tồn tại của phức chất, các phương pháp nghiên cứu phức chất.	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
62	Hóa học các nguyên tố hiếm	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về khái niệm nguyên tố hiếm; các nguyên tố hiếm bộ s, p và d. Ngoài ra học phần này còn bao gồm tính chất của các đơn chất; thành phần và tính chất của các hợp chất; trạng thái thiên nhiên và phương pháp điều chế các nguyên tố đất hiếm; phương pháp tách riêng từng nguyên tố.	2	HK8	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%
63	Ngoại ngữ chuyên ngành	Cung cấp cho sinh viên các từ vựng phổ thông chuyên ngành Hoá học về các chủ đề Hoá học phổ thông. Nâng cao khả năng đọc và dịch Tiếng Anh chuyên ngành Hoá	2	HK7	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học. Sinh viên sử dụng Tiếng Anh để tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành. Trình bày các thí nghiệm và phản ứng Hoá học bằng Tiếng Anh. Sinh viên hiểu được các định luật, các quy tắc và một số quy trình sản xuất Hoá học được trình bày bằng tiếng Anh. Vận dụng Tiếng Anh chuyên ngành để giảng dạy các nội dung Hoá học ở trường phổ thông.			
4. Khóa luận hoặc các học phần thay thế			5	HK8	
64	Khóa luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên các nội dung về viết tổng quan nghiên cứu, lựa chọn phương pháp và tổ chức thực nghiệm, tiến hành thực nghiệm và đánh giá kết quả đạt được. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể tổ chức, giải quyết một vấn đề nghiên cứu thông qua làm thực nghiệm hoặc thiết kế. Sinh viên có thể viết được bài báo khoa học hoàn thiện.	5	HK8	
Các học phần thay thế					
65	Cơ chế phản ứng hữu cơ	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của cấu trúc không gian của phân tử, hoá học lập thể, các loại hiệu ứng cấu trúc, các tiểu phân trung gian của phản ứng hữu cơ, các phương pháp xác định cơ chế của phản ứng hữu cơ, đặc điểm cơ chế, hoá lập thể và các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế phản ứng trong hoá hữu cơ như: phản ứng thế ở nguyên tử cacbon no; phản ứng cộng và thế ở nhân thơm; phản ứng cộng vào liên	2	HK8	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kết bội cacbon-cacbon và nhóm cacbonyl; phản ứng tách tạo liên kết bội cacbon-cacbon; phản ứng oxi hoá-khử và một số phản ứng chuyển vị.			
66	Phân tích – xử lí môi trường	Trang bị cho người học các kỹ năng lấy mẫu môi trường không khí, lấy mẫu nước và mẫu đất, các cách bảo quản mẫu. Ngoài ra học phần này trang bị cho người học các phương pháp phân tích cơ bản để phân tích các chỉ số về môi trường sử dụng trong quan trắc nhằm biết thông tin để đưa ra phương pháp xử lý, đồng thời cung cấp thông tin cho nhà quản lý hoạch định chính sách về môi trường. Giúp cho người học có ý thức bảo vệ môi trường nhằm cải thiện điều kiện vật chất, điều kiện sống tốt hơn, tăng tính đa dạng sinh học. Có ý nghĩa cao hơn là nhận thức của con người, sự tự giác, lòng trân trọng của con người đối với vấn đề cải tạo môi trường và bảo vệ môi trường.	3	HK8	Thường xuyên: 15% Kiểm tra giữa kỳ: 25% Thi cuối kỳ: 60%

6. NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN (7140217)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mac Lenin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên	3	HK 2	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.			
2	Kinh tế Chính trị Mac Lenin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK 3	
3	Chủ Nghĩa xã hội Khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.	2	HK 4	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn	2	HK 5	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK 6	
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	HK 2	
7	Ngoại ngữ không chuyên 1 (tiếng Anh/ tiếng Trung)	Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và	2	HK 2	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.</p> <p>Học phần Tiếng Trung 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ âm – văn tự – từ vựng của tiếng Hán hiện đại, là điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp các học phần tiếng Trung cơ bản 2 và 3. Học phần được thiết kế với thời lượng 02 tín chỉ, tương đương 30 tiết thực học. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm vững các chuẩn kiến thức ngôn ngữ.</p>			
8	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh/Tiếng Trung) 2	<p>Học phần Tiếng Anh 2 là điều kiện tiên quyết để học tiếp học phần Tiếng Anh 3. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.</p> <p>Học phần Tiếng Trung 2 này là học phần nối tiếp với học phần tiếng Trung CB 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp, giúp sinh viên từng bước rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ. Học phần này cung cấp cho sinh</p>	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		viên khoảng 120 từ vựng, 45 mẫu câu và 14 điểm ngữ pháp.			
9	Ngoại ngữ không chuyên 3 (Tiếng Anh/ Tiếng Trung)	<p>Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất. English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng Tiếng Anh giao tiếp đã học ở học phần English 1, English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp.</p> <p>Học phần tiếng Trung 3 cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp ở giai đoạn tiền trung cấp, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ. Học phần này cung cấp cho sinh viên khoảng 200 từ vựng, 72 mẫu câu và 28 điểm ngữ pháp. Môn học giúp sinh viên rèn luyện phát âm rõ ràng chuẩn xác cũng như khả năng đọc hiểu các từ ngữ, đoạn văn ngắn thuộc các chủ đề đã học.</p>	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
10	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức	2	HK 3	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; hỗ trợ người học lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCHN) của dân, do dân, vì dân; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.			
11	Giáo dục thể chất	Mục tiêu của giáo dục thể chất (GDTC) trong các trường Đại học là góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và văn hoá xã hội; phát triển hài hoà về thể lực và tư duy, phát triển các năng lực chăm sóc sức khỏe, vận động cơ bản và thể dục thể thao, nhằm phát triển các tố chất thể lực của sinh viên; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người hữu dụng có thể chất cường tráng sẵn sàng đáp ứng tốt theo yêu cầu xã hội.	3	HK	
12	Giáo dục quốc phòng	Nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí	3	HK	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.			
13	Thực hành văn bản tiếng Việt	Nội dung học phần chủ yếu là những kiến thức cơ bản về văn bản và giao tiếp bằng văn bản. Bên cạnh việc nhắc lại kiến thức học phần cung cấp một hệ thống các bài tập thực hành nhằm rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản và giao tiếp bằng văn bản cho người học.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
14	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ. Học phần giúp SV làm quen một số đơn vị ngôn ngữ, quan hệ ngôn ngữ, phạm trù ngôn ngữ cơ bản. Những kiến thức cơ bản của học phần là nền tảng cho việc đi sâu vào nghiên cứu	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng.			
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm, định nghĩa văn hóa và các khái niệm có liên quan. Mối quan hệ và tác động của môi trường tự nhiên, xã hội với văn hóa Việt Nam; kiến thức về giao lưu tiếp xúc văn hóa và quá trình giao lưu tiếp xúc của văn hóa Việt Nam trong tiến trình lịch sử.	2	HK 1	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
16	Mỹ học đại cương	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức mang tính tổng quát về Mỹ học theo quan điểm Mác – Lênin với những vấn đề cơ bản như quan hệ thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ và nghệ thuật. Đồng thời học phần còn cung cấp cho người học những kiến thức về các loại hình nghệ thuật, một trong những vấn đề quan trọng của Mỹ học. Từ đó học phần góp phần xây dựng nên những quan điểm chung về giáo dục thẩm mỹ cho người học.	2	HK 2	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
17	Nhập môn Lý luận văn học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận văn học cơ bản về bản chất, đặc trưng và chức năng của văn học; từ đó giúp cho sinh viên hình thành hệ thống quan điểm và những nguyên tắc tiếp cận các hình tượng văn học nghệ thuật. nhập văn học	3	HK 1	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lí luận và những yêu cầu thực hành bằng các bài tập, các nội dung thảo luận cụ thể cho người học về hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học chuyên ngành Ngữ Văn nói riêng. Cấu trúc học phần gồm 2 phần: Phần 1 là Phương pháp nghiên cứu khoa học; Phần 2 là Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Ngữ Văn.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
19	Tâm lí học đại cương	Học phần Tâm lí học đại cương cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lí người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lí và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kĩ năng thấu hiểu, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lí học đại cương.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
20	Giáo dục học	Giáo dục học đại cương là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc được học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo.			
21	Văn học dân gian Việt Nam	Học phần Văn học dân gian Việt Nam bao gồm Văn học dân gian người Kinh và văn học dân gian các dân tộc ít người. Nội dung của học phần được tìm hiểu qua khái niệm văn học dân gian, đặc trưng của văn học dân gian, tiến trình lịch sử văn học dân gian, các thể loại của văn học dân gian, nội dung đặc trưng của từng thể loại văn học dân gian.	3	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
22	Văn học Việt Nam trung đại I (từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XVII)	Học phần cung cấp những kiến thức khái quát về sự phát triển của văn học trung đại Việt Nam từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XVII: Các bộ phận văn học, các giai đoạn phát triển, những thể loại chính, những nội dung chính, những tư tưởng thẩm mỹ chủ đạo; các tác gia tiêu biểu; việc dùng chữ Hán, chữ Nôm trong sáng tác văn học; rèn luyện kỹ năng tiếp cận và phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.	3	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
23	Văn học Việt Nam trung đại II (từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX)	Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về văn học dân tộc từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX. Nội dung bao gồm trào lưu nhân đạo chủ nghĩa, những thành tựu lớn ở cả sáng tác bằng chữ Hán, sáng tác bằng chữ Nôm ở thể loại vay mượn và nhất là ở các sáng tác bằng chữ Nôm thuộc	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thể loại thuần túy dân tộc. Những nội dung này được đề cập cụ thể thông qua việc tìm hiểu các tác gia, tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học này.			
24	Văn học Việt Nam hiện đại từ 1900 đến 1945	Nội dung của học phần gồm kiến thức về những vấn đề chung của văn học Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến 1945: Quá trình hiện đại hóa văn học, diện mạo, quy luật vận động và đặc điểm cơ bản, những khuynh hướng và bộ phận chính của văn học thời kỳ này.	3	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
25	Văn học Việt Nam hiện đại từ 1945 đến 1975	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức mang tính khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 như: các chặng đường phát triển văn học, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chính của văn học Việt Nam giai đoạn này. Ngoài ra học phần còn đi tìm hiểu một số tác giả tiêu biểu ở các thể loại trong văn xuôi và thơ giai đoạn này.	3	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
26	Văn học Việt Nam hiện đại từ sau 1975	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức mang tính khái quát văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 như: các chặng đường phát triển văn học, những đặc điểm cơ bản và thành tựu chính của văn học Việt Nam giai đoạn này. Ngoài ra học phần còn đi tìm hiểu những đổi mới cơ bản về khuynh hướng, về quan niệm văn xuôi, quan niệm hiện thực,	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quan niệm con người trong văn xuôi và thơ từ sau 1975.			
27	Tác phẩm và thể loại văn học	Học phần bao gồm những đơn vị kiến thức cơ bản về Lý luận văn học, đặc biệt ở phương diện Tác phẩm và thể loại văn học. Nội dung học phần tập trung làm rõ các vấn đề có liên quan đến tác phẩm và thể loại văn học. Xem tác phẩm như một chỉnh thể trung tâm của văn học, học phần tập trung khảo sát các phương diện thuộc tác phẩm như đề tài, chủ đề, nội dung tư tưởng, nhân vật, kết cấu, ngôn từ nghệ thuật của tác phẩm văn học.	3	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
28	Tiến trình văn học	Học phần trình bày các đơn vị kiến thức cốt lõi về khái niệm, quy luật vận động và phát triển của Tiến trình văn học (trong sự so sánh với Lịch sử văn học, Phê bình văn học), các phương pháp sáng tác trong văn học cận đại phương Tây, những kiến thức lý luận mới mẻ ở phương Tây, đặc biệt là lý luận Văn học Pháp. Cùng với đó, học phần cũng giới thiệu đến người học một cái nhìn khái quát về Tiến trình văn học nhân loại gắn liền với các trào lưu, phương pháp sáng tác điển hình, như chủ nghĩa Phục hưng, Chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Hiện đại...	3	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
29	Thực tế chuyên môn	Tham quan thực tế là một môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		viên chuyên ngành Sư phạm Ngữ văn. Học phần giúp cho sinh viên tìm hiểu thực tế văn học ở các địa phương cũng như thực tế hoạt động giáo dục văn học ở nhà trường phổ thông thông qua tham quan thực tế, nghiên cứu văn bản, nghe báo cáo và thuyết trình về văn học tại địa phương cụ thể. Từ đó sinh viên hiểu rõ ngành nghề của mình, có thái độ tích cực và hướng tới hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp.			- Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
30	Văn học Tây Âu	Học phần bao gồm việc giới thiệu các thời kỳ lớn của văn học Tây Âu gắn với sự vận động của các trào lưu, khuynh hướng, các thể loại, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Những nội dung trên được đề cập bằng những hình thức khác nhau (nghe giảng, tự soạn ở lớp hay ở nhà, thảo luận theo nhóm...) và được thực hiện theo phương pháp gợi mở để giúp sinh viên tự tìm tòi, khám phá và chủ động trong học tập. Việc học tập này được hỗ trợ bằng các khái niệm, phạm trù và các cách tiếp cận nghiên cứu từ các lí thuyết văn chương.	3	HK 3	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
31	Văn học Châu Mỹ	Học phần giới thiệu những tri thức cốt yếu về diện mạo, đặc điểm, các trào lưu văn học, các thể loại, một số các tác giả và các tác phẩm tiêu biểu của Văn học Châu Mỹ. Những nội dung trên được đề cập bằng những hình thức khác nhau (nghe giảng, tự	2	HK 6	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		soạn ở lớp hay ở nhà, thảo luận theo nhóm...) và được thực hiện theo phương pháp gợi mở, giúp sinh viên tự tìm tòi khám phá và chủ động trong học tập. Việc học tập này được hỗ trợ bằng các khái niệm, phạm trù và các cách tiếp cận nghiên cứu từ các lý thuyết văn chương.			
32	Văn học Nga – Đông Âu	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về văn học Nga và Đông Âu với trọng tâm là văn học Nga thế kỷ XIX, XX và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học các nước Đông Âu (căn cứ vào vị trí địa lí). Sinh viên sẽ thấy được những đặc điểm cơ bản, các khuynh hướng văn học và những thành tựu nổi bật của các giai đoạn văn học Nga. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên những tác giả, tác phẩm nổi bật của một số nước Đông Âu như Cộng hoà Séc, Ba Lan, Ucraina hay Hungari.	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
33	Văn học Trung Quốc	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tiến trình lịch sử văn học Trung Quốc từ thời trước Tần đến Hán, Đường, Minh, Thanh và thời hiện đại với các thành tựu tiêu biểu: Kinh thi, Sở từ, Sử ký, thơ Đường, tiểu thuyết Minh – Thanh, một số tác giả tác phẩm của văn học cận hiện đại và văn học đương đại. Sinh viên phải nắm vững	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức và ứng dụng được kiến thức trong quá trình dạy học sau này.			
34	Văn học Châu Á: Nhật Bản, Ấn Độ, Đông Nam Á	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về ba nền văn học lớn của nhân loại và Châu Á là Ấn Độ, Nhật Bản, một số quốc gia khu vực Đông Nam Á. Đây là ba nền văn học có ảnh hưởng lớn đến văn học thế giới, văn học Châu Á nói chung và văn học Việt Nam nói riêng. Học phần đi sâu giới thiệu một số đỉnh cao tiêu biểu, thẩm định những đặc sắc về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của các tác phẩm lớn được tuyển dạy trong chương trình.	2	HK 5	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
35	Ngữ âm – từ vựng tiếng Việt	Học phần được triển khai thành 2 phần: Phần 1 Giới thiệu vai trò của âm tiết trong tiếng Việt và thực tế sử dụng của người Việt đối với loại đơn vị ngôn ngữ này. Xác định hệ thống âm vị chuẩn tiếng Việt, và biến thể ngữ âm ở một số vùng địa phương lớn. Phần 2: Giới thiệu đặc điểm hình thức và đặc điểm nội dung của các đơn vị từ vựng tiếng Việt, trong đó chú ý đến cấu trúc ngữ nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ ngữ.	3	HK 2	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
36	Ngữ pháp và ngữ pháp văn bản tiếng Việt	Học phần gồm hai nội dung chính: (1) Những vấn đề cơ bản về ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt; (2) Những vấn đề cơ bản về ngữ pháp văn bản	3	HK 3	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếng Việt. Cụ thể, học phân tập trung vào những vấn đề cơ bản như từ loại, ngữ đoạn, câu và các vấn đề liên quan như tiêu chí nhận diện, phân loại từ; cấu trúc, chức năng ngữ đoạn; cấu trúc câu tiếng Việt. Học phần cũng hướng tới việc phân tích, làm rõ cấu trúc của đoạn văn, văn bản; vấn đề liên kết, mạch lạc trong đoạn văn, văn bản. Các vấn đề nêu trên được thảo luận dựa trên ngữ liệu tiếng Việt.			- Đánh giá cuối kỳ: 60%
37	Ngữ pháp chức năng	<p>Phần thứ nhất (dẫn luận): Mấy vấn đề lý thuyết chung như: Ngữ pháp chức năng là gì; Các mô hình lý thuyết ba bình diện trong ngôn ngữ học hiện đại; Câu; Cấu trúc chủ - vị; Cấu trúc Đề - Thuyết trong ngôn ngữ học hiện thời; Cấu trúc nghĩa của câu; Vài nét về dụng pháp</p> <p>Phần thứ hai: Câu trong tiếng Việt như: Cấu trúc cú pháp cơ bản; Các kiểu cấu trúc câu; câu trong văn bản (ngôn bản); Phân loại hình câu theo lực ngôn trung và theo nghĩa biểu hiện</p>	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
38	Phong cách học tiếng Việt	Các kiến thức đại cương về phong cách học; những vấn đề về ngữ cảnh tu từ. Sau đó đi vào hai nội dung cơ bản trong tiếng Việt: các phong cách chức năng và các phương tiện, biện pháp tu từ. Nội dung học phần gồm các chương: Dẫn luận phong cách học; Các biện pháp phong cách trong	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếng Việt hiện đại; Hệ thống các phong cách chức năng tiếng Việt			
39	Lược khảo về chữ Hán và minh giải văn bản Hán văn Trung Hoa	Nội dung học phần nhằm cung cấp cho sinh viên có được tri thức tương đối hệ thống về văn tự Hán và từ Hán Việt phục vụ cho việc giảng dạy, nghiên cứu ở trường THCS và THPT. Rèn luyện kỹ năng nhận diện từ Hán Việt, từ đa nghĩa, từ đồng âm gốc Hán; rèn luyện kỹ năng tiếp xúc trực tiếp với các văn bản Hán văn trong chương trình.	3	HK 2	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
40	Minh giải văn bản Hán văn Việt Nam	Nội dung học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ sở và những đặc trưng cơ bản của Hán văn Việt Nam. Tiến hành tổ chức phiên âm, minh giải, dịch nghĩa, đánh giá tổng quát về các văn bản Hán văn Việt Nam tiêu biểu (Từ thời Lý Trần đến thơ chữ Hán Hồ Chí Minh).	3	HK 3	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
41	Văn bản chữ Nôm	Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử hình thành và cấu tạo chữ Nôm, nhận biết sự khác nhau giữa chữ Hán và chữ Nôm; có khả năng thực hành phân tích, chỉ ra được các phép cấu tạo chữ Nôm trong những văn bản cụ thể. Giúp người học nắm được những giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của các tác phẩm văn học được viết bằng chữ Nôm (Trọng tâm là các tác phẩm và trích đoạn được đưa vào giảng dạy trong trường phổ thông).	2	HK 4	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
42	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Nội dung học phần trình bày các vấn đề cơ bản hoạt động đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường phổ thông, trong đó có kiểm tra đánh giá trong dạy học bộ môn Ngữ văn. Cấu trúc học phần gồm những vấn đề chính: Một số vấn đề chung; Phương pháp và kỹ thuật đánh giá; Phương pháp và kỹ thuật trắc nghiệm; Đánh giá xếp loại học sinh	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
43	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Rèn luyện NVSP là một trong những yêu cầu không thể thiếu đối với sinh viên ngành sư phạm. Từ thao tác đến kỹ năng là một con đường khá dài nhưng đó là thao tác bắt buộc, là điều kiện cần; là phương tiện quan trọng của giáo viên thực hiện thành công các tiết dạy trên lớp. Với ý nghĩa đó, việc rèn luyện NVSP cho sinh viên không chỉ dừng ở tiết dạy trên lớp mà nó cần được ý thức rèn luyện thường xuyên để trở thành những kỹ năng thành thạo phục vụ thiết thực cho nghề nghiệp trong tương lai.	3	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
44	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	Nội dung học phần tập trung vào hoạt động thực hành tại trường Thực hành Sư phạm nhằm trau dồi kỹ năng, nghiệp vụ dạy học cho sinh viên. Cấu trúc học phần gồm 3 phần: - Phần 1. Một số vấn đề chung về kỹ năng thiết kế dạy học Ngữ văn	3	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Phần 2. Thực hành dạy học tại trường Thực hành Sư phạm. - Phần 3. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm từ những hoạt động thực tiễn dạy học. 			
45	Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 1	Nội dung học phần tập trung vào việc cung cấp những kiến thức nền tảng của nghề nghiệp cho sinh viên bao gồm những vấn đề về lý luận dạy học Ngữ văn, phương pháp dạy học Ngữ văn truyền thống và đổi mới phần văn học, bám sát những thay đổi trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn các trường phổ thông của Bộ GD & ĐT.	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
46	Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 2	Nội dung học phần tập trung vào việc cung cấp những kiến thức nền tảng của nghề nghiệp cho sinh viên bao gồm những vấn đề về lý luận dạy học Ngữ văn truyền thống và đổi mới phần tiếng Việt, bám sát những thay đổi trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn các trường phổ thông của Bộ GD & ĐT.	3	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
47	Đặc trưng truyện kể văn học dân gian Việt Nam	Học phần giúp người học nắm vững những đặc trưng cơ bản của truyện kể dân gian để từ đó phân biệt được sự khác biệt giữa truyện kể VHDG với truyện kể VHV và với các thể loại còn lại của VHDG; phân biệt được các thể loại tự sự dân gian. Cũng từ đó, học phần giúp người học	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu, khai thác đúng giá trị, loại hình của nó.			
48	Thể loại văn học Việt Nam trung đại	Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về các thể loại văn học Việt Nam trung đại, khái quát bức tranh thể loại trong văn học Việt Nam trung đại. Cụ thể là những kiến thức về nguồn gốc, quá trình phát triển, đặc điểm thể loại, tác giả tiêu biểu của thể loại khoa cử; Thể thơ thuần Việt, thể thơ có nguồn gốc vay mượn; Tìm hiểu về thể loại truyện trong văn xuôi chữ Hán và truyện văn vần chữ Nôm.	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
49	Tiểu thuyết Việt Nam thế kỉ XX	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về tiểu thuyết Việt Nam trong thế kỉ XX: các khuynh hướng, phong cách, các tác giả, tác phẩm tiêu biểu về tiểu thuyết. Gợi mở những khía cạnh tạo nên qui luật vận động của thể loại trong đời sống văn học Việt Nam, cắt nghĩa những thăng trầm cùng các hướng phát triển của thể loại.	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
50	Văn học Đồng Nai	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về văn học Đồng Nai gắn liền với sự hình thành và phát triển tỉnh Đồng Nai. Học phần được chia làm hai phần chính: Văn học dân gian Đồng Nai và văn học viết Đồng Nai.	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
51	Văn học và các loại hình nghệ thuật	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa văn học với các loại hình nghệ thuật nói chung, như Điêu khắc, Vũ đạo, Âm nhạc, Hội họa, Kịch, Điện ảnh. Đặc biệt, học phần dừng lại khảo sát, phân tích tính tạo hình và tính nhạc được biểu hiện trong văn học. Cùng với đó, học phần cũng sẽ cung cấp cho người học những đơn vị kiến thức cơ bản về đặc trưng ý thức thẩm mỹ của người Việt Nam, điển hình như: tính thực tiễn, tính biểu cảm, tính tĩnh, tính linh hoạt, lưỡng nguyên, lắp ghép, đa nguồn...	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
52	Thi pháp học	Học phần cung cấp những kiến thức mang tính tổng quát về Thi pháp học với những vấn đề cơ bản như khái niệm thi pháp và thi pháp học, đối tượng nghiên cứu của thi pháp học, lịch sử của thi pháp học, quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật và thời gian nghệ thuật theo quan niệm của thi pháp học... Từ đó, học phần giúp cho người học có thể phân tích, đánh giá một tác phẩm, tác giả hay khuynh hướng văn học, giai đoạn văn học trên cơ sở lý thuyết thi pháp.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
53	Văn học nước ngoài trong nhà trường trung học	Học phần cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về phần văn học nước ngoài được đưa vào giảng dạy trong chương trình trung học, gợi ý cho sinh viên cách phân tích và giảng	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dạy các tác phẩm theo những nguyên tắc dạy học văn học nước ngoài. Ngoài ra, sinh viên còn được trực tiếp giảng dạy các tác phẩm này để rút ra những kinh nghiệm cho bản thân.			- Đánh giá cuối kỳ: 60%
54	Một số vấn đề thi pháp thơ Đường và tiểu thuyết Minh - Thanh	Học phân cung cấp kiến thức theo thi pháp thể loại (thơ, tiểu thuyết) của hai thành tựu đặc sắc nhất trong văn học cổ điển Trung Quốc là thơ đời Đường và tiểu thuyết thời Minh – Thanh như quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, thể loại, ngôn ngữ, kết cấu...	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
55	Ngữ dụng học	Học phân giới thiệu một số vấn đề về việc nghiên cứu ngôn ngữ trong thực tế giao tiếp trọng tâm giới thiệu các lý thuyết của ngữ dụng học, bước đầu làm quen với một số khái niệm cơ bản của ngữ dụng học như khái niệm diễn ngôn, hành động ngôn từ, khái niệm ngữ cảnh (ngữ cảnh tình huống và ngữ cảnh ngôn ngữ), khái niệm phát ngôn và khái niệm câu. Các lý thuyết về ngữ dụng được giới thiệu như lý thuyết về hành động ngôn từ, lý thuyết lập luận và lý thuyết hội thoại. Trên cơ sở các ngữ liệu từ thực tế giao tiếp tiếng Việt và trong tác phẩm văn học, học phân giúp học viên tìm hiểu một số vấn đề văn hóa giao tiếp của người Việt	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong sự đối sánh với một số ngôn ngữ của các nền văn hóa khác nhau.			
56	Dạy từ Hán Việt trong trường trung học	Cung cấp cho người học những hiểu biết về từ Hán Việt trên các phương diện lịch sử hình thành, diễn biến, ngữ âm, ngữ nghĩa, cấu tạo và vai trò của nó trong giao tiếp ngôn ngữ và thơ văn Trung đại Việt Nam. Phân tích giá trị sử dụng của từ Hán Việt ở các tác phẩm văn học trong nhà trường trung học.	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
57	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Ngữ văn	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về giáo dục trải nghiệm và ý nghĩa của nó đối với vấn đề phát triển con người theo tiêu chí xã hội hiện đại; giúp hình thành các kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo phù hợp với môn Ngữ văn ở trường trung học.	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
58	Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học Ngữ văn	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cụ thể mang tính thao tác trong việc tổ chức các hoạt động học tập môn Ngữ văn ở trường trung học theo hướng tích cực. Cấu trúc học phần gồm 2 vấn đề chính: Những phương pháp dạy học tích cực; Những kỹ thuật dạy học tích cực.	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
59	Khóa luận	Khoá luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học dành cho những sinh viên đạt được kết quả học tập tốt trong 4 năm đại học của chương trình	5	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đào tạo cử nhân đại học chuẩn bị tốt nghiệp.			- Đánh giá cuối kỳ: 60%
60	Dạy học Ngữ văn theo các định hướng đổi mới (Học phần thay thế Khóa luận)	Học phần có tính chất thay thế khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn bậc đại học, hệ chính quy. Nội dung học phần hướng đến trình bày những vấn đề chung về dạy học môn văn trong nhà trường ở Việt Nam từ trước đến nay và yêu cầu, chủ trương đổi mới; trình bày một số vấn cụ thể về dạy học đổi mới cả về chương trình, sách giáo khoa và phương pháp, hình thức dạy học; trình bày những yêu cầu cụ thể về năng lực, phẩm chất, tư cách cần có của giáo viên dạy Ngữ văn trong thời đại mới.	3	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
61	Các tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam trung đại và hiện đại (Học phần thay thế khóa luận)	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về một số tác gia văn học Việt Nam trung đại và hiện đại như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nam Cao, Hồ Chí Minh, Tố Hữu... với những nội dung chính dưới dạng chuyên đề theo từng tác gia như quan niệm về con người, quan niệm về phong cách nghệ thuật, việc vận dụng các tác phẩm của các tác gia vào chương trình giảng dạy ở bậc THPT.	2	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
62	Thực tập sư phạm 1	Sinh viên về trường THPT 4 tuần để thực hành kỹ năng dạy học.	2	HK 5	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
63	Thực tập sư phạm 2	Sinh viên về trường THPT 8 tuần để thực hành kỹ năng dạy học.	5	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

7. NGÀNH: SƯ PHẠM LỊCH SỬ (7140218)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Kinh tế Chính trị Mac Lenin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK3	
3	Chủ Nghĩa xã hội Khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch	2	HK4	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK5	
5	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK6	
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và	3	HK2	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		suu tâm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.			
7	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 1	Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, sử dụng được từ vựng và cấu trúc để diễn đạt ý tưởng trong giao tiếp về các chủ đề ngôn ngữ ở trình độ cơ bản.	2	HK2	
8	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 2	Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ. Ngoài ra, học phần nhằm giúp sinh viên có khả năng trang bị kiến thức cơ bản đọc viết trong công việc nghiên cứu và tiếp cận các bộ môn khoa học của sinh viên, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng xử lý tài liệu	2	HK3	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và làm việc nhóm nhằm phục vụ cho việc học tập ở bậc cao hơn.			
9	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Anh 3	Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất.	3	HK4	
10	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Trung CB 1	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ âm – văn tự – từ vựng của tiếng Hán hiện đại, là điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp các học phần tiếng Trung cơ bản 2 và 3. Học phần được thiết kế với thời lượng 02 tín chỉ, tương đương 30 tiết thực học. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm vững các chuẩn kiến thức ngôn ngữ: Hán tự; Ngữ pháp; Từ vựng2	2	HK2	
11	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Trung CB 2	Học phần này là học phần nối tiếp với học phần tiếng Trung CB 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp, giúp sinh viên từng bước rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ. Học phần này cung cấp cho sinh viên khoảng 120 từ vựng, 45 mẫu câu và 14 điểm ngữ pháp. Qua đó, giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học, viết đúng nét	2	HK3	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các chữ Hán trong bài học, tự tin thực hành giao tiếp.			
12	Ngoại ngữ không chuyên tiếng Trung CB 3	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp ở giai đoạn tiền trung cấp, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ như phát âm rõ ràng chuẩn xác, khả năng đọc hiểu các từ ngữ, đoạn văn, viết được những đoạn văn ngắn bằng những câu đơn giản xoay quanh các chủ đề đã học trong học phần.	2	HK4	
13	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học.	2	HK1	
14	Giáo dục thể chất	Học phần giáo dục thể chất là học phần bắt buộc nằm trong chương trình môn học GDTC. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ thuật, kỹ năng vận động các môn Điền kinh; Cầu lông; Võ Taekwondo; Bóng đá.	3		
15	Giáo dục quốc phòng	Nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền	11		

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.</p>			
16	<p>Tâm lý học đại cương</p>	<p>Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kĩ năng thấu hiểu, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lý học đại cương.</p>	2	HK1	
17	<p>Giáo dục học đại cương</p>	<p>Giáo dục học đại cương là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh</p>	2	HK2	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc được học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo.</p>			
18	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử</p>	<p>Học phần giới thiệu về những vấn đề chung của khoa học và nghiên cứu khoa học. Ngoài những vấn đề chung, học phần trang bị cho sinh viên một số phương pháp nghiên cứu khoa học được vận dụng trong nghiên cứu lịch sử nói riêng và các khoa học thuộc khoa học Xã hội - Nhân văn nói chung như: phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp so sánh lịch sử, phương pháp định lượng, phương pháp liên ngành; tiến trình nghiên cứu khoa học và cuối cùng là thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu các đề tài khoa học Lịch sử.</p>	2	HK4	
19	<p>Nhập môn sử học</p>	<p>Học phần Nhập môn sử học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học lịch sử, rèn luyện các kỹ năng và phương pháp học tập, nghiên cứu sử học, trong đó tập trung nghiên cứu sâu về đối</p>	2	HK1	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tượng, chức năng, nhiệm vụ, quá trình phát triển của khoa học lịch sử; Từ đó trang bị cho người học phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học đúng đắn, khách quan.			
20	Tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về văn hóa Việt Nam theo tiến trình lịch sử. Những nội dung chính của học phần sẽ được phân tích, làm rõ gồm: Nhập môn về Văn hóa và Văn hóa học; Điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam; Diễn trình văn hóa Việt Nam; Một số vấn đề văn hóa Việt Nam (Tiếp xúc và giao lưu trong văn hóa Việt Nam; Không gian văn hóa Việt Nam; Các thành tố văn hóa Việt Nam).	2	HK2	
21	Lý luận dạy học lịch sử	Học phần cung cấp kiến thức về phương pháp dạy học lịch sử là một khoa học; Quá trình phát triển của phương pháp dạy học lịch sử; Quá trình phát triển của bộ môn lịch sử ở trường phổ thông; Chức năng, nhiệm vụ của bộ môn lịch sử; Chương trình môn lịch sử ở trường phổ thông; Nguyên tắc xây dựng chương trình và cấu tạo chương trình; Sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông	2	HK3	
22	Khảo cổ học đại cương	Học phần giới thiệu những tri thức cơ bản về Khảo cổ học bao gồm: đối tượng nghiên cứu của Khảo cổ học; lịch sử, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu bộ môn.	2	HK1	

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Các thời đại Khảo cổ học bao gồm: Thời đại đồ đá cũ; Thời đại đồ đá giữa; Thời đại đồ đá mới; Thời đại đồ đồng; Thời đại đồ sắt. Những thành tựu của khảo cổ học Việt Nam thời sơ sử với ba văn hóa khảo cổ: Văn hóa Đông Sơn; Văn hóa Sa Huỳnh; Văn hóa Óc Eo. Những thành tựu khảo cổ học lịch sử với các các nghiên cứu về Thành cổ; Mộ táng; Đình; Chùa; Khảo cổ học Cham Pa; Khảo cổ học Phù Nam.			
23	Nhân học đại cương	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nhân học: lịch sử phát triển của nhân học thế giới, các trường phái trong nhân học và lịch sử phát triển của nhân học Việt Nam, về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, sự phân bố và các đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam (vùng, nhóm ngôn ngữ và tộc người), tính thống nhất và đa dạng của văn hóa và tộc người ở Việt Nam, nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và nhà nước ta, vị trí của vấn đề dân tộc trong tiến trình lịch sử dân tộc và trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	2	HK1	
24	Phương pháp luận sử học	Phương pháp luận sử học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản	2	HK3	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về các phương pháp nghiên cứu của khoa học lịch sử, đối tượng nghiên cứu, chức năng, nhiệm vụ của phương pháp luận sử học, các hình thái kinh tế xã hội và các cách phân kì lịch sử thế giới và Việt Nam; rèn luyện các kỹ năng sử dụng các phương pháp trong nghiên cứu khoa học lịch sử đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, phát triển khả năng tự nghiên cứu, phân tích được mối liên hệ giữa sử học và các ngành khoa học xã hội khác.			
25	Lịch sử thế giới cổ trung đại	Học phần cung cấp hệ thống những kiến thức cơ bản về nguồn gốc loài người, các thời kì phát triển của xã hội nguyên thủy; Sự hình thành, quá trình phát triển lịch sử, đặc điểm kinh tế - xã hội và thành tựu văn hóa các quốc gia Cổ đại phương Đông và phương Tây; quá trình hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến ở phương Đông như Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Đông Nam Á và ở phương Tây thời sơ, trung và hậu kỳ trung đại Tây Âu.	4	HK1	
26	Lịch sử thế giới cận đại	Học phần giới thiệu những nội dung cơ bản của lịch sử thế giới cận đại, tập trung vào những vấn đề chính sau: Sự thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản và sự xác lập của CNTB trên phạm vi thế giới. Những chuyển biến của CNTB Âu Mỹ cuối TK XIX đầu	4	HK2	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		TK XX; Sự hình thành giai cấp vô sản hiện đại, sự phát triển của phong trào công nhân, sự ra đời của chủ nghĩa xã hội KH; Quá trình xâm chiếm thuộc địa của CNTB phương Tây và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á – Phi - Mỹ latin.			
27	Lịch sử thế giới hiện đại	Học phần trang bị cho người học những nội dung về lịch sử thế giới trong các giai đoạn lịch sử như sau: 1917- 1945; 1945 đến nửa đầu những năm 70; Từ nửa sau những năm 70 đến nay.	4	HK3	
28	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản, trọng tâm của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến khi thực dân Pháp xâm lược.	4	HK2	
29	Lịch sử Việt Nam cận đại	Lịch sử Việt Nam cận đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản, trọng tâm của lịch sử Việt Nam trong từ năm 1858 đến năm 1945 được phân kỳ thành các giai đoạn sau: 1858-1896, 1897-1918, 1919-1930, 1930-1945.	4	HK3	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30	Lịch sử Việt Nam hiện đại	Lịch sử Việt Nam hiện đại cung cấp những kiến thức toàn diện, cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay. Các vấn đề chủ yếu trong các học phần này là: Cuộc kháng chiến chống Pháp 1945- 1954; hai miền Nam Bắc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc 1954-1975 và cả nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH từ 1975 đến nay.	4	HK4	
31	Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam	Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về vị trí địa chiến lược của Việt Nam, hoàn cảnh lịch sử và diễn biến một số cuộc khởi nghĩa trong chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ tổ quốc trong lịch sử Việt Nam qua các giai đoạn; vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử.	3	HK7	
32	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại	Một số cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam thời trung đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần gồm có 3	2	HK7	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chương, trình bày khái luận về cải cách, đổi mới, cách mạng... và cách tiếp cận. Trọng tâm học phần trình bày về hoàn cảnh lịch sử và nội dung các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam cổ trung đại (khoảng 10 cuộc cải cách và tư tưởng cải cách). Từ đó đưa ra một số nhận xét và nêu những vấn đề đặt ra cho công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.			
33	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam	Lịch sử nghệ thuật Việt Nam cung cấp cho sinh viên có được những hiểu biết mang tính hệ thống về các ngành nghệ thuật ở nước ta từ cổ truyền cho đến hiện đại qua đó hiểu biết một cách toàn diện về tiến trình lịch sử dân tộc, giúp cho người học giảng dạy tốt các bài giảng lịch sử có liên quan ở nhà trường trung học phổ thông sau này.	2	HK7	
34	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát, cơ bản, hệ thống về quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước và pháp luật ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.	2	HK6	
35	Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở hình thành và những thành tựu của các văn minh Việt Nam bao gồm: Văn minh Văn	2	HK5	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lang – Âu Lạc; Văn minh Cham Pa và Văn minh Óc Eo.			
36	Lý luận và lịch sử tôn giáo	Học phân cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về lý luận về tôn giáo như: thuật ngữ tôn giáo, các quan niệm về tôn giáo của các học giả trong một số ngành khoa học xã hội, nguồn gốc, chức năng, vai trò, tính chất, kết cấu của tôn giáo; quan niệm về đạo đức, tín ngưỡng, các hình thức tôn giáo thời nguyên thủy cũng như sự hình thành, phát triển, giáo lý, giáo luật của ba tôn giáo lớn trên thế giới như Phật giáo, Kitô giáo và Hồi giáo. Lịch sử hình thành và phát triển tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam.	2	HK6	
37	Bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam	Học phân cung cấp hệ thống kiến thức về Di sản văn hoá bao gồm: Khái niệm di sản văn hoá; Phân loại di sản văn hoá và xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá; Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá; Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển; Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản; Một số di sản văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.	2	HK5	
38	Giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học	Học phân Giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia cho học sinh trong dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông nhằm hình thành và phát triển cho sinh viên nhiều vấn đề liên quan đến	2	HK7	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	sinh trong dạy học Lịch sử ở trường trung học phổ thông	giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia, phân tích được mối liên hệ giữa Bộ môn Lịch sử với việc giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia, khái quát được nội dung chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia, lựa chọn được các biện pháp và hình thức giáo dục chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia,...			
39	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Lịch sử ngoại giao Việt Nam là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp những chính sách bang giao với các nước láng giềng và phương thức tiến hành các mối bang giao đó, xuất phát từ các nhiệm vụ giành và giữ độc lập dân tộc, gây dựng hòa hiếu, chống xâm lược, mở mang và xây dựng đất nước cường thịnh.	2	HK6	
40	Vai trò của Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam	Học phần cung cấp kiến thức lịch sử dân tộc Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. Sự xuất hiện của Hồ Chí Minh mang tính tất yếu hợp qui luật dưới sự tác động của truyền thống dân tộc, đất nước, quê hương và thời đại.	2	HK6	
41	Kiểm tra đánh giá	Học phần cung cấp kiến thức về mục đích, yêu cầu việc kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử; các	2	HK5	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trong dạy học Lịch sử	hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.			
42	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận và thực hành kỹ năng nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; rèn luyện kỹ năng diễn đạt nói, diễn đạt viết; kỹ năng sử dụng bảng đen; kỹ năng xây dựng và sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch; kỹ năng xây dựng hồ sơ tư liệu và rèn luyện tác phong sư phạm.	3	HK4	
43	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần giới thiệu về những kiến thức cơ sở, khái quát và toàn diện về lịch sử văn minh nhân loại từ cổ trung đại hiện đại. Những khái niệm về Văn minh, Văn hóa; Cơ sở hình thành và những thành tựu về khoa học kỹ thuật, những phát minh sáng tạo của nhân loại để duy trì trái đất và xã hội loài người. Những giá trị nhân văn và những sáng tạo mang tính nhân bản trong tiến trình phát triển của văn minh nhân loại.	2	HK3	
44	Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lịch sử	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức lý luận và kỹ năng về hệ thống phương pháp dạy học và các hình thức dạy học lịch sử ở trường THPT gồm: Hệ thống các phương	2	HK4	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp và các hình thức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực.			
45	Phát triển chương trình môn lịch sử trung học phổ thông	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về chương trình như: khái niệm, cấu tạo chương trình; mối quan hệ giữa chương trình với SGK; so sánh Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 với một số chương trình trước để chỉ ra ưu khuyết của từng chương trình. Trên cơ sở cập nhật những thông tin mới về phát triển chương trình đào tạo.	2	HK3	
46	Cách mạng tư sản và sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận liên quan đến chủ nghĩa tư bản: các học thuyết liên quan đến sự hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, các cuộc cách mạng tư sản; các giai đoạn phát triển (tự do cạnh tranh, độc quyền, độc quyền nhà nước, hiện đại), những đặc điểm của CNTB hiện đại.	2	HK5	
47	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp kiến thức về rèn luyện kỹ năng thiết kế bài giảng và	2	HK5	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thực hành giảng dạy theo khối lớp bậc trung học phổ thông.			
48	Lịch sử quan hệ quốc tế đại cương	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề lý luận về quan hệ quốc tế (khái niệm, quá trình hình thành, phương pháp nghiên cứu); những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế qua các giai đoạn, những xu thế chính trong quan hệ quốc tế, mối quan hệ giữa các nước lớn trong quan hệ quốc tế.	2	HK7	
49	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á	Học phần cung cấp kiến thức gồm: Tiến trình lịch sử Đông Nam Á; Quá trình thực dân phương Tây xâm lược Đông Nam Á, chính sách cai trị của thực dân và hệ quả của nó; Phong trào đấu tranh hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai; Thành tựu trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước sau khi giành độc lập.	2	HK4	
50	Các cuộc cải cách ở châu Á cận – hiện đại	Học phần cung cấp kiến thức về các phong trào cải cách, canh tân ở châu Á thông qua việc trình bày một số phong trào cải cách cơ bản ở châu Á cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX như cải cách Minh Trị ở Nhật Bản (1868- 1912), cải cách ở Xiêm thời Chulalongkorn (1868-1910), Duy tân ở Trung Quốc, các phong trào cải cách ở Trung Quốc, và những xu hướng cải cách ở Việt Nam.	2	HK6	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
51	Cải cách kinh tế-xã hội ở Trung Quốc từ 1978 đến nay	Học phần cung cấp kiến thức về công cuộc cải cách kinh tế - xã hội Trung Quốc. Học phần nêu rõ những nội dung quan trọng nhất của cuộc cải cách theo trình tự thời gian, phân tích những yếu tố cơ bản trong một số lĩnh vực: nông nghiệp, công nghiệp, đối ngoại, kinh tế thị trường, phát triển kinh tế - xã hội, những thành tựu to lớn mà nhân dân TQ đã đạt được trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.	2	HK7	
52	Thực tế chuyên môn 1	Học phần cung cấp nội dung tìm hiểu học tập thực địa tại các Bảo tàng, di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hoá liên quan tới quá trình khẩn hoang và xác lập chủ quyền đất nước ở khu vực Nam Bộ. Quá trình khẩn hoang, di cư lập làng và vai trò của các chúa Nguyễn trong việc khai khẩn vùng đất Nam Bộ.	2	HK4	
53	Thực tế chuyên môn 2	Học phần cung cấp nội dung tìm hiểu học tập thực địa tại các Bảo tàng, di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hoá liên quan tới quá trình hình thành nhà nước. Quá trình đấu tranh giữ nước và mở rộng bờ cõi cương vực. Sinh viên nghiên cứu học tập trực tiếp tại các khu di tích khảo cổ, di tích lịch sử - văn hóa và truyền thống cách mạng, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích danh lam thắng cảnh tại các tỉnh thành ở khu vực Trung bộ, Bắc bộ.	2	HK6	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam (1930 – 1975)	Học phân cung cấp hệ thống kiến thức về vai trò của mặt trận trong cách mạng Việt Nam nói chung. Trên cơ sở này, học phân đề cập đến mặt trận dân tộc thống nhất qua các thời kỳ lịch sử 1930 – 1945, 1945 – 1954, 1954 – 1975. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm về mặt trận trong cách mạng Việt Nam.	2	HK8	
55	Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử	Sử dụng đồ dùng trực quan nhằm phát triển năng lực của học sinh trong dạy học lịch sử là học phân thay thế tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Lịch sử Học phân cung cấp hệ thống kiến thức với các nội dung chính: ý nghĩa việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực học tập của học sinh trong dạy học lịch sử; nội dung việc sử dụng đồ dùng trực quan để phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học lịch sử.	3	HK8	
56	Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Học phân cung cấp hệ thống kiến thức về cộng đồng các dân tộc trên đất nước Việt Nam với những nội dung chính: Thành phần dân tộc theo dân số, thành phần dân tộc theo ngữ hệ; Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam; Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam; Sự hình thành khối đại đoàn	2	HK8	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kết dân tộc; Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước; Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.			
57	Làng xã Việt Nam trong lịch sử	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về làng xã Việt Nam bao gồm: Giới thiệu chung về làng xã; Khái niệm làng xã; Các loại hình làng xã; Tên gọi làng xã; Nguồn gốc và quá trình phát triển của làng xã Việt Nam; Quá trình phát triển làng xã Việt Nam.	2	HK8	
58	Nghệ thuật quân sự Việt Nam thời cổ trung đại	Học phần bao gồm chương mở đầu có tính nhập môn giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của bộ môn. Hai phần chính của học phần trình bày về nghệ thuật quân sự của cha ông trong các cuộc kháng chiến giữ nước ở thời cổ trung đại, từ thời Hùng Vương cho đến triều Nguyễn.	2	HK6	
59	Hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945-1975)	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về vai trò của hậu phương trong chiến tranh nói chung; vai trò của hậu phương kháng chiến chống Pháp 1945-1954, kháng chiến chống Mỹ 1954-1975. Trên cơ sở này rút ra bài học kinh nghiệm về hậu phương trong chiến tranh cách mạng Việt Nam.	2	HK6	
60	Chiến lược tiến công	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về khái niệm chiến lược	2	HK7	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trong cách mạng miền Nam (1954-1975)	tiến công, cơ sở hình thành chiến lược tiến công, diễn biến chiến lược tiến công, phương châm đấu tranh nhằm đưa chiến lược tiến công đi đến thắng lợi, ý nghĩa chiến lược tiến công trong lịch sử dân tộc nói chung và trong kháng chiến chống Mỹ nói riêng. Cuối cùng là bài học kinh nghiệm từ chiến lược tiến công đối với sự nghiệp đổi mới đất nước ngày nay.			
61	Sự chuyển biến của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX	Học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản của phong trào giải phóng dân tộc 30 năm đầu thế kỷ XX. Dưới tác động của những điều kiện lịch sử thế giới và trong nước, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX đã chuyển biến trên các mặt tư tưởng chính trị, tổ chức lãnh đạo và Đây là sự chuyển biến có tính qui luật tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta.	2	HK7	
62	ASEAN – những chặng đường lịch sử	Học phần cung cấp cho sinh viên nội dung kiến thức về: Bối cảnh ra đời, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động, quá trình hoạt động của ASEAN, thành tựu và hạn chế, cơ hội và thách thức, triển vọng trên con đường phát triển; quan hệ Việt Nam – ASEAN.	2	HK7	
63	Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế	Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về lý luận về nhà nước và pháp luật, như: Khái niệm nhà nước và pháp luật, nguồn gốc, bản	2	HK7	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	giới cổ trung đại	chất của nhà nước và pháp luật, các hình thức nhà nước và pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa...			
64	Hình thành tri thức lịch sử cho học sinh trung học phổ thông	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về các khái niệm kiến thức lịch sử, sự kiện lịch sử cơ bản, quá trình hình thành tri thức lịch sử cho học sinh ở trường THPT. Từ tài liệu - sự kiện tạo biểu tượng lịch sử, trên cơ sở các biểu tượng đó hình thành khái niệm, nêu quy luật và rút bài học lịch sử.	2	HK6	
65	Phương pháp nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương	Học phần cung cấp hệ thống kiến thức về khái niệm “Địa phương”, về đối tượng nghiên cứu và vị trí của bộ môn, về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương, từ việc sưu tầm tư liệu cho đến cách thức vận dụng, khai thác vào việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương. Ngoài ra, học phần môn học còn cung cấp những cách thức trong việc sưu tầm tư liệu để viết lịch sử nhà trường và xây dựng phòng truyền thống nhà trường.	2	HK7	
66	Cơ sở bảo tàng học	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bảo tàng bao gồm: công tác sưu tầm, kiểm kê và bảo quản hiện vật bảo tàng; công tác trưng bày, phổ biến kiến thức khoa học của bảo tàng. Ngoài ra, học phần môn học còn cung cấp những	2	HK5	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cách thức trong việc sưu tầm tư liệu để viết lịch sử nhà trường và xây dựng phòng truyền thống nhà trường.			
67	Phong trào nông dân Việt Nam thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX	Học phần trình bày bối cảnh lịch sử Việt Nam trong thời kì khủng hoảng và suy vong của chế độ phong kiến, trong đó tập trung phân tích về thực trạng xã hội Việt Nam trong thời kỳ này để lý giải nguyên nhân làm bùng nổ phong trào nông dân. Trên cơ sở đó tìm hiểu về những đặc điểm, nguyên nhân thất bại của phong trào, đồng thời rút ra những nhận xét, đánh giá vai trò của phong trào nông dân đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc.	2	HK6	
68	Khuynh hướng canh tân nửa sau thế kỉ XIX và phong trào duy tân đầu thế kỉ XX ở Việt Nam	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và có hệ thống, giúp sinh viên hiểu được những nội dung kiến thức tổng quát và đi sâu tìm hiểu những đặc điểm, tính chất của phong trào duy tân ở một số nước phương Đông và đặc biệt là Việt Nam trong giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.	2	HK7	
69	Quan hệ Xiêm – Lào – Campuchia – Việt Nam từ nửa sau thế kỉ XVIII đến	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ chính trị, quân sự, ngoại giao... giữa 4 nước Xiêm – Lào – Campuchia – Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các đặc điểm, tính chất và sự ảnh hưởng, tác động qua lại lẫn nhau giữa các	2	HK7	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	cuối thế kỉ XIX	nước nói trên trong quá khứ cũng như hiện nay.			
70	Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX	Học phần hướng đến việc cung cấp kiến thức cho người học về hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỉ XX, về chiến tranh Lạnh và phong trào đấu tranh của các lực lượng yêu chuộng hoà bình thế giới vì một thế giới hoà bình hơn.	2	HK7	
71	Thực tập sư phạm 1	Học phần giúp cho sinh viên nắm bắt được những hoạt động chủ yếu của người giáo viên ở trường THPT. Bước đầu giúp sinh viên vận dụng những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học và Lý luận dạy học bộ môn để thực hiện một số công việc của người giáo viên ở trường thực tập. Thông qua quan sát và thực hành nghiệp vụ góp phần hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành người giáo viên THPT.	2	HK5	
72	Thực tập sư phạm 2	Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường đại học vào công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm ở trường THPT; Rèn luyện các kỹ năng cơ bản của người giáo viên phổ thông trung học. Thực hành công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm lớp, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của một người giáo viên ở trường THPT. Nâng cao ý thức nghề nghiệp và lòng yêu nghề cho sinh viên.	2	HK8	

8. NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH (7140231)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mac Lenin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	3	HK 2	
2	Kinh tế Chính trị Mac Lenin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK 3	
3	Chủ Nghĩa xã hội Khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ	2	HK 4	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK 5	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK 6	
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	HK 2	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Ngoại ngữ 2 (học phần 1)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ âm – văn tự – từ vựng của tiếng Hán hiện đại, là điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp các học phần tiếng Trung cơ bản 2 và 3. Học phần được thiết kế với thời lượng 02 tín chỉ, tương đương 30 tiết thực học.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
8	Ngoại ngữ 2 (học phần 2)	Học phần này là học phần nối tiếp với học phần tiếng Trung CB 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp, giúp sinh viên từng bước rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
9	Ngoại ngữ 2 (học phần 3)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp ở giai đoạn tiền trung cấp, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ.	3	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
10	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; hỗ trợ người học lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất	2	HK 3	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) của dân, do dân, vì dân; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.			
11	Giáo dục thể chất	Mục tiêu của giáo dục thể chất (GDTC) trong các trường Đại học là góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và văn hoá xã hội; phát triển hài hoà về thể lực và tư duy, phát triển các năng lực chăm sóc sức khỏe, vận động cơ bản và thể dục thể thao, nhằm phát triển các tố chất thể lực của sinh viên; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người hữu dụng có thể chất cường tráng sẵn sàng đáp ứng tốt theo yêu cầu xã hội.	3	HK	
12	Giáo dục quốc phòng	Nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm của Đảng về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có	3	HK	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.			
13	Tâm lý học đại cương	Tâm lý học đại cương là học phần nền tảng giúp sinh viên có những kiến thức ban đầu về tâm lý con người. Từ đó giúp sinh viên (giáo sinh) có thể vận dụng để định hướng cho việc giảng dạy và giao tiếp với học sinh sau này.	2	HK 1	
14	Giáo dục học	Giáo dục học đại cương là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc được học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo.	2	HK 2	
15	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	Học phần đánh giá kết quả giáo dục học sinh, một trong những học phần bắt buộc trong việc đào tạo giáo viên sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá. Cụ thể sinh viên sẽ khái quát các hình thức kiểm tra đánh giá ở bậc phổ thông trung học (đánh giá trong tiến trình, đánh giá tổng kết); hiểu các nguyên tắc của việc kiểm tra	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đánh giá; xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung kiến thức và kỹ năng cần được kiểm tra đánh giá trong chương trình giảng dạy, phân loại bài kiểm tra, nắm vững quy trình ra đề, chọn phương pháp đánh giá phù hợp với khả năng của học sinh và thời gian quy định. Từ đây sinh viên có thể lập ma trận, viết bảng đặc tả cho bài kiểm tra với những loại hình bài tập đa dạng phong phú nhằm đảm bảo độ tin cậy cao và thiết kế những câu hỏi ở cấp độ khác nhau phù hợp với năng lực của học sinh.			
16	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã học trong các học phần kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 1, 2 và chuẩn bị cho thực tập sư phạm lần 2 ở trường trung học phổ thông.	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
17	Thực hành dạy học tại trường sư phạm	Thực hành dạy học tại trường sư phạm góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển kỹ năng cũng như phẩm chất nghề nghiệp cho giáo sinh. Sau khi hoàn thành học phần lý thuyết về phương pháp giảng dạy, đây là cơ hội giáo sinh được rèn luyện kỹ năng sư phạm (tác phong ứng xử, khả năng ngôn ngữ), kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng giảng dạy và giáo dục, kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm khác, đồng thời giúp giáo sinh củng cố, mở rộng những kiến thức đã học trên lớp, linh động sáng tạo ứng dụng phương	3	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp giảng dạy phù hợp với điều kiện trong thực tế ở trường phổ thông. Giáo sinh còn dự giờ minh họa của giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy tại trường sư phạm nhằm giúp kiểm nghiệm và lĩnh hội kiến thức tốt hơn. Ngoài ra giáo sinh có cơ hội trải nghiệm một số tiết dạy và trao đổi kinh nghiệm với giáo viên phổ thông.			
18	Thực tập sư phạm đợt 1	Học phần thực tập sư phạm đợt 1 nhằm giúp sinh viên từng bước làm quen với những công việc cũng như các hoạt động dạy học ở trường phổ thông. Cụ thể sinh viên đến các trường phổ thông và sẽ tập làm công tác chủ nhiệm, xây dựng kế hoạch các hoạt động cho lớp chủ nhiệm cũng như tham gia các phong trào đoàn thể. Sinh viên nghe báo cáo và viết thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục, nghe báo cáo của tổ chuyên môn, dự giờ giáo viên hướng dẫn hay giáo viên trong tổ, thiết kế bài giảng, trực tiếp giảng dạy dưới sự giám sát và hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn.	2	HK 5	
19	Thực tập sư phạm đợt 2	Thực tập sư phạm đợt 2 là khâu cuối cùng và quan trọng trong việc đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm cho những giáo viên tương lai. Giáo sinh sẽ vận dụng những kiến thức đã lĩnh hội trên lớp cũng như kinh nghiệm giảng dạy trong lần thực tập trước một cách chi tiết hơn	5	HK 8	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>để thực hiện những công việc thực thụ của một giáo viên phổ thông. Giáo sinh phải tự soạn giảng những tiết dạy các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) hay kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, ngữ pháp) và trực tiếp giảng dạy cho các khối lớp khác nhau. Gs cũng phụ trách 1 lớp chủ nhiệm, lên kế hoạch chi tiết từng tiết chủ nhiệm đặc biệt quan tâm những hs cá biệt hay hs có hoàn cảnh đặc biệt, khéo léo vận dụng kiến thức đã học nhằm xử lý các tình huống sư phạm mang tính giáo dục cao. Gs chủ động sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng giáo dục và dạy học trong thực tế nhà trường, từ đó hình thành thành ý thức tinh thần trách nhiệm, nâng cao tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên, chuẩn bị bước vào nghề.</p>			
20	Cơ sở lý luận dạy và học ngôn ngữ	<p>Cơ sở lý luận dạy học tiếng Anh (Foundations of English Language Teaching and Learning) là một học phần nền tảng bắt buộc đối với sinh viên sư phạm. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức sư phạm cơ bản về quá trình dạy và học ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng đồng thời giúp hình thành kỹ năng giảng dạy một cách vững chắc. Kiến thức liên quan đến việc học ngôn ngữ bao gồm sự hiểu biết về quy luật phát triển nhận thức, tâm lý, đặc điểm phát triển ngôn ngữ và</p>	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu của học sinh. Kiến thức về dạy học tiếng Anh bao gồm các phương pháp dạy học truyền thống và hiện đại đã và đang được sử dụng, các thủ thuật ứng dụng trong từng phương pháp, vai trò của người truyền đạt và lĩnh hội kiến thức, cách tổ chức hoạt động dạy học và đánh giá kết quả học tập của học sinh.			
21	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	<p>Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 (Teaching the what) thuộc khối kiến thức chuyên ngành hướng dẫn sinh viên cách giảng dạy các thành tố ngôn ngữ. Học phần bao gồm: dạy từ vựng (khái niệm từ, các khía cạnh của từ, phân loại từ vựng, các bước dạy từ mới, các thủ thuật giải thích nghĩa của từ, các hoạt động dạy và ôn từ vựng), dạy ngữ pháp (phương pháp dạy, các thủ thuật xây dựng ngữ cảnh, giải thích, luyện tập cấu trúc ngữ pháp), dạy ngữ âm (tổng thể ngữ âm tiếng Anh, thủ thuật trình bày và luyện các âm đơn lẻ, nhấn từ, nhấn câu và ngữ điệu), dạy bài hội thoại (các bước cơ bản, những thủ thuật luyện tập đa dạng và cách thức làm cho hoạt động luyện tập gần gũi hơn với cuộc sống hằng ngày), chuẩn bị giáo án (những thành tố cơ bản, cách thức trình bày giáo án phát triển kỹ năng, trình bày ngữ liệu mới và ôn tập).</p>	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	<p>Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 (Teaching the how) thuộc khối kiến thức chuyên ngành trang bị cho sinh viên kiến thức quan trọng cần thiết để hiểu và dạy các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo đường hướng giao tiếp. Học phần bao gồm: dạy kỹ năng tiếp thu ngôn ngữ (receptive skills): nghe và đọc (giới thiệu chung quá trình tiếp thu ngôn ngữ, các thủ thuật đọc/ nghe lấy để hiểu ý chính hay các chi tiết của bài, tiến trình lên lớp bài đọc hiểu và nghe hiểu; dạy kỹ năng sản sinh ngôn ngữ (productive skills): nói và viết. Cụ thể kỹ năng giao tiếp (chiến thuật giao tiếp hiệu quả, khái niệm về hoạt động giao tiếp, các nguyên tắc và tiến trình bài phát triển kỹ năng Nói); kỹ năng viết bao gồm các kỹ năng hỗ trợ (sub-skills) khi viết, nhận dạng mục đích các sub-skills, và các phương thức tiếp cận. Bên cạnh đó, còn giúp sinh viên tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ nhằm giúp khắc sâu kiến thức vừa học. Ngoài ra học phần giúp sinh viên có thái độ tích cực với những lỗi của học sinh và tiếp cận cách sửa lỗi động viên khuyến khích tự tin hơn trong quá trình học.</p>	3	HK 5	
23	Tiếng Việt thực hành	<p>Học phần bao gồm những đơn vị kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên hiểu rõ và thực hành tốt tiếng Việt trong học tập, công việc, cuộc</p>	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sống. Nội dung học phân tập trung vào việc trau dồi cho sinh viên các kỹ năng cơ bản như: tạo lập văn bản, dựng đoạn, đặt câu, dùng từ, chính tả trong tiếng Việt. Sinh viên học tập học phần này không chỉ để rèn luyện ngôn ngữ cho bản thân mà còn hướng đến việc am hiểu, yêu thích, tự hào về sự trong sáng và giàu có của tiếng Việt. Nội dung học phần được sắp xếp theo thứ tự từ cấp độ lớn là toàn văn bản đến cấp độ nhỏ hơn là đoạn văn, câu, từ, chữ viết			<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
24	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và là môn đại cương giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa; đặc trưng văn hóa; nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Học phần còn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội; tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
25	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ. Học phần giúp SV làm quen một số đơn vị ngôn ngữ, quan hệ ngôn ngữ, phạm trù ngôn ngữ cơ bản. Những kiến thức cơ bản của học phần là nền tảng cho việc đi sâu vào nghiên cứu ngôn ngữ nói chung, tiếng Anh nói riêng.			<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
26	Ngôn ngữ học đối chiếu	Ngôn ngữ học đối chiếu là một phân ngành của ngôn ngữ học tập trung vào việc so sánh một cách hệ thống hai hay nhiều ngôn ngữ, miêu tả những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng ở các cấp độ ngữ âm học, cú pháp học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học và phong cách học. Người học sẽ được làm quen với một số phương pháp, thủ pháp phân tích đối chiếu và thực hành việc đối chiếu các đơn vị, cấp độ ngôn ngữ. Kỹ năng, kiến thức thu được từ học phần góp phần nâng cao chất lượng của việc dạy, học, nghiên cứu ngôn ngữ.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
27	Nghe 1	Học phần Nghe 1 (Listening 1) là học phần bắt buộc đầu tiên mà sinh viên phải học trong 06 học phần Nghe. Học phần nghe 1 nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh thông qua các chủ đề phổ biến và luyện tập các đề thi mức độ IELTS từ 3.5 theo định hướng đề thi dạng IELTS. Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để học cũng như ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Anh cơ bản của mình như Listening for specific information, Listening for gist, Listening for details.....			
28	Nghe 2	Đây là học phần bắt buộc và sinh viên phải học xong học phần Nghe 1 mới có thể tiếp tục học phần Nghe 2. Trong giáo trình FOCUS ON IELTS - Foundation có 12 đơn vị bài học, nhưng chỉ có 6 đơn vị bài học rèn luyện kỹ năng nghe. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng nghe như: điền thông tin chính (note completion, sentence completion, table completion), hoàn thành các thông tin trên các biểu đồ (diagram completion), lựa chọn đáp án đúng (multiple-choice questions). Mỗi bài học tập trung vào một chủ đề mà sinh viên sẽ gặp trong cấu trúc bài nghe IELTS. Sinh viên luyện tập 6 bài đầu trên lớp. Ngoài ra giảng viên cũng tích hợp từ nhiều nguồn dữ liệu với nguồn dữ liệu do sinh viên tìm và chia sẻ để luyện tập.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
29	Nghe 3	Nội dung học phần Nghe 3 nhằm dạy sinh viên làm quen với các dạng bài và kỹ thuật giải các dạng bài Nghe học thuật IELTS (IELTS Academic Listening) gồm bảy dạng bài chính hiện diện trong cả bốn phần của một bài thi nghe học thuật IELTS.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
30	Nghe 4	Nội dung học phần Nghe 4 nhằm dạy sinh viên làm quen với các dạng	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bài và kỹ thuật giải các dạng bài Nghe học thuật IELTS (IELTS Academic Listening) gồm bảy dạng bài chính hiện diện trong cả bốn phần của một bài thi nghe học thuật IELTS.			<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
31	Nghe 5	Học phần nghe 5 nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe cũng như các chiến thuật làm 1 bài nghe theo hình thức bài thi IELTS. Các chủ đề nghe xoay quanh các dạng bài tập nghe theo các dạng trong bài nghe IELTS.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
32	Nghe 6	Đây là môn học bắt buộc để sinh viên có thể đạt chuẩn đầu ra. Các bài luyện tập ở trình độ cao và các đề thi mẫu giúp sinh viên từng bước làm quen với kì thi IELTS nói chung và kĩ năng Nghe nói riêng. Trong tài liệu nghe 6 gồm 15 bài luyện nghe tập trung các bài thi mẫu theo cấu trúc IELTS để sinh viên tự tin vào kỳ thi thật sự, ngoài ra giảng viên cũng tích hợp nhiều nguồn dữ liệu cùng với với nguồn dữ liệu do sinh viên tìm và chia sẻ để luyện tập. Sau học phần nghe 6 sinh viên ít nhất đạt ở mức 7.5 IELTS.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
33	Nói 1	Học phần Nói 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về đặc điểm văn nói, kỹ thuật nói cơ bản đồng thời hướng dẫn sinh viên thảo luận để trao đổi thông tin, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi về các chủ đề quen thuộc, gia đình, hoạt động hàng	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngày, sở thích, thể thao, thời tiết khí hậu, so sánh, miêu tả người, đồ vật, công việc, các sự kiện và kỷ niệm.			
34	Nói 2	Học phần Nói 2 bao gồm 10 bài học với các chủ đề/lĩnh vực thường được đề cập đến trong giao tiếp xã hội như Sức khỏe, Giáo dục, Nghề nghiệp, Giải trí, Du lịch, Giao thông, Âm thực, Khoa học và kỹ thuật...	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
35	Nói 3	Học phần Nói 3 là học phần tập trung đào sâu kiến thức và kỹ năng quan trọng thông qua từng chủ đề cơ bản với mục tiêu giúp cho sinh viên nắm vững cấu trúc từng phần thi, có đủ kiến thức và kỹ năng tốt để có thể tự tin đạt được điểm 5.5 trong kỳ thi IELTS. Học phần tập trung vào các chủ đề: các mối quan hệ, địa danh, giáo dục, việc làm, thực phẩm, tiêu dùng, giải trí, truyền thông, thể giới tự nhiên. Học phần tập trung vào nâng cao kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi, phát triển câu trả lời, sắp xếp ý tưởng, cách dùng liên từ, trả lời trôi chảy, mạch lạc.; nâng cao kỹ năng biến đổi và đa dạng cấu trúc; củng cố phát âm, ngữ điệu; mở rộng từ vựng về đặc ngữ, cụm từ đặc trưng.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
36	Nói 4	Học phần nói 4 tiếp tục hướng dẫn sinh viên ôn luyện các kỹ năng và nâng cao kiến thức thông qua các chủ đề với mục tiêu giúp sinh viên tự tin đạt điểm 6.5 trong kỳ thi IELTS. Học phần tập trung vào các chủ đề:	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Môi trường sống, thể thao, giải trí, truyền thông, giao thông, nghề nghiệp, môi trường, giáo dục, lễ hội. Học phần tập trung củng cố kỹ năng phát triển câu trả lời chi tiết, trôi chảy và mạch lạc; khả năng phân tích, lập luận, so sánh; củng cố kiến thức và nâng cao vốn từ, cấu trúc, cụm từ, đặc ngữ, thành ngữ; củng cố phát âm, ngữ điệu.			<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
37	Nói 5	Học phần Nói 5 cung cấp cho sinh viên kiến thức từ vựng nâng cao và những kiến thức cơ bản về các chủ đề xã hội quen thuộc trong kì thi IELTS, cũng như các kĩ năng phù hợp với mức band điểm 7.5 để trả lời nhanh các câu hỏi trong cả ba phần thi của kì thi IELTS. Cụ thể, các chủ đề chính trong học phần xoay quanh các chủ đề về cuộc sống đô thị và miền quê, sức khỏe, nghệ thuật, tài chính, kinh doanh, lịch sử, khoa học kĩ thuật, truyền hình, tin tức, và văn hóa. Khi học xong các chủ đề này, sinh viên có thể trả lời những câu hỏi về bản thân, hiểu những vấn đề mang tính xã hội và quốc tế mà các giám khảo người bản xứ thường hỏi trong các kì thi IELTS cũng như có cách tiếp cận trả lời các câu hỏi phức tạp một cách hiệu quả. Về kĩ năng, học phần sẽ tập trung phát triển khả năng khai triển câu trả lời để đáp ứng yêu cầu về độ dài câu trả lời của từng loại câu hỏi trong IELTS, khả	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng kết nối ý tưởng cũng như khả năng kiểm soát ngữ pháp để có độ chính xác cao hơn về mặt sử dụng ngôn ngữ trong câu trả lời.			
38	Nói 6	Học phần Nói 6 mở rộng kiến thức từ vựng nâng cao so với học phần trước, và mở rộng thêm kiến thức cơ bản về các chủ đề xã hội quen thuộc trong kì thi IELTS, cũng như các kĩ năng phù hợp với mức band điểm 7.5 trở lên để trả lời nhanh các câu hỏi trong cả ba phần thi của kì thi IELTS. Cụ thể, các chủ đề chính trong học phần xoay quanh các chủ đề về nghề nghiệp, màu sắc, lối sống và sức khỏe, nghệ thuật, lịch sử, công nghệ thông tin, thiên nhiên và môi trường, trái đất và vũ trụ. Khi học xong các chủ đề này, sinh viên không chỉ có đủ kiến thức xã hội cơ bản và từ vựng nâng cao để trả lời các câu hỏi IELTS mang tính xã hội và quốc tế về các chủ đề đã học, mà ngoài ra còn có khả năng suy luận tư duy nhanh để trả lời về những chủ đề không nằm trong phạm vi chương trình học. Về kĩ năng, học phần sẽ tập trung củng cố khả năng vận dụng ngữ pháp từ vựng một cách linh hoạt để khai triển câu trả lời, khả năng về ngữ âm và ngữ điệu trong lúc nói để tăng hiệu giao tiếp trong cả 3 phần thi IELTS, cũng như trong các vấn	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đề bàn luận giao tiếp thông thường với người bản xứ.			
39	Đọc 1	Học phần Đọc 1 (giáo trình GET READY FOR IELTS) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 3 – 3.5 theo thang điểm IELTS. Học phần này nhằm giúp sinh viên làm quen các kỹ năng đọc để chuẩn bị cho những dạng bài Đọc học thuật IELTS (IELTS Academic Reading).	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
40	Đọc 2	Học phần Đọc 2 (giáo trình FOCUS ON IELTS FOUNDATION) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 4 – 4.5 theo thang điểm IELTS. Học phần này giúp sinh viên củng cố và cải thiện các kỹ năng đọc học thuật đã được học ở học phần Đọc 1.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
41	Đọc 3	Học phần Đọc 3 (giáo trình MINDSET 1, 2017) dành cho sinh viên trình độ B1 muốn đạt được từ 5 - 5.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nhằm để phát triển kỹ năng giải quyết các bài đọc với những chủ đề mới và đặc biệt giúp sinh viên làm quen với các dạng câu hỏi (question types) thường gặp trong các bài thi đọc của IELTS, cải thiện các kỹ năng đọc nói chung cũng như các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm này, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lượng 60 phút và phải trả lời được từ 18 – 22 câu trên tổng số 40 câu hỏi.			
42	Đọc 4	<p>Học phần Đọc 4 (giáo trình MINDSET 2, 2017) dành cho sinh viên trình độ B2 muốn đạt được từ 6 – 6.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nhằm để phát triển chiến lược giải quyết các bài đọc có chủ đề mới lạ với các dạng câu hỏi (question types) thường gặp trong các bài thi đọc của IELTS, cải thiện các kỹ năng đọc nói chung cũng như các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm này, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời lượng 60 phút và phải trả lời được từ 23 – 27 câu trên tổng số 40 câu hỏi.</p> <p>Học phần Đọc 4 bao gồm 8 đơn vị bài học với các chủ đề khác nhau, phù hợp với nhu cầu và trình độ của sinh viên và thường xuất hiện trong các bài thi đọc IELTS.</p>	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
43	Đọc 5	<p>Học phần Đọc 5 (giáo trình MINDSET 3, 2017) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 7 – 7.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nâng cao kỹ năng đọc thực hành cho sinh viên, đồng thời giúp các em thuần thục trong việc giải quyết các dạng câu hỏi (question types) thường gặp trong các bài thi đọc của IELTS, đọc làm quen với</p>	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các đề tài được trích dẫn từ nhiều nguồn thông tin khác nhau, hoàn thiện các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm 7 – 7.5, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời lượng 60 phút và phải trả lời được từ 28 – 34 câu trên tổng số 40 câu hỏi.			
44	Đọc 6	Nội dung học phần Đọc 6 (Reading 6) hướng sinh viên đến nắm vững các kỹ năng đọc, kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi khác nhau trong bài thi đọc hiểu của IELTS. Việc nắm vững các dạng câu hỏi cùng các kỹ thuật nhằm tìm ra câu trả lời chính xác và ít mất thời gian giúp sinh viên nâng cao kỹ năng đọc hiểu, tăng hiệu quả làm bài và hỗ trợ cho công việc giảng dạy sau này. Học phần Đọc 6 được triển khai trong 8 đơn vị bài học theo 2 nhóm Lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết tập trung vào các dạng câu hỏi Diagram/Flow Chart Completion Questions, Table/Note Completion Questions, Summary Completion Questions, Matching Headings Questions, Matching Features Questions, Matching Sentence Endings Questions, Academic Reading Practice Tests. Phần thực hành được thực hiện qua việc cho sinh viên tham gia làm bài thi	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Reading của IELTS với giới hạn thời gian thực tế.			
45	Viết 1	Nội dung học phần Viết 1 (Great Writing 1, Keith S. Folse, National Geographic Learning, USA, 2020) nhằm vào xây dựng cho sinh viên kỹ năng về viết các loại câu để áp dụng vào trong các đoạn văn ngắn tiếng Anh khoảng 100 đến 120 từ nhằm tạo nền tảng cho kỹ năng viết đoạn văn (paragraphs) và bài văn hoàn chỉnh (essays) ở các học phần viết 2, 3, 4, 5, & 6 sau này. Cụ thể, học phần viết 1 gồm có 5 đơn vị bài học chính nhằm vào: Sentence Basics, Paragraph Basics, Writing about the Present, Writing about the Past, & Writing about the future. Trong đó, cả 5 đơn vị bài học này đều được xây dựng trên 4 điểm chính: Elements of great writing, Building better vocabulary, Building better sentences, & Writing activities.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
46	Viết 2	Nội dung học phần Viết 2 (Great Writing 2, Keith S. Folse, National Geographic Learning, USA, 2018) gồm 5 đơn vị bài học nhằm vào cung cấp cho sinh viên kiến thức về các thành phần chính tạo nên một đoạn văn: Topic sentence, Supporting sentences, và Concluding sentence cũng như trang bị những kỹ năng cần thiết trong việc viết các đoạn văn khoảng 120 đến 150 từ một cách tự	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tin và độc lập để từ đó các em có thể áp dụng vào viết các thể loại đoạn văn khác nhau như Process paragraphs và Opinion paragraphs.			
47	Viết 3	Nội dung học phần Viết 3 (MINDSET 1, 2017, CUP) nhằm vào dạy sinh viên làm quen với phương pháp viết luận học thuật IELTS (IELTS Academic Writing) gồm hai phần Task 1 (Report Writings: Diagrams, Maps, Charts, Graphs, and tables) và Task 2 (Expository Essays: Opinion essays, Discussion essays, Two-type question essays) hiện diện trong cả 2 phần thi viết học thuật IELTS. Cụ thể, học phần viết 3 gồm có 8 đơn vị bài học dựa trên bài viết luận theo chủ đề (Theme-based essays) nhằm vào các chủ điểm: Relationships, Places and Buildings, Education and Employment, Food and Drink, Consumerism, Leisure Time, Fame and The Media, & Natural World. Trong đó, bốn đơn vị bài học đầu tiên (Units 1-4) nhằm vào viết luận báo cáo (Part 1 Writing) và 4 đơn vị bài học còn lại (Units 5-8) tập trung vào rèn luyện viết các thể loại văn nghị luận xã hội (Part 2 Writing) như: Tranh luận, Thảo luận, Vấn đề và giải pháp.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
48	Viết 4	Nội dung học phần Viết 4 (MINDSET 2, 2017, CUP) vẫn tiếp	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tục nhằm vào hướng dẫn sinh viên phương pháp viết luận học thuật IELTS (IELTS Academic Writing) gồm hai phần chính Task 1 (Report Writings: Diagrams, Maps, Charts, Graphs, and tables) và Task 2 (Expository Essays: Opinion essays, Discussion essays, Two-type question essays) hiện diện trong cả 2 phần thi viết học thuật IELTS. Cụ thể, học phần Viết 4 gồm có 8 đơn vị bài học dựa trên viết luận theo chủ đề (Theme-based essays) nhằm vào: Man-made Environment, Leisure and Entertainment, The News and Media, Travel and Transport, Business and Work, Natural Environment, Education Systems, Festivals and Traditions. Trong đó, bốn đơn vị bài học đầu tiên (Units 1-4) nhằm vào viết bảng biểu (Tables), biểu đồ hình tròn (Pie- Charts), hình cột (Bar charts), hình đường (Line Graphs), đồ thị và bản đồ (Diagrams and Maps) và 4 đơn vị bài học còn lại (Units 5-8) tập trung vào viết ba thể loại văn nghị luận xã hội (Part 2 Writings) như: Tranh luận, Thảo luận, Vấn đề và giải pháp.			<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
49	Viết 5	Học phần Viết 5 là học phần tiếp theo của học phần Viết 4 tập trung vào phần viết Task 1 và Task 2 của phần thi viết IELTS. Học phần gồm có 6 đơn vị bài học dựa trên các chủ đề (Theme-based essays) như: Urban	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		and Rural Life, Health, Finance and Business, Science and Technology, Television, News and Current Affairs, Culture. Có ba đơn vị bài học chú trọng vào viết Task 1, hai đơn vị bài học tập trung vào luyện viết Task 2 và một đơn vị bài học tập trung cả hai dạng viết. Các bài học ở học phần này được thiết kế nhằm đưa ra những chiến lược giúp sinh viên biết tổ chức sắp xếp và phát triển ý tưởng trong bài viết của mình một cách hiệu quả để đạt được mức điểm 7.0 - 7.5 trong phần viết học thuật IELTS.			<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
50	Viết 6	Học phần Viết 6 là học phần nối tiếp học phần Viết 5 được chia thành 5 đơn vị bài học. Mỗi bài tập trung vào một chủ đề mà sinh viên có thể gặp trong bài thi viết học thuật IELTS, Task 1 và Task 2 như: Gender Roles, Diet and Nutrition, Educational Goals, Biodiversity, và The Internet (Vai trò giới tính, Chế độ ăn uống và dinh dưỡng, Mục tiêu giáo dục, Đa dạng sinh học, Internet). Các bài học được thiết kế nhằm giúp sinh viên xây dựng vốn từ vựng và ý tưởng liên quan đến nhiều chủ đề khác nhau.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
51	Ngữ âm thực hành	Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản của ngữ âm và hệ thống ngữ âm tiếng Anh bao gồm âm, trọng âm, và ngữ điệu. Sinh viên học lý thuyết	3	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cách phát âm và thực hành luyện âm tiếng Anh ở 3 mức độ: - Chữ cái và âm - Âm tiết, từ và câu - Hội thoại			<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
52	Ngữ pháp Tiếng Anh	Học phần Ngữ pháp cung cấp cho sinh viên có một cái nhìn tổng quát về ngữ pháp và chức năng quan trọng của nó trong sự cấu thành của ngôn ngữ tiếng Anh. Từ đó phát triển tập quán sử dụng ngoại ngữ chính xác và tránh được những lỗi đặc trưng do ảnh hưởng của tiếng Việt. Hơn nữa, học phần này còn giúp các em nâng cao kiến thức ngữ pháp để tạo nền móng cho các em trong 4 kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết của bài thi IELTS.	3	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
53	Âm vị học	Học phần ngữ âm học (phonetics & phonology) giúp sinh viên hiểu đặc điểm của nguyên âm, phụ âm, xác định vị trí cũng như cách phát âm của 44 âm trong tiếng Anh. Ngoài ra sinh viên có thể xác định trọng âm của từ, của câu & ngữ điệu cho từng loại câu; nắm bắt các hiện tượng phổ biến trong văn nói để từng bước hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
54	Cú pháp học	Học phần giúp sinh viên hệ thống hoá và củng cố lại kiến thức đã học trong các học phần ngữ pháp thực hành, tăng cường nhận thức lý luận ngôn ngữ cho sinh viên, cung cấp kiến thức lý thuyết cơ sở về ngữ pháp	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhằm giúp người học có khả năng giải thích, minh hoạ hệ thống ngữ pháp tiếng Anh. Môn học cũng góp phần cùng các bộ môn khác rèn tư duy khoa học, hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và khả năng nghiệp vụ cho sinh viên.			
55	Hình thái học	Học phần hình thái học(morphology) trang bị cho sinh viên chuyên ngữ Anh kiến thức cơ bản về cách cấu tạo từ. Việc hiểu biết nghĩa của các tiền tố, hậu tố có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, Latinh giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng của mình cũng như hoàn thiện các kỹ năng tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ. Kiến thức của học phần giúp sinh viên trong giảng dạy tiếng Anh nói chung và tiếng Anh chuyên ngành sau khi tốt nghiệp	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
56	Ngữ nghĩa học	Nội dung học phần NGỮ NGHĨA HỌC nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ nghĩa học bao gồm nghĩa của từ vựng, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn (nghĩa biểu đạt, nghĩa biểu cảm, nghĩa sở chỉ, nghĩa liên tưởng, nghĩa đen, nghĩa bóng,...), quan hệ về nghĩa của từ và câu (quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, quan hệ đồng âm, đồng tự, quan hệ đa nghĩa, quan hệ hàm nghĩa,...) và hành động ngôn từ, tiền giả định, hàm ngôn. Thông qua việc nắm bắt những kiến thức này, sinh viên có khả năng hiểu sâu và	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>phân tích nghĩa, từ đó vận dụng vào quá trình học tập và nghiên cứu ngôn ngữ, vào chuyên môn cũng như vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày. Môn học được tiến hành thông qua sự kết hợp các hình thức dạy và học đa dạng như giảng bài, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên cũng được khuyến khích tự học và nghiên cứu thêm ngoài giờ lên lớp.</p>			
57	Văn hóa Anh-Mỹ	<p>Học phần Văn Hóa Anh-Mỹ xây dựng kiến thức nền tảng về xã hội Anh-Mỹ và những giá trị nhân văn chủ đạo làm nên tính cách con người trong xã hội này. Nội dung chính xoay quanh các chủ đề về địa lí, lịch sử, chính phủ, giáo dục, đa dạng chủng tộc, lễ hội và một số chủ đề khác. Khi học xong các chủ điểm này, sinh viên có thể đọc hiểu và nghe hiểu một cách tương đối các vấn đề xã hội ở Anh, Mỹ, và giao tiếp với người bản xứ ở các nước này một cách tự tin hơn, cũng như có suy nghĩ cởi mở, ham học hỏi tìm hiểu về những vấn đề chung của thế giới theo tinh thần nhân văn nền tảng đã được xây dựng trong quá trình học. Về kỹ năng, học phần rèn luyện sinh viên khả năng tư duy để trình bày về các vấn đề phức tạp và khả năng làm việc nhóm hiệu quả</p>	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nội dung học phần “Phương Pháp Nghiên cứu Khoa học” (Writing Research papers: From Essay to Research Paper, 2011, 2017, 2018, 2019, Macmillan) nhằm vào hướng dẫn SV chuyên ngành tiếng Anh phương pháp làm NCKH từ khâu chọn chủ đề nghiên cứu, giới hạn đề tài nghiên cứu, bình duyệt đề tài nghiên cứu, cách tìm và đánh giá nguồn tài liệu tham khảo, cách lập dàn ý cho bài nghiên cứu, cách tránh đạo văn trong NCKH, cách viết trích dẫn trong bài NC, viết bản nháp đầu tiên, tu chỉnh và biên tập lại bản nháp cuối cùng, và cuối cùng là khâu trình bày và xuất bản bài NCKH cho giảng viên và xa hơn nữa là đăng trên các tạp chí KH.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
59	Kỹ năng thuyết trình	Đây là học phần rất quan trọng giúp SV tự tin và hoàn thiện các kỹ năng/kỹ thuật giảng dạy. Nội dung học phần Kỹ năng thuyết trình (SPEAKING OF SPEECH, 2013) nhằm dạy sinh viên làm quen với phương pháp thuyết trình, cách chuẩn bị một bài thuyết trình gồm: lập giàn ý (Outline & Overview), phần giới thiệu (Introduction), nội dung chính (Body), kết luận (Conclusion), thời gian (Time Length), mục đích và mục tiêu (Aims & Objectives) trang phục (Dress Code), các thiết bị trực quan (Visual Aids), tư thế và giao tiếp			<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bằng mắt, (Postures & Eye Contact), cử chỉ, điệu bộ (Gestures), sử dụng giọng nói (Voice Inflection) cần thiết cho quá trình thuyết trình. Cụ thể, học phần Kỹ năng thuyết trình gồm có 8 đơn vị bài học theo chủ đề (Theme-based lessons)			
60	Dịch Anh-Việt	Nội dung học phần môn dịch Anh-Việt nhằm vào giúp cho các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có khả năng dịch thuật các văn bản từ Anh sang Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch, và giải trí một cách thành công và hiệu quả.			<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
61	Dịch Việt - Anh	Nội dung học phần môn dịch Việt-Anh nhằm vào giúp các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có khả năng dịch thuật các văn bản tiếng Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch, và giải trí sang văn bản tiếng Anh tương đương một cách thành công và hiệu quả.			<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
	Khóa luận	Khóa luận là học phần tự chọn thay cho các môn học kỳ cuối, qua đó sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học, biết cách thực hiện một công trình khoa học quan trọng, có cơ hội phát triển kỹ năng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải	5	HK 8	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy tiếng Anh.			
63	Công nghệ trong giảng dạy	Học phần này tập trung vào việc giới thiệu cho sinh viên kiến thức về phương tiện kỹ thuật hiện đại, các dịch vụ lưu trữ đám mây và nền tảng tạo đề thi và bài tập trực tuyến để từ đó nắm rõ và áp dụng chúng vào việc dạy ngoại ngữ.	2	HK	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
64	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh Trung học cơ sở	PPGD tiếng Anh trung học cơ sở hướng dẫn sinh viên chuyên Anh ngữ cách giảng dạy các thành tố ngôn ngữ. Kỹ thuật dạy từ vựng bao gồm phân loại từ vựng, tiến trình dạy từ mới, các thủ thuật giải thích nghĩa của từ, các hoạt động dạy & ôn từ vựng. Phương pháp dạy cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh, các thủ thuật xây dựng ngữ cảnh, luyện tập cấu trúc ngữ pháp. Các bước và thủ thuật dạy ngữ âm, cách dạy một bài hội thoại.	2	HK	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%
65	Tiếng Anh toàn cầu	Nội dung học phần Tiếng Anh Toàn Cầu (English as An International Language) nhằm hướng sinh viên đến các vấn đề cốt lõi trong vai trò Ngôn ngữ toàn cầu của tiếng Anh gồm ba phần thảo luận về 3 vấn đề (1) Lịch sử tiếng Anh, (2) Bằng cách nào tiếng Anh trở thành ngôn ngữ toàn cầu, và (3) Thái độ đối với tiếng Anh như là ngôn ngữ toàn cầu. Cụ thể, học phần Tiếng Anh Toàn Cầu gồm có 8 đơn	3	HK	<ul style="list-style-type: none"> ● Đánh giá quá trình: 15% ● Đánh giá giữa kỳ: 25% ● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vị bài học. Trong đó vấn đề Lịch sử tiếng Anh bao gồm 4 bài học (History of English, World Englishes, A Global Language, Case of English). Phần Bằng cách nào tiếng Anh trở thành ngôn ngữ toàn cầu có 3 bài học (Quan hệ quốc tế, Truyền thông, Giáo dục, Internet). Phần thứ ba – Thái độ đối với tiếng Anh như là ngôn ngữ toàn cầu đóng vai trò định hướng cho sinh viên có thái độ đúng đắn, tinh thần tích cực đối với việc nhìn nhận tiếng Anh, học và dạy tiếng Anh cũng như khả năng hỗ trợ của tiếng Anh trong tư duy và hình thành nhân cách.			
66	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	Học phần phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em bên cạnh củng cố lại kiến thức về các giáo án kỹ năng còn trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đặc trưng và tính cách của trẻ con, các hoạt động nhằm giúp tổ chức lớp học tiếng Anh cho trẻ em năng động và vui hơn. Qua khóa học, người học cũng được củng cố lại kiến thức về cách tiến hành giáo án các kỹ năng khác nhau bao gồm nghe, nói, đọc, viết trong các sách tiếng Anh đang được sử dụng phổ biến để giảng dạy tại các trường tiểu học. Ngoài ra, sinh viên còn được tiếp cận cách vận dụng âm nhạc, các hoạt động và trò chơi trong giảng dạy tiếng Anh cho	3	HK	<ul style="list-style-type: none">● Đánh giá quá trình: 15%● Đánh giá giữa kỳ: 25%● Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trẻ em nhằm làm tăng hiệu quả của quá trình tiếp thu ngôn ngữ ở trẻ em.			

9. NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mac Lenin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	3	HK 2	
2	Kinh tế Chính trị Mac Lenin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây sẽ là kiến thức nền tảng để sinh viên có thể học tập tốt các học phần khác như Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam.	2	HK 3	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Chủ Nghĩa xã hội Khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.	2	HK 4	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	HK 5	
5	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	HK 6	
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp	3	HK 2	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.			
7	Ngoại ngữ 2 (học phần 1)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ âm – văn tự – từ vựng của tiếng Hán hiện đại, là điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp các học phần tiếng Trung cơ bản 2 và 3. Học phần được thiết kế với thời lượng 02 tín chỉ, tương đương 30 tiết thực học.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
8	Ngoại ngữ 2 (học phần 2)	Học phần này là học phần nối tiếp với học phần tiếng Trung CB 1, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp, giúp sinh viên từng bước rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
9	Ngoại ngữ 2 (học phần 3)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng – ngữ pháp ở giai đoạn tiền trung cấp, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ.	3	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
10	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công	2	HK 3	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; hỗ trợ người học lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCHN) của dân, do dân, vì dân; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.</p>			
11	Giáo dục thể chất	<p>Mục tiêu của giáo dục thể chất (GDTC) trong các trường Đại học là góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và văn hoá xã hội; phát triển hài hoà về thể lực và tư duy, phát triển các năng lực chăm sóc sức khỏe, vận động cơ bản và thể dục thể thao, nhằm phát triển các tố chất thể lực của sinh viên; có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người hữu dụng có thể chất cường tráng sẵn sàng đáp ứng tốt theo yêu cầu xã hội.</p>	3	HK	
12	Giáo dục quốc phòng	<p>Nhằm trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quán triệt quan điểm của</p>	3	HK	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đảng về xây dựng nền Quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Những hiểu biết về lịch sử nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng, các nội dung về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.			
13	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành và là môn đại cương giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa; đặc trưng văn hóa; nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Học phần còn hướng dẫn sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội; tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.	2	HK 2	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
14	Tiếng Việt thực hành	Học phần bao gồm những đơn vị kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên hiểu rõ và thực hành tốt tiếng	2	HK 2	- Đánh giá quá trình: 15%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Việt trong học tập, công việc, cuộc sống. Nội dung học phần tập trung vào việc trau dồi cho sinh viên các kỹ năng cơ bản như: tạo lập văn bản, dựng đoạn, đặt câu, dùng từ, chính tả trong tiếng Việt. Sinh viên học tập học phần này không chỉ để rèn luyện ngôn ngữ cho bản thân mà còn hướng đến việc am hiểu, yêu thích, tự hào về sự trong sáng và giàu có của tiếng Việt. Nội dung học phần được sắp xếp theo thứ tự từ cấp độ lớn là toàn văn bản đến cấp độ nhỏ hơn là đoạn văn, câu, từ, chữ viết.			- Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
15	Dẫn luận ngôn ngữ học	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về ngôn ngữ học như bản chất và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ. Học phần giúp SV làm quen một số đơn vị ngôn ngữ, quan hệ ngôn ngữ, phạm trù ngôn ngữ cơ bản. Những kiến thức cơ bản của học phần là nền tảng cho việc đi sâu vào nghiên cứu ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.	2	HK 1	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
16	Ngôn ngữ đối chiếu	Ngôn ngữ học đối chiếu là một phân ngành của ngôn ngữ học tập trung vào việc so sánh một cách hệ thống hai hay nhiều ngôn ngữ, miêu tả những điểm tương đồng và khác	2	HK 5	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biệt giữa chúng ở các cấp độ ngữ âm học, cú pháp học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học và phong cách học. Người học sẽ được làm quen với một số phương pháp, thủ pháp phân tích đối chiếu và thực hành việc đối chiếu các đơn vị, cấp độ ngôn ngữ. Kỹ năng, kiến thức thu được từ học phần góp phần nâng cao chất lượng của việc dạy, học, nghiên cứu ngôn ngữ.			- Đánh giá cuối kỳ: 60%
17	Nghe 1	Học phần Nghe 1 (Listening 1) là học phần bắt buộc đầu tiên mà sinh viên phải học trong 06 học phần Nghe. Học phần nghe 1 nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh thông qua các chủ đề phổ biến và luyện tập các đề thi mức độ IELTS từ 3.5 theo định hướng đề thi dạng IELTS. Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để học cũng như ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình như Listening for specific information, Listening for gist, Listening for details.....	2	HK 1	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
18	Nghe 2	Đây là học phần bắt buộc và sinh viên phải học xong học phần Nghe 1 mới có thể tiếp tục học phần Nghe 2. Trong giáo trình FOCUS ON IELTS - Foundation có 12 đơn vị bài học, nhưng chỉ có 6 đơn vị bài học rèn luyện kỹ năng nghe. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng nghe như: điền thông tin chính (note completion,	2	HK 2	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sentence completion, table completion), hoàn thành các thông tin trên các biểu đồ (diagram completion), lựa chọn đáp án đúng (multiple-choice questions). Mỗi bài học tập trung vào một chủ đề mà sinh viên sẽ gặp trong cấu trúc bài nghe IELTS. Sinh viên luyện tập 6 bài đầu trên lớp. Ngoài ra giảng viên cũng tích hợp từ nhiều nguồn dữ liệu với nguồn dữ liệu do sinh viên tìm và chia sẻ để luyện tập.			
19	Nghe 3	Nội dung học phần Nghe 3 nhằm dạy sinh viên làm quen với các dạng bài và kỹ thuật giải các dạng bài Nghe học thuật IELTS (IELTS Academic Listening) gồm bảy dạng bài chính hiện diện trong cả bốn phần của một bài thi nghe học thuật IELTS.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
20	Nghe 4	Nội dung học phần Nghe 4 nhằm dạy sinh viên làm quen với các dạng bài và kỹ thuật giải các dạng bài Nghe học thuật IELTS (IELTS Academic Listening) gồm bảy dạng bài chính hiện diện trong cả bốn phần của một bài thi nghe học thuật IELTS.	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
21	Nghe 5	Học phần nghe 5 nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe cũng như các chiến thuật làm 1 bài nghe theo hình thức bài thi IELTS. Các chủ đề nghe xoay quanh các dạng bài	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tập nghe theo các dạng trong bài nghe IELTS.			
22	Nghe 6	Đây là môn học bắt buộc để sinh viên có thể đạt chuẩn đầu ra. Các bài luyện tập ở trình độ cao và các đề thi mẫu giúp sinh viên từng bước làm quen với kì thi IELTS nói chung và kĩ năng Nghe nói riêng. Trong tài liệu nghe 6 gồm 15 bài luyện nghe tập trung các bài thi mẫu theo cấu trúc IELTS để sinh viên tự tin vào kỳ thi thật sự, ngoài ra giảng viên cũng tích hợp nhiều nguồn dữ liệu cùng với với nguồn dữ liệu do sinh viên tìm và chia sẻ để luyện tập. Sau học phần nghe 6 sinh viên ít nhất đạt ở mức 7.5 IELTS.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
23	Nói 1	Học phần Nói 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về đặc điểm văn nói, kỹ thuật nói cơ bản đồng thời hướng dẫn sinh viên thảo luận để trao đổi thông tin, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi về các chủ đề quen thuộc, gia đình, hoạt động hàng ngày, sở thích, thể thao, thời tiết khí hậu, so sánh, miêu tả người, đồ vật, công việc, các sự kiện và kỷ niệm.	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
24	Nói 2	Học phần Nói 2 bao gồm 10 bài học với các chủ đề/lĩnh vực thường được đề cập đến trong giao tiếp xã hội như Sức khỏe, Giáo dục, Nghề nghiệp, Giải trí, Du lịch, Giao thông, Ẩm thực, Khoa học và kỹ thuật...	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	Nói 3	Học phần Nói 3 là học phần tập trung đào sâu kiến thức và kỹ năng quan trọng thông qua từng chủ đề cơ bản với mục tiêu giúp cho sinh viên nắm vững cấu trúc từng phần thi, có đủ kiến thức và kỹ năng tốt để có thể tự tin đạt được điểm 5.5 trong kỳ thi IELTS. Học phần tập trung vào các chủ đề: các mối quan hệ, địa danh, giáo dục, việc làm, thực phẩm, tiêu dùng, giải trí, truyền thông, thể giới tự nhiên. Học phần tập trung vào nâng cao kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi, phát triển câu trả lời, sắp xếp ý tưởng, cách dùng liên từ, trả lời trôi chảy, mạch lạc.; nâng cao kỹ năng biến đổi và đa dạng cấu trúc; củng cố phát âm, ngữ điệu; mở rộng từ vựng về đặc ngữ, cụm từ đặc trưng.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none">- Đánh giá quá trình: 15%- Đánh giá giữa kỳ: 25%- Đánh giá cuối kỳ: 60%
26	Nói 4	Học phần nói 4 tiếp tục hướng dẫn sinh viên ôn luyện các kỹ năng và nâng cao kiến thức thông qua các chủ đề với mục tiêu giúp sinh viên tự tin đạt điểm 6.5 trong kỳ thi IELTS. Học phần tập trung vào các chủ đề: Môi trường sống, thể thao, giải trí, truyền thông, giao thông, nghề nghiệp, môi trường, giáo dục, lễ hội. Học phần tập trung củng cố kỹ năng phát triển câu trả lời chi tiết, trôi chảy và mạch lạc; khả năng phân tích, lập luận, so sánh; củng cố kiến thức và nâng cao vốn từ, cấu trúc, cụm từ, đặc ngữ, thành ngữ; củng cố phát âm, ngữ điệu.	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none">- Đánh giá quá trình: 15%- Đánh giá giữa kỳ: 25%- Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27	Nói 5	Học phần Nói 5 cung cấp cho sinh viên kiến thức từ vựng nâng cao và những kiến thức cơ bản về các chủ đề xã hội quen thuộc trong kì thi IELTS, cũng như các kĩ năng phù hợp với mức band điểm 7.5 để trả lời nhanh các câu hỏi trong cả ba phần thi của kì thi IELTS. Cụ thể, các chủ đề chính trong học phần xoay quanh các chủ đề về cuộc sống đô thị và miền quê, sức khỏe, nghệ thuật, tài chính, kinh doanh, lịch sử, khoa học kĩ thuật, truyền hình, tin tức, và văn hóa. Khi học xong các chủ đề này, sinh viên có thể trả lời những câu hỏi về bản thân, hiểu những vấn đề mang tính xã hội và quốc tế mà các giám khảo người bản xứ thường hỏi trong các kì thi IELTS cũng như có cách tiếp cận trả lời các câu hỏi phức tạp một cách hiệu quả. Về kĩ năng, học phần sẽ tập trung phát triển khả năng khai triển câu trả lời để đáp ứng yêu cầu về độ dài câu trả lời của từng loại câu hỏi trong IELTS, khả năng kết nối ý tưởng cũng như khả năng kiểm soát ngữ pháp để có độ chính xác cao hơn về mặt sử dụng ngôn ngữ trong câu trả lời.	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none">- Đánh giá quá trình: 15%- Đánh giá giữa kỳ: 25%- Đánh giá cuối kỳ: 60%
28	Nói 6	Học phần Nói 6 mở rộng kiến thức từ vựng nâng cao so với học phần trước, và mở rộng thêm kiến thức cơ bản về các chủ đề xã hội quen thuộc trong kì thi IELTS, cũng như các kĩ năng phù hợp với mức band điểm 7.5	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none">- Đánh giá quá trình: 15%- Đánh giá giữa kỳ: 25%- Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>trở lên để trả lời nhanh các câu hỏi trong cả ba phần thi của kì thi IELTS. Cụ thể, các chủ điểm chính trong học phần xoay quanh các chủ đề về nghề nghiệp, màu sắc, lối sống và sức khỏe, nghệ thuật, lịch sử, công nghệ thông tin, thiên nhiên và môi trường, trái đất và vũ trụ. Khi học xong các chủ điểm này, sinh viên không chỉ có đủ kiến thức xã hội cơ bản và từ vựng nâng cao để trả lời các câu hỏi IELTS mang tính xã hội và quốc tế về các chủ đề đã học, mà ngoài ra còn có khả năng suy luận tư duy nhanh để trả lời về những chủ đề không nằm trong phạm vi chương trình học. Về kĩ năng, học phần sẽ tập trung củng cố khả năng vận dụng ngữ pháp từ vựng một cách linh hoạt để khai triển câu trả lời, khả năng về ngữ âm và ngữ điệu trong lúc nói để tăng hiệu giao tiếp trong cả 3 phần thi IELTS, cũng như trong các vấn đề bàn luận giao tiếp thông thường với người bản xứ.</p>			
29	Đọc 1	<p>Học phần Đọc 1 (giáo trình GET READY FOR IELTS) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 3 – 3.5 theo thang điểm IELTS. Học phần này nhằm giúp sinh viên làm quen các kĩ năng đọc để chuẩn bị cho những dạng bài Đọc học thuật IELTS (IELTS Academic Reading).</p>	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
30	Đọc 2	Học phần Đọc 2 (giáo trình FOCUS ON IELTS FOUNDATION) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 4 – 4.5 theo thang điểm IELTS. Học phần này giúp sinh viên củng cố và cải thiện các kỹ năng đọc học thuật đã được học ở học phần Đọc 1.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
31	Đọc 3	Học phần Đọc 3 (giáo trình MINDSET 1, 2017) dành cho sinh viên trình độ B1 muốn đạt được từ 5 - 5.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nhằm để phát triển kỹ năng giải quyết các bài đọc với những chủ đề mới và đặc biệt giúp sinh viên làm quen với các dạng câu hỏi (question types) thường gặp trong các bài thi đọc của IELTS, cải thiện các kỹ năng đọc nói chung cũng như các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm này, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời lượng 60 phút và phải trả lời được từ 18 – 22 câu trên tổng số 40 câu hỏi.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
32	Đọc 4	Học phần Đọc 4 (giáo trình MINDSET 2, 2017) dành cho sinh viên trình độ B2 muốn đạt được từ 6 – 6.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nhằm để phát triển chiến lược giải quyết các bài đọc có chủ đề mới lạ với các dạng câu hỏi (question types) thường gặp	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>trong các bài thi đọc của IELTS, cải thiện các kỹ năng đọc nói chung cũng như các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm này, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời lượng 60 phút và phải trả lời được từ 23 – 27 câu trên tổng số 40 câu hỏi.</p> <p>Học phần Đọc 4 bao gồm 8 đơn vị bài học với các chủ đề khác nhau, phù hợp với nhu cầu và trình độ của sinh viên và thường xuất hiện trong các bài thi đọc IELTS.</p>			
33	Đọc 5	<p>Học phần Đọc 5 (giáo trình MINDSET 3, 2017) dành cho sinh viên muốn đạt được từ 7 – 7.5 theo thang điểm IELTS. Mục tiêu của học phần là nâng cao kỹ năng đọc thực hành cho sinh viên, đồng thời giúp các em thuần thục trong việc giải quyết các dạng câu hỏi (question types) thường gặp trong các bài thi đọc của IELTS, đọc làm quen với các đề tài được trích dẫn từ nhiều nguồn thông tin khác nhau, hoàn thiện các kỹ năng cần thiết trong các kì thi. Để đạt được mức điểm 7 – 7.5, sinh viên phải trải qua bài kiểm tra đọc IELTS, bao gồm 3 bài đọc khác nhau, tăng dần về độ khó trong thời lượng 60 phút và phải trả lời được từ 28 – 34 câu trên tổng số 40 câu hỏi.</p>	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Đọc 6	<p>Nội dung học phần Đọc 6 (Reading 6) hướng sinh viên đến nắm vững các kỹ năng đọc, kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi khác nhau trong bài thi đọc hiểu của IELTS. Việc nắm vững các dạng câu hỏi cùng các kỹ thuật nhằm tìm ra câu trả lời chính xác và ít mất thời gian giúp sinh viên nâng cao kỹ năng đọc hiểu, tăng hiệu quả làm bài và hỗ trợ cho công việc giảng dạy sau này. Học phần Đọc 6 được triển khai trong 8 đơn vị bài học theo 2 nhóm Lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết tập trung vào các dạng câu hỏi Diagram/Flow Chart Completion Questions, Table/Note Completion Questions, Summary Completion Questions, Matching Headings Questions, Matching Features Questions, Matching Sentence Endings Questions, Academic Reading Practice Tests. Phần thực hành được thực hiện qua việc cho sinh viên tham gia làm bài thi Reading của IELTS với giới hạn thời gian thực tế.</p>	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
35	Viết 1	<p>Nội dung học phần Viết 1 (Great Writing 1, Keith S. Folse, National Geographic Learning, USA, 2020) nhằm vào xây dựng cho sinh viên kỹ năng về viết các loại câu để áp dụng vào trong các đoạn văn ngắn tiếng Anh khoảng 100 đến 120 từ nhằm tạo nền tảng cho kỹ năng viết đoạn</p>	2	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		văn (paragraphs) và bài văn hoàn chỉnh (essays) ở các học phần viết 2, 3, 4, 5, & 6 sau này. Cụ thể, học phần viết 1 gồm có 5 đơn vị bài học chính nhằm vào: Sentence Basics, Paragraph Basics, Writing about the Present, Writing about the Past, & Writing about the future. Trong đó, cả 5 đơn vị bài học này đều được xây dựng trên 4 điểm chính: Elements of great writing, Building better vocabulary, Building better sentences, & Writing activities.			
36	Viết 2	Nội dung học phần Viết 2 (Great Writing 2, Keith S. Folse, National Geographic Learning, USA, 2018) gồm 5 đơn vị bài học nhằm vào cung cấp cho sinh viên kiến thức về các thành phần chính tạo nên một đoạn văn: Topic sentence, Supporting sentences, và Concluding sentence cũng như trang bị những kỹ năng cần thiết trong việc viết các đoạn văn khoảng 120 đến 150 từ một cách tự tin và độc lập để từ đó các em có thể áp dụng vào viết các thể loại đoạn văn khác nhau như Process paragraphs và Opinion paragraphs.	2	HK 2	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
37	Viết 3	Nội dung học phần Viết 3 (MINDSET 1, 2017, CUP) nhằm vào dạy sinh viên làm quen với phương pháp viết luận học thuật IELTS (IELTS Academic Writing) gồm hai phần Task 1 (Report Writings:	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>Diagrams, Maps, Charts, Graphs, and tables) và Task 2 (Expository Essays: Opinion essays, Discussion essays, Two-type question essays) hiện diện trong cả 2 phần thi viết học thuật IELTS. Cụ thể, học phần viết 3 gồm có 8 đơn vị bài học dựa trên bài viết luận theo chủ đề (Theme-based essays) nhằm vào các chủ điểm: Relationships, Places and Buildings, Education and Employment, Food and Drink, Consumerism, Leisure Time, Fame and The Media, & Natural World. Trong đó, bốn đơn vị bài học đầu tiên (Units 1-4) nhằm vào viết luận báo cáo (Part 1 Writing) và 4 đơn vị bài học còn lại (Units 5-8) tập trung vào rèn luyện viết các thể loại văn nghị luận xã hội (Part 2 Writing) như: Tranh luận, Thảo luận, Vấn đề và giải pháp.</p>			
38	Viết 4	<p>Nội dung học phần Viết 4 (MINDSET 2, 2017, CUP) vẫn tiếp tục nhằm vào hướng dẫn sinh viên phương pháp viết luận học thuật IELTS (IELTS Academic Writing) gồm hai phần chính Task 1 (Report Writings: Diagrams, Maps, Charts, Graphs, and tables) và Task 2 (Expository Essays: Opinion essays, Discussion essays, Two-type question essays) hiện diện trong cả 2 phần thi viết học thuật IELTS. Cụ thể, học phần Viết 4 gồm có 8 đơn vị bài học dựa trên viết luận theo chủ đề</p>	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		(Theme-based essays) nhằm vào: Man-made Environment, Leisure and Entertainment, The News and Media, Travel and Transport, Business and Work, Natural Environment, Education Systems, Festivals and Traditions. Trong đó, bốn đơn vị bài học đầu tiên (Units 1-4) nhằm vào viết bảng biểu (Tables), biểu đồ hình tròn (Pie- Charts), hình cột (Bar charts), hình đường (Line Graphs), đồ thị và bản đồ (Diagrams and Maps) và 4 đơn vị bài học còn lại (Units 5-8) tập trung vào viết ba thể loại văn nghị luận xã hội (Part 2 Writings) như: Tranh luận, Thảo luận, Vấn đề và giải pháp.			
39	Viết 5	Học phần Viết 5 là học phần tiếp theo của học phần Viết 4 tập trung vào phần viết Task 1 và Task 2 của phần thi viết IELTS. Học phần gồm có 6 đơn vị bài học dựa trên các chủ đề (Theme-based essays) như: Urban and Rural Life, Health, Finance and Business, Science and Technology, Television, News and Current Affairs, Culture. Có ba đơn vị bài học chú trọng vào viết Task 1, hai đơn vị bài học tập trung vào luyện viết Task 2 và một đơn vị bài học tập trung cả hai dạng viết. Các bài học ở học phần này được thiết kế nhằm đưa ra những chiến lược giúp sinh viên biết tổ chức sắp xếp và phát triển ý tưởng trong bài viết của mình một	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cách hiệu quả để đạt được mức điểm 7.0 - 7.5 trong phần viết học thuật IELTS.			
40	Viết 6	Học phần Viết 6 là học phần nối tiếp học phần Viết 5 được chia thành 5 đơn vị bài học. Mỗi bài tập trung vào một chủ đề mà sinh viên có thể gặp trong bài thi viết học thuật IELTS, Task 1 và Task 2 như: Gender Roles, Diet and Nutrition, Educational Goals, Biodiversity, và The Internet (Vai trò giới tính, Chế độ ăn uống và dinh dưỡng, Mục tiêu giáo dục, Đa dạng sinh học, Internet). Các bài học được thiết kế nhằm giúp sinh viên xây dựng vốn từ vựng và ý tưởng liên quan đến nhiều chủ đề khác nhau.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
41	Ngữ âm thực hành	Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản của ngữ âm và hệ thống ngữ âm tiếng Anh bao gồm âm, trọng âm, và ngữ điệu. Sinh viên học lý thuyết cách phát âm và thực hành luyện âm tiếng Anh ở 3 mức độ: <ul style="list-style-type: none"> - Chữ cái và âm - Âm tiết, từ và câu - Hội thoại 	3	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
42	Ngữ pháp Tiếng Anh	Học phần Ngữ pháp cung cấp cho sinh viên có một cái nhìn tổng quát về ngữ pháp và chức năng quan trọng của nó trong sự cấu thành của ngôn ngữ tiếng Anh. Từ đó phát triển tập quán sử dụng ngoại ngữ chính xác và tránh được những lỗi đặc trưng do	3	HK 1	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ảnh hưởng của tiếng Việt. Hơn nữa, học phần này còn giúp các em nâng cao kiến thức ngữ pháp để tạo nền móng cho các em trong 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết của bài thi IELTS.			
43	Âm vị học	Học phần ngữ âm học (phonetics & phonology) giúp sinh viên hiểu đặc điểm của nguyên âm, phụ âm, xác định vị trí cũng như cách phát âm của 44 âm trong tiếng Anh. Ngoài ra sinh viên có thể xác định trọng âm của từ, của câu & ngữ điệu cho từng loại câu; nắm bắt các hiện tượng phổ biến trong văn nói để từng bước hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp.	2	HK 3	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
44	Cú pháp học	Học phần giúp sinh viên hệ thống hoá và củng cố lại kiến thức đã học trong các học phần ngữ pháp thực hành, tăng cường nhận thức lý luận ngôn ngữ cho sinh viên, cung cấp kiến thức lý thuyết cơ sở về ngữ pháp nhằm giúp người học có khả năng giải thích, minh hoạ hệ thống ngữ pháp tiếng Anh. Môn học cũng góp phần cùng các bộ môn khác rèn tư duy khoa học, hoàn thiện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và khả năng nghiệp vụ cho sinh viên.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
45	Hình thái học	Học phần hình thái học (morphology) trang bị cho sinh viên chuyên ngữ Anh kiến thức cơ bản về cách cấu tạo từ. Việc hiểu biết nghĩa của các tiền tố, hậu tố có nguồn	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		gốc từ tiếng Hy Lạp, Latinh giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng của mình cũng như hoàn thiện các kỹ năng tiếp thu và sử dụng ngôn ngữ. Kiến thức của học phần giúp sinh viên trong giảng dạy tiếng Anh nói chung và tiếng Anh chuyên ngành sau khi tốt nghiệp			- Đánh giá cuối kỳ: 60%
46	Ngữ nghĩa học	Nội dung học phần NGỮ NGHĨA HỌC nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngữ nghĩa học bao gồm nghĩa của từ vựng, nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn (nghĩa biểu đạt, nghĩa biểu cảm, nghĩa sở chỉ, nghĩa liên tưởng, nghĩa đen, nghĩa bóng,...), quan hệ về nghĩa của từ và câu (quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, quan hệ đồng âm, đồng tự, quan hệ đa nghĩa, quan hệ hàm nghĩa,...) và hành động ngôn từ, tiền giả định, hàm ngôn. Thông qua việc nắm bắt những kiến thức này, sinh viên có khả năng hiểu sâu và phân tích nghĩa, từ đó vận dụng vào quá trình học tập và nghiên cứu ngôn ngữ, vào chuyên môn cũng như vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày. Môn học được tiến hành thông qua sự kết hợp các hình thức dạy và học đa dạng như giảng bài, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên cũng được khuyến khích tự học và nghiên cứu thêm ngoài giờ lên lớp.	2	HK 7	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Văn hóa Anh-Mỹ	Học phần Văn Hóa Anh-Mỹ xây dựng kiến thức nền tảng về xã hội Anh-Mỹ và những giá trị nhân văn chủ đạo làm nên tính cách con người trong xã hội này. Nội dung chính xoay quanh các chủ đề về địa lí, lịch sử, chính phủ, giáo dục, đa dạng chủng tộc, lễ hội và một số chủ đề khác. Khi học xong các chủ điểm này, sinh viên có thể đọc hiểu và nghe hiểu một cách tương đối các vấn đề xã hội ở Anh, Mỹ, và giao tiếp với người bản xứ ở các nước này một cách tự tin hơn, cũng như có suy nghĩ cởi mở, ham học hỏi tìm hiểu về những vấn đề chung của thế giới theo tinh thần nhân văn nền tảng đã được xây dựng trong quá trình học. Về kỹ năng, học phần rèn luyện sinh viên khả năng tư duy để trình bày về các vấn đề phức tạp và khả năng làm việc nhóm hiệu quả	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
48	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Nội dung học phần “Phương Pháp Nghiên cứu Khoa học” (Writing Research papers: From Essay to Research Paper, 2011, 2017, 2018, 2019, Macmillan) nhằm vào hướng dẫn SV chuyên ngành tiếng Anh phương pháp làm NCKH từ khâu chọn chủ đề nghiên cứu, giới hạn đề tài nghiên cứu, bình duyệt đề tài nghiên cứu, cách tìm và đánh giá nguồn tài liệu tham khảo, cách lập dàn ý cho bài nghiên cứu, cách tránh đạo văn trong NCKH, cách viết trích	2	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dẫn trong bài NC, viết bản nháp đầu tiên, tu chỉnh và biên tập lại bản nháp cuối cùng, và cuối cùng là khâu trình bày và xuất bản bài NCKH cho giảng viên và xa hơn nữa là đăng trên các tạp chí KH.			
49	Biên dịch Anh- Việt	Nội dung học phần môn dịch Anh-Việt nhằm vào giúp cho các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có khả năng dịch thuật các văn bản từ Anh sang Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch, và giải trí một cách thành công và hiệu quả.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
50	Biên dịch Việt -Anh	Nội dung học phần môn dịch Việt-Anh nhằm vào giúp các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh có khả năng dịch thuật các văn bản tiếng Việt liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn như văn hóa, xã hội, đời sống, giáo dục, thương mại, du lịch, và giải trí sang văn bản tiếng Anh tương đương một cách thành công và hiệu quả.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
51	Tiếng Anh chăm sóc khách hàng	Nội dung học phần tiếng Anh chăm sóc khách hàng giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực chăm sóc khách hàng. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về ngôn ngữ, cấu trúc, ngữ pháp và từ vựng chuyên về chăm sóc khách hàng. Sinh viên sẽ áp dụng những kỹ năng ngôn ngữ và các kỹ thuật cụ thể để có thể giao tiếp thành	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công trong các tình huống trong chăm sóc khách hàng ở các công ty. Tiếng Anh chăm sóc khách hàng cung cấp các cách diễn đạt, từ vựng và các chiến lược liên quan đến việc sử dụng hiệu quả tiếng Anh trong bối cảnh kinh doanh.			
52	Tiếng Anh bán hàng và đàm phán	Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về giao tiếp bán hàng, đặt hàng, tìm đối tác mới. Những kiến thức về cách thức tổ chức hội chợ triển lãm thương mại, thiết lập các mối quan hệ trong việc tìm và phát triển khách hàng cho công ty. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về mô hình AIDA trong tiếp thị và quảng cáo. Sinh viên sẽ nắm được những kỹ thuật về đàm phán, và làm thế nào để đạt được cuộc đàm phán song phương hai bên cùng có lợi. Cách thức trao đổi thông tin về sản phẩm qua điện thoại, email. Hơn nữa sinh viên sẽ phát triển được vốn từ vựng chuyên ngành về bán hàng, và các giao dịch trong kinh doanh, biết cách viết thành thạo đơn đặt hàng, giải quyết những yêu cầu thắc mắc từ đối tác, khách hàng.	3	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
53	Tiếng Anh thư ký văn phòng	Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng Tiếng Anh chuyên ngành và những kiến thức cần thiết trong công việc thư ký văn phòng như dịch vụ thư tín, bưu phẩm, hội họp, ghi biên bản, ghi chép sổ sách, tìm hiểu các	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thiết bị văn phòng, máy tính, máy in, sử dụng cá dịch vụ thư điện tử, Internet. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh nâng cao kỹ năng sử dụng điện thoại văn phòng, các phần mềm trong soạn thảo văn bản Microsoft Windows, Microsoft Office, các kỹ năng quản lý thời gian, lập kế hoạch cho các cuộc họp và hội thảo trong công ty.			
54	Phương pháp giảng dạy 1	<p>Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 (Teaching the what) thuộc khối kiến thức chuyên ngành hướng dẫn sinh viên cách giảng dạy các thành tố ngôn ngữ. Học phần bao gồm: dạy từ vựng (khái niệm từ, các khía cạnh của từ, phân loại từ vựng, các bước dạy từ mới, các thủ thuật giải thích nghĩa của từ, các hoạt động dạy và ôn từ vựng), dạy ngữ pháp (phương pháp dạy, các thủ thuật xây dựng ngữ cảnh, giải thích, luyện tập cấu trúc ngữ pháp), dạy ngữ âm (tổng thể ngữ âm tiếng Anh, thủ thuật trình bày và luyện các âm đơn lẻ, nhấn từ, nhấn câu và ngữ điệu), dạy bài hội thoại (các bước cơ bản, những thủ thuật luyện tập đa dạng và cách thức làm cho hoạt động luyện tập gần gũi hơn với cuộc sống hằng ngày), chuẩn bị giáo án (những thành tố cơ bản, cách thức trình bày giáo án phát triển kỹ năng, trình bày ngữ liệu mới và ôn tập).</p>	3	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
55	Phương pháp giảng dạy 2	<p>Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 (Teaching the how) thuộc khối kiến thức chuyên ngành trang bị cho sinh viên kiến thức quan trọng cần thiết để hiểu và dạy các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) theo đường hướng giao tiếp. Học phần bao gồm: dạy kỹ năng tiếp thu ngôn ngữ (receptive skills): nghe và đọc (giới thiệu chung quá trình tiếp thu ngôn ngữ, các thủ thuật đọc/ nghe lấy để hiểu ý chính hay các chi tiết của bài, tiến trình lên lớp bài đọc hiểu và nghe hiểu; dạy kỹ năng sản sinh ngôn ngữ (productive skills): nói và viết. Cụ thể kỹ năng giao tiếp (chiến thuật giao tiếp hiệu quả, khái niệm về hoạt động giao tiếp, các nguyên tắc và tiến trình bài phát triển kỹ năng Nói); kỹ năng viết bao gồm các kỹ năng hỗ trợ (sub-skills) khi viết, nhận dạng mục đích các sub-skills, và các phương thức tiếp cận. Bên cạnh đó, còn giúp sinh viên tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ nhằm giúp khắc sâu kiến thức vừa học. Ngoài ra học phần giúp sinh viên có thái độ tích cực với những lỗi của học sinh và tiếp cận cách sửa lỗi động viên khuyến khích tự tin hơn trong quá trình học.</p>	3	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
56	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	<p>Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản cần thiết trong kiểm tra đánh giá. Kiến</p>	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>thức bao gồm các hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá tổng kết, các loại bài kiểm tra ở bậc trung học phổ thông, các tiêu chí đảm bảo độ tin cậy (reliability), tính giá trị của bài kiểm tra (validity), quy trình ra đề kiểm tra, xây dựng ma trận, viết bảng đặc tả chi tiết cho đề kiểm tra với câu hỏi theo mức độ tư duy khác nhau. Ngoài ra, sinh viên được hướng dẫn chi tiết cách biên soạn các loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan, các hình thức và kỹ thuật kiểm tra kỹ năng ngôn ngữ (ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng) cũng như các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết)</p>			<p>- Đánh giá cuối kỳ: 60%</p>
57	Ra quyết định và giải quyết vấn đề	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cần thiết trong việc ra quyết định và giải quyết vấn đề như hiểu được các chức năng hoạt động của bộ não gồm phân tích, tổng hợp và đánh giá, các nguyên tắc tư duy logic, hiệu quả như xác định mục tiêu, thu thập thông tin liên quan, tạo ra những lựa chọn khả thi, đưa ra quyết định và thực hiện, đánh giá. Học phần tập trung vào việc đưa ra các ý tưởng, nhận biết được mối quan hệ giữa ra quyết định và giải quyết vấn đề, vận dụng được mô hình kết hợp cho việc ra quyết định và giải quyết vấn đề và phát triển năng lực tư duy sáng tạo nhằm hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.</p>	3	HK 4	<p>- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Quản trị Logistics	<p>Quản trị logistics là học phân thay thế khóa luận tốt nghiệp và đây là kiến thức chuyên ngành của ngành quản trị kinh doanh.</p> <p>Học phần này đề cập những cơ sở lý thuyết và thực tiễn về quản trị logistics, hiểu các khái niệm cũng như biện pháp quản trị logistics trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: quá trình hoạch định, thực hiện và kiểm soát có hiệu lực, hiệu quả việc chu chuyển và dự trữ hàng hoá, dịch vụ... và những thông tin có liên quan, từ điểm đầu đến điểm cuối cùng với mục tiêu thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Đồng thời trang bị những kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ quản trị logistics trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đó có được nhận thức đúng về logistics và vai trò của logistics, từ đó có thể áp dụng lý thuyết đã học vào thực tiễn trong các doanh nghiệp tại Việt Nam.</p>	3	HK 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
59	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Tính chất: Sinh viên nắm vững tổng quan về văn bản và quản lý văn bản. Phân biệt được tính chất và thẩm quyền ban hành của từng loại văn bản khác nhau. - Kỹ thuật trình bày các loại văn bản như Hợp đồng lao động, hợp đồng kinh tế, các quyết định và các loại văn bản trong quá trình xử lý 	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>công việc của cơ quan tổ chức và cá nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành những kỹ năng thực hành cơ bản trong soạn thảo các loại văn bản. - Về kiến thức: Khi học xong học phần sinh viên nắm vững lý thuyết tổng quan về văn bản quản lý hành chính nhà nước. Phân biệt được tính chất và thẩm quyền ban hành văn bản của từng loại văn bản khác nhau. Nắm được những yêu cầu về nội dung, văn phong, thể thức và kỹ thuật cơ bản trong soạn thảo các loại văn bản. - Về kỹ năng: Hình thành những kỹ năng cơ bản trong soạn thảo văn. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành thái độ nghiêm túc, thận trọng và tác phong làm việc khoa học trong công tác soạn thảo văn bản hành chính ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước cũng như doanh nghiệp liên doanh. 			
60	Tiếng Anh thương mại	<p>Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về thương mại. Sinh viên mở rộng thêm vốn từ vựng về thương mại và một số lĩnh vực khác có liên quan. Sinh viên còn hiểu thêm về các hoạt động liên quan đến giao tiếp thương mại và các chủ đề nói cùng lĩnh vực. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho các em kiến thức về ngôn ngữ, cấu trúc, ngữ pháp, công nghệ, văn hóa, đầu tư, các khâu hậu</p>	2	HK 4	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cần...trang bị cho sinh viên một khái niệm tổng quan về thương mại, những kiến thức bổ ích trong công việc liên quan về thương mại sau khi ra trường			
61	Marketing căn bản	Học phần gồm những bài học có liên quan đến Marketing như khái niệm và vai trò của Marketing, chiến lược Marketing, tìm hiểu thị trường, phân tích thị trường, nghiên cứu thị trường, hành vi người mua, phân khúc thị trường, tiếp thị hỗn hợp (4Ps): sản phẩm và vòng đời sản phẩm (product), giá (pricing), kênh phân phối (Placing), khuyến mãi (Promotion). Ngoài ra học phần cũng hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về chiến lược thâm nhập thị trường nước ngoài gồm 3 phương thức: xuất khẩu, liên doanh và đầu tư trực tiếp tại nước ngoài.	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
62	Quản trị nguồn nhân lực	Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về nhân sự, tuyển dụng và phát triển nhân sự. Các phương pháp tuyển dụng (Internal và External), lợi ích của việc tuyển dụng bên trong, sử dụng công ty tuyển dụng (Recruitment advertising agencies). Tiến trình làm hồ sơ xin việc, các bước chuẩn bị phỏng vấn xin việc làm. Tìm hiểu về bản mô tả vị trí việc làm (job description), các chế độ chính sách, tiền lương, tiền thù lao, khen thưởng, các chính sách chế tài người lao động khi vi phạm	3	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nội qui làm việc cần biết. Phát triển nhân sự cho công ty và các mối quan hệ giữa người lao động với người sử dụng lao động, các mối quan hệ giữa các tổ chức trong công ty. Biết cách viết application form, CV, email, và làm casestudy sau mỗi bài học			
63	Phiên dịch	Nội dung học phần Phiên dịch (Interpretation) nhằm hướng sinh viên đến một số vấn đề cơ bản của phiên dịch bao gồm cả lý thuyết lẫn thực hành. Cụ thể, học phần Phiên dịch bao gồm 2 phần chính Lý thuyết và Hướng dẫn phiên dịch được triển khai theo 8 đơn vị bài học. Phần Lý thuyết được triển khai trong 3 đơn vị bài học với các nội dung Interpretation as the transmission of information, Interpreting Skills, Interpreting Qualities, Attitudes toward working as an Interpreter. Phần hướng dẫn phiên dịch được triển khai theo 5 đơn vị bài học. Trong phần này, sinh viên hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng ghi chú (note-taking skill) và luyện tập phiên dịch văn bản ở mức độ đàm thoại và văn bản mức độ sự kiện.	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
64	Kỹ năng thuyết trình trong kinh doanh	Học phần cung cấp cho sinh viên các bài học nhằm nâng cao kỹ năng thuyết trình trong lĩnh vực kinh doanh như cấu trúc của một bài thuyết trình gồm mở đầu, phần chính và kết thúc, các từ nối và cấu trúc câu nhằm chuyển tiếp các ý trong bài	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuyết trình, cách sử dụng ngôn ngữ hình thể như dáng đứng, ánh mắt, đôi tay, giọng nói giúp chuyển tải thông điệp nhằm thu hút người nghe, cách thiết kế Power Points theo nguyên tắc “The rules of six” và trình bày các hình ảnh bảng biểu minh họa một cách hiệu quả. Ngoài ra, học phần giúp cho người học cách xử lý câu hỏi của khán giả một cách tự tin và thuyết phục.			
65	Giao tiếp trong kinh doanh	Học phần Giao tiếp trong kinh doanh trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về giao tiếp trong môi trường kinh doanh, cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ, cấu trúc, tác phong cần thiết trong tất cả các hình thức giao tiếp. Học phần giúp sinh viên nhận thức được đa văn hóa là điều cần thiết trong nền kinh tế toàn cầu ngày nay, hiểu rõ được ý nghĩa, tầm quan trọng và ảnh hưởng của việc giao tiếp trong môi trường làm việc trong nước và quốc tế. Về kỹ năng sinh viên biết cách tiếp đón và giao tiếp trực tiếp với khách hàng, sinh viên thành thạo trong giao tiếp trên điện thoại, biết cách nhận và tạo cuộc hẹn trong công việc, giải đáp thắc mắc của khách hàng hay chuyên gia, giải quyết tình huống, đưa ra giải pháp,... Phần cuối của học phần sinh viên sẽ được hiểu thêm về định hướng nghề nghiệp, phân biệt sự khác nhau giữa “Resume” và “CV”	2	HK 7	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cũng như sinh viên có cơ hội tự thực hiện Resume và CV cho bản thân.			
66	Thực tế chuyên môn	Học phần này tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận thực tế về sản xuất và kinh doanh tại các công ty, các nhà máy, doanh nghiệp và các trung tâm ngoại ngữ khu vực lân cận. Sinh viên được trải nghiệm thực tế về các hoạt động sản xuất trong nhà máy, tham quan dây chuyền sản xuất, biết thêm về các chiến lược quảng cáo, tìm hiểu cách điều hành, hoạt động của doanh nghiệp, của trung tâm ngoại ngữ, các yêu cầu của nhà tuyển dụng,... Chuyên đi không những mang lại cho sinh viên trải nghiệm thực tế về chuyên môn mà còn tạo cơ hội cho sinh viên phát huy các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc tương lai.	2	HK 6	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
67	Thực tập chuyên ngành	Học phần này giúp sinh viên tiếp xúc trực tiếp với môi trường làm việc thực tế, sinh viên có cơ hội học tập kỹ năng làm việc trong môi trường công sở, có cơ hội so sánh, vận dụng kiến thức được đào tạo tại trường vào môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh. Học phần này vừa giúp sinh viên trải nghiệm thực tế vừa là cơ hội để sinh viên quan sát các hoạt động diễn ra tại môi trường làm việc từ đó hình thành trong sinh viên những định hướng nghề nghiệp trong tương lai.	5	HK 8	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình: 0% - Đánh giá giữa kỳ: 0% - Đánh giá cuối kỳ: 100%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
68	Khóa luận	Khóa luận là học phần tự chọn thay thế cho các môn học kỳ cuối. Qua học phần này sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học, biết cách thực hiện một công trình khoa học. Sinh viên có cơ hội tổng hợp và áp dụng những kiến thức chuyên ngành được đào tạo để giải quyết những vấn đề khoa học. Học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức về hoạt động nhóm và hợp tác nhóm trong quá trình nghiên cứu.	5	HK	-
69	Thư tín thương mại	Học phần thư Tín Thương Mại là học phần gồm 7 đơn vị bài học theo chủ đề liên quan đến lĩnh vực thương mại hướng dẫn sinh viên cấu trúc, văn phong và cách trình bày các hình thức viết khác nhau trong giao dịch kinh doanh như: hỏi thông tin, báo giá, đặt hàng, thanh toán, khiếu nại và giải quyết khiếu nại ...	2	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%
70	Biên dịch thương mại	Nội dung học phần Biên dịch thương mại nhằm giúp sinh viên tiếp tục làm quen với kỹ năng phiên dịch Anh-Việt và Việt – Anh trong lĩnh vực kinh tế và thương mại. Học xong học phần này, SV chuyên ngành tiếng Anh có thể tự tin làm việc trong các công ty trong nước và nước ngoài mà cần đến khả năng dịch thuật các văn bản chuyên ngành từ Anh sang Việt và từ Việt sang Anh về lĩnh vực chuyên ngành	3	HK 8	- Đánh giá quá trình: 15% - Đánh giá giữa kỳ: 25% - Đánh giá cuối kỳ: 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kinh tế thương mại, và biên phiên dịch quốc tế.			

10. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (7340101)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin.	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
5	Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo uộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay).	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
7	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1)	Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
8	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2)	Học phần Tiếng Anh 2 là điều kiện tiên quyết để học tiếp học phần Tiếng Anh 3. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất. English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng Tiếng Anh giao tiếp đã học ở học phần English 1, English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp.	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
10	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; hỗ trợ người học lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
11	Giáo dục thể chất*	Học phần giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe.		Học kỳ 1, 2, 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Giáo dục quốc phòng*	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ Quốc, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân, đấu tranh phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.		Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
13	Toán cao cấp	Học phần Toán cao cấp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Đại số tuyến tính và Giải tích nhiều biến để có thể hiểu và vận dụng khi học tiếp các môn Toán khác như: Toán kinh tế, Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Các mô hình toán kinh tế... và một số các môn chuyên ngành cũng như nhằm trang bị một số kỹ năng tính toán theo yêu cầu chung đối với sinh viên đại học ngành kinh tế.	3	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất: phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, xác suất có điều kiện; đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên; luật số lớn, các định lý giới hạn.	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
15	Kinh tế vi mô	Học phần Kinh tế vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở	3	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 40%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật cung cầu, qui luật cạnh tranh...			Đánh giá cuối kì 60%
16	Kinh tế vĩ mô	Học phần Kinh tế vĩ mô giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế, từ những khái niệm về tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp, những yếu tố tác động đến nền kinh tế của một quốc gia và từ đó hiểu rõ các chính sách điều tiết nền kinh tế của Nhà nước. Môn học này còn giúp người học phân tích những hành vi của các thành phần trong nền kinh tế và xây dựng những chính sách kinh tế phù hợp trong phạm vi nghiên cứu.	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
17	Quản trị học	Học phần Quản Trị Học bao gồm các khái niệm cơ bản về công tác quản trị trong một tổ chức. Nội dung cơ bản của học phần này là nghiên cứu sâu vào các chức năng của quản trị. Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có những kiến thức căn bản, nền tảng về quản trị một tổ chức.	3	Học kỳ 4	
18	Marketing căn bản	Marketing căn bản là môn học cung cấp những kiến thức căn bản nhất về marketing, tầm quan trọng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin	3	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường ,xác định thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm, phân tích hành vi của khách hàng.			
19	Nguyên lý thống kê kinh tế	Học phần này trang bị cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: những vấn đề chung về thống kê học; quá trình nghiên cứu thống kê; nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; phương pháp phân tích dãy số thời gian; chỉ số.	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
20	Nguyên lý kế toán	Học phần cung cấp cho sinh viên các ngành kinh tế như kế toán, tài chính ngân hàng, quản trị kinh doanh những khái niệm, vấn đề cơ bản về kế toán, trang bị nền tảng kiến thức kế toán để học tập nghiên cứu những môn kế toán nâng cao về sau.	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
21	Thuế	Học phần này gồm những vấn đề cơ bản về thuế và những chính sách thuế của nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần nhằm nghiên cứu các sắc thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần thiết kê khai nộp thuế đối với nhà nước	3	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
22	Tiếng anh chuyên ngành kinh tế	Học phần này nhằm giúp sinh viên ngành quản trị kinh doanh có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp trong nhiều tình huống khác nhau liên quan đến lĩnh vực kinh doanh.	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nghe, nói, đọc và viết được các bài viết trong từng đơn vị bài học.			
23	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Là môn học quan trọng, là môn học bắt buộc cho chương trình các khối ngành kinh tế tại các trường Cao đẳng, Đại học trên cả nước. Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp một nền tảng kiến thức về phương pháp nghiên cứu, giúp sinh viên có kiến thức và phương pháp luận phục vụ cho chương trình thực tập của sinh viên	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
24	Tài chính doanh nghiệp	Học phần tài chính DN trình bày các kiến thức lý luận nền tảng như cơ cấu vốn, nguồn tài trợ và chính sách cổ tức của doanh nghiệp cũng như cách thức ứng dụng thực tế liên quan đến các quyết định chủ yếu của doanh nghiệp như định giá tài sản cho đến quyết định đầu tư tài sản để giúp người học hiểu rõ để giải quyết được những vấn đề tài chính quan trọng ở doanh nghiệp.	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
25	Văn hóa kinh doanh	Mục tiêu của môn học giúp sinh viên nhận thức được: Tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp; Các vấn đề căn bản của đạo đức, đạo đức trong các chức năng của doanh nghiệp, đạo đức trong quan hệ với các đối tượng hữu quan và trách nhiệm xã hội của một doanh nghiệp; Qua đó giúp người học biết cách phân tích và đưa đạo đức kinh doanh vào thực tiễn nhằm gia tăng giá trị cho các bên hữu quan, duy trì tính tự	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		do và hoạt động hiệu quả của thị trường			
26	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	Học phần Kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, là một trong những môn học nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giao tiếp trong kinh doanh như: đặc điểm, các loại hình, nguyên tắc, những rào cản trong giao tiếp và biện pháp khắc phục để giao tiếp tốt hơn; các kỹ năng nói, viết, biết lắng nghe, trình bày trước đám đông, soạn thảo thư tín, báo cáo trong kinh doanh; các đặc điểm giao tiếp ở một số nước có nền văn hóa khác nhau.	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
27	Hành vi tổ chức	Học phần này đề cập các kiến thức tổng quan về hành vi của người lao động trong tổ chức ở ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức; cách thức động viên. Với hiểu biết đầy đủ về hành vi tổ chức, các nhà quản lý sẽ khai thác hiệu quả nguồn nhân lực và phát huy tính sáng tạo của con người trong một tổ chức.	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
28	Hành vi khách hàng	Học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu bản chất của hành vi khách hàng. Hành vi tiêu dùng chú trọng đến việc nghiên cứu tâm lý cá nhân, nghiên cứu những yếu tố văn hóa, xã hội, gia đình, cá nhân,... ảnh hưởng đến hành vi con người và những ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cá nhân	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong quá trình mua sắm tiêu dùng. Sự hiểu biết về hành vi tiêu dùng cung cấp nền tảng cho những chiến lược Marketing như việc định vị sản phẩm, phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm mới, áp dụng ở những thị trường mới, marketing toàn cầu, những quyết định Marketing mix.			
29	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản là một học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quá trình hình thành các loại hình văn bản phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như: Điều lệ thành lập, các loại quyết định, nghị quyết của Hội đồng thành viên, nghị quyết của hội đồng thành viên, thư thương mại,...	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
30	Quản trị nhóm làm việc	Học phần bao gồm các nội dung : khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc; vai trò trách nhiệm và phẩm chất của nhà quản trị nhóm làm việc ; quy trình và kỹ năng xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; các hình thức và kỹ năng giao tiếp nhóm; lãnh đạo và động viên nhóm làm việc, các dạng xung đột nhóm và cách thức giải quyết xung đột nhóm.	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
31	Quản trị thay đổi	Học phần sẽ giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về sự thay đổi và phát triển trong tổ chức, hiểu được những rào cản trong hoạt động thay đổi của tổ chức và quá trình thực hiện thay đổi như: chuẩn bị, hoạch định, tổ chức thực hiện,	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thích nghi với thay đổi và tạo ra sự liên tục để thay đổi. Từ những kiến thức được trang bị sinh viên sẽ có thể chủ động thích nghi với sự thay đổi và lên được kế hoạch thay đổi cho bản thân và thích nghi với sự thay đổi trong tổ chức.			
32	Quản trị nguồn nhân lực	Học phần giới thiệu các chức năng quản trị nguồn nhân lực nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm bốn lĩnh vực chủ yếu: hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển, và duy trì – quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên được trao đổi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên...	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
33	Quản trị rủi ro	Học phần này đề cập các kiến thức tổng quan về rủi ro, quy trình quản trị rủi ro, cách nhận dạng, đo lường, kiểm soát rủi ro và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra trong một doanh nghiệp. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro.	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
34	Quản trị chiến lược	Cung cấp kiến thức hỗ trợ chức năng quản trị bằng cách hoạch định, thực hiện và kiểm tra, đánh giá các kết quả thực hiện một chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp cho những vấn đề kinh doanh của	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		doanh nghiệp dù trong môi trường hoạt động nội địa hoặc quốc tế.			
35	Quản trị sản xuất	Nội dung học phần Quản trị sản xuất bao gồm các vấn đề liên quan đến quá trình tổ chức thực hiện sản xuất. Cụ thể là liên quan đến vấn đề: trình bày các quyết định về các yếu tố sản xuất, các phương pháp dự báo nhu cầu, phương pháp xác định địa điểm sản xuất, phương pháp hoạch định tổng hợp, các công cụ và phương pháp lập lịch trình sản xuất, cách thức đo lường và đánh giá được hiệu quả tồn kho, kế hoạch nhu cầu vật tư và các chiến lược bố trí mặt bằng.	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
36	Quản trị tài chính	Quản trị tài chính xem xét hoạt động tài chính của một tổ chức, thông qua các kiến thức về giá trị thời gian của tiền tệ, các chỉ số đánh giá hiệu quả tài chính, công tác quản trị vốn lưu động và vốn dài hạn, quản trị nguồn tài trợ, ... từ đó giúp sinh viên có thể hiểu, liên hệ và vận dụng trong việc đánh giá hiệu quả tài chính của một doanh nghiệp, phân tích và hoạch định tài chính, ra các quyết định tài chính quan trọng để tối đa hóa giá trị và quản trị dòng tiền đạt mục tiêu hoạt động hiệu quả của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
37	Quản trị Marketing	Học phần Quản trị Marketing cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về marketing, ngoài những khái niệm căn bản về	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		marketing ở môn Marketing căn bản, người học có thể hiểu rõ hơn về quá trình quản trị marketing tại doanh nghiệp, biết cách lập kế hoạch chiến lược, chương trình marketing và triển khai tổ chức thực hiện cũng như đánh giá, kiểm soát các hoạt động marketing.			
38	Quản trị quan hệ khách hàng	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: các kiến thức tổng quan về quản trị quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa Quản trị quan hệ khách hàng với Bán hàng và Marketing.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
39	Quản trị chất lượng	Học phần này đề cập các kiến thức tổng quan về vấn đề chất lượng trong doanh nghiệp: các khái niệm cơ bản về chất lượng, chi phí chất lượng, quản lý chất lượng toàn diện, hệ thống quản lý chất lượng, các công cụ cải tiến chất lượng, kiểm tra chất lượng sản phẩm, chất lượng trong dịch vụ.	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
40	Quản trị dự án	Học phần này đề cập các kiến thức tổng quan về quản trị dự án, xác định và đáp ứng các nhu cầu, các mối quan tâm, và mong đợi của các chủ thể dự án trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện dự án. Cân đối hài hoà giữa các yêu cầu, ràng buộc	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khác nhau của dự án bao gồm phạm vi dự án, chất lượng, tiến độ, kinh phí, nguồn lực và các loại rủi ro.			
41	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần Hệ thống thông tin quản lý thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Quản trị kinh doanh. Đây cũng là một học phần hữu ích và cần thiết cho khối kiến thức cơ sở ngành của các ngành kinh tế và quản trị kinh doanh. Học phần Hệ thống thông tin quản lý cung cấp các kiến thức cơ bản và toàn diện về các hệ thống thông tin quản lý dựa trên công nghệ thông tin trong các tổ chức kinh tế và xã hội	3	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
42	Nghiệp vụ ngoại thương	Học phần Nghiệp vụ ngoại thương trước hết trang bị cho sinh viên các kiến thức về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu: giao dịch quốc tế, thanh toán và tín dụng quốc tế, những điều kiện thương mại thế giới, thiết kế nhãn hiệu và xúc tiến xuất nhập khẩu. Tiếp theo, học phần còn giúp sinh viên nắm vững các kỹ năng về giao dịch, đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp có hoạt động thương mại với nước ngoài.	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
43	Kế toán quản trị	Qua môn học này sẽ giúp giải thích sự cần thiết của kế toán quản trị trong một doanh nghiệp; hướng dẫn các cách phân loại chi phí; phân tích được mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng, lợi nhuận; mô tả quá trình lập	3	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dự toán ngân sách và sử dụng dự toán ngân sách để hoạch định và kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp; phân tích biến động chi phí; đánh giá thành quả quản lý của các nhà quản trị; đưa ra các quyết định về giá bán và sử dụng thông tin thích hợp để tính toán và lựa chọn các quyết định một cách nhanh chóng, đúng đắn.			
44	Khởi nghiệp kinh doanh	Học phần này nhằm giới thiệu các khái niệm về ngành nghề kinh doanh, xác định nhu cầu thị trường, hình thành ý tưởng kinh doanh, từ đó đánh giá, chọn lọc ý tưởng kinh doanh dựa trên các công cụ thang đo định lượng. Vận dụng kiến thức của các môn học Marketing, Quản trị dự án, Quản trị tài chính, Quản trị nguồn nhân lực, người học tiến hành xây dựng được một bản kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh.	2	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
45	Thẩm định dự án đầu tư	Học phần Thẩm định dự án đầu tư đóng một vai trò then chốt trong chương trình đào tạo các ngành kinh tế, trong đó có ngành quản trị kinh doanh. Học phần này cần thiết cho việc đưa ra các quyết định đầu tư nhằm lựa chọn dự án tối ưu. Vì vậy, môn học này không chỉ mang tính hàn lâm học thuật ở nhà trường mà còn mang tính ứng dụng thực tiễn trong cuộc sống.	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
46	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế là một môn chuyên ngành giới thiệu tổng quan về bản chất của thương mại quốc tế	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và các giao dịch quốc tế nói chung trên thế giới giúp sinh viên, những nhà quản trị tương lai, không chỉ nhận thức về bản chất các giao dịch quốc tế mà còn hiểu được bản chất lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của mỗi quốc gia và xa hơn là bản chất liên kết phụ thuộc quốc tế ngày càng tăng giữa các quốc gia trong chiến lược kinh doanh toàn cầu.			Đánh giá cuối kì 60%
47	Thị trường chứng khoán	Học phần Thị Trường Chứng Khoán bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động của thị trường vốn, chủ yếu là thị trường tài chính dài hạn. Nội dung cơ bản của học phần này là giới thiệu đại cương về thị trường chứng khoán; Công ty cổ phần; Hàng hóa của thị trường chứng khoán; Phát hành chứng khoán; Sở giao dịch chứng khoán và các định chế; Phân tích chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
48	Quản trị bán hàng	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về bán hàng và quản trị bán hàng, giúp người học hiểu rõ về công việc quản trị bán hàng, những kỹ năng cần thiết đối với giám đốc bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, lập hạn ngạch, tổ chức đội ngũ bán hàng, quản lý và làm tăng năng suất của lực lượng bán hàng và quản trị lực lượng bán hàng.	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
49	Phân tích hoạt động kinh doanh	Học phần này giúp sinh viên thấy được thực chất của quá trình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất, thấy được thành quả cũng như trách nhiệm của các bộ phận trong việc kiểm soát chi phí.	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
50	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử ngày nay trở thành một yếu tố kinh tế có ý nghĩa toàn cầu và mang một ý nghĩa quyết định trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong tất cả các ngành nghề kinh doanh khác nhau. Cơ sở hạ tầng của thương mại điện tử phát triển hoàn thiện và đủ đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các dịch vụ công của chính phủ.	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
51	Quản lý tiền lương	Tiền lương tiền công là một nội dung quan trọng trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực. Kiến thức về tiền lương, tiền công giúp nhà quản trị hiểu biết rõ pháp luật về tiền lương tiền công, từ đó xây dựng được hệ thống thang bảng lương cho doanh nghiệp cũng như cách trả lương, thưởng cho người lao động, nhằm khuyến khích tạo động lực làm việc và mang đến hiệu quả tối ưu sử dụng lao động của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
52	Tuyển dụng và đào tạo	Học phân trang bị cho học viên những kiến thức về tuyển dụng và đào tạo, một lĩnh vực chuyên môn sâu của quản trị nguồn nhân lực, giúp sinh viên có thể thực hiện tốt các công việc như lên kế hoạch tuyển dụng; triển khai công tác tuyển dụng; xây dựng các bài kiểm tra, phỏng vấn trong tuyển dụng; xác định nhu cầu đào tạo, phát triển của tổ chức; triển khai hoạt động đào tạo, phát triển như lựa chọn chương trình đào tạo, lựa chọn giáo viên, ...; đánh giá hoạt động đào tạo, phát triển.	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
53	Luật lao động	Trang bị các kiến thức về quan hệ xã hội thuộc luật lao động điều chỉnh; quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động; những nội dung liên quan đến quan hệ học nghề; quan hệ việc làm; những quy định liên quan đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể; quy định về thử việc, giao kết, thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động; các quy định về thời giờ làm việc thời giờ nghỉ ngơi; những nội dung liên quan đến tiền lương của người lao động.	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
54	Marketing quốc tế	Marketing quốc tế được coi là một môn học quan trọng của chương trình đào tạo cử nhân Kinh doanh quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá. Bản chất của marketing quốc tế là xem xét và cân	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đổi giữa những thay đổi của các yếu tố môi trường bên ngoài với các chính sách marketing hỗn hợp của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Nhà quản trị marketing quốc tế có nhiệm vụ hệ thống hoá và thi hành các chính sách marketing nhằm đảm bảo sự thích ứng giữa khả năng của doanh nghiệp với thị trường và môi trường quốc tế để đạt được mục tiêu đề ra.			
55	Quan hệ công chúng	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng (PR), giúp người học hiểu chính xác về các khái niệm cũng như vai trò của quan hệ công chúng đối với tổ chức. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị các lý luận, quy trình, công cụ và kỹ năng PR cần thiết để người học có thể thực hành và ứng dụng trong việc tạo dựng và duy trì mối quan hệ tích cực giữa doanh nghiệp và các đối tượng công chúng của mình.	3	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
56	Digital marketing	Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông trên môi trường Internet và các công cụ digital như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing....	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
57	Kiến tập nghề nghiệp	Học phần này nhằm giúp sinh viên quan sát được thực tế về môi trường làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp trong quá trình kiến tập.	2	Học kỳ 8	Đánh giá báo cáo kiến tập

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Thực tập tốt nghiệp	Học phần này nhằm giúp sinh viên nắm được những kiến thức thực tế về môi trường làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp trong quá trình thực tập.	6	Học kỳ 8	Đánh giá báo cáo tốt nghiệp
59	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc các học phần thay thế)	Học phần này là một nghiên cứu khoa học giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức đã học, và giúp rèn luyện tư duy, tự đặt và giải quyết vấn đề một cách độc lập, sáng tạo. Từ sự quan tâm, yêu thích một chủ đề nào đó, sinh viên chọn ra một đề tài nghiên cứu để tìm ra hướng cải tiến tốt hơn cho vấn đề đó dựa vào việc xây dựng mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, hệ thống lý thuyết, thu thập dữ liệu, xử lý số liệu và hoàn thành bài luận với từ những kết quả phân tích được.	5	Học kỳ 8	Đánh giá khóa luận tốt nghiệp
60	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	Học phần Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn của ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về tâm lý cá nhân và tâm lý tổ chức; kiến thức về lãnh đạo nhóm và lãnh đạo trong tổ chức. Xác định bản chất và các vai trò khác nhau của nhà lãnh đạo trong tổ chức. Phân tích các dạng phong cách lãnh đạo khác nhau và các phương pháp nghiên cứu về lãnh đạo thế nào để thành công, vai trò của nhà lãnh đạo trong khi thực hiện quá trình ra quyết định.	2	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
61	Kinh doanh quốc tế	Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế.	2	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
62	Quản trị logistic	Học phần này đề cập những cơ sở lý thuyết và thực tiễn về quản trị logistics, hiểu các khái niệm cũng như biện pháp quản trị logistics trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: quá trình hoạch định, thực hiện và kiểm soát có hiệu lực, hiệu quả việc chu chuyển và dự trữ hàng hoá, dịch vụ... và những thông tin có liên quan, từ điểm đầu đến điểm cuối cùng với mục tiêu thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng	3	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
63	Quản lý thực hiện công việc	Trong quản trị doanh nghiệp, quản lý thực hiện công việc được đánh giá là bước đệm quan trọng để hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của tổ chức. Trong quản trị nhân lực, quản lý thực hiện công việc	3	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của người lao động được coi là nghiệp vụ trung tâm bên cạnh các nghiệp vụ có liên quan trực tiếp			

11. NGÀNH KẾ TOÁN (7340301)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Là môn học quan trọng, là môn học bắt buộc cho chương trình các khối ngành kinh tế tại các trường Cao đẳng, Đại học trên cả nước. Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp một nền tảng kiến thức về phương pháp nghiên cứu, giúp sinh viên có kiến thức và phương pháp luận phục vụ cho chương trình thực tập của sinh viên	2	Học kỳ 7	Đánh giá quá trình (40%) và đánh giá cuối kỳ (60%)
2	Toán cao cấp	Cung cấp những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích cổ điển. Học xong học phần, sinh viên có một cách nhìn hệ thống về ma trận, hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân; Phương pháp để giải phương trình vi phân.	3	Học kỳ 1	
3	Lý thuyết Xác suất và TK toán	Trang bị những kiến thức cơ bản để sinh viên tính được xác suất của một số bài toán thực tế, ứng dụng thống kê vào các bài toán thực tiễn, biết giải các bài toán kiểm định giả thiết.	3	Học kỳ 2	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Kinh tế vi mô	Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật cung cầu, qui luật cạnh tranh.	3	Học kỳ 1	
5	Kinh tế vĩ mô	Giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế, từ những khái niệm về tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp, những yếu tố tác động đến nền kinh tế của một quốc gia và từ đó hiểu rõ các chính sách điều tiết nền kinh tế của Nhà nước	3	Học kỳ 2	
6	Quản trị học	Giới thiệu các chức năng chính về quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát; một số vấn đề như quản lý thay đổi, quản lý xung đột và nguy cơ; các biện pháp cứu nguy trong quản trị	3	Học kỳ 3	
7	Marketing căn bản	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Marketing, sự vận dụng chúng vào thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing, môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; nhận định nhu cầu khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường	3	Học kỳ 1	
8	Nguyên lý thống kê kinh tế	Sinh viên biết thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu cũng như dự đoán	3	Học kỳ 2	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được xu hướng phát triển của hiện tượng trong tương lai			
9	Nguyên lý kế toán	Cung cấp cho sinh viên các ngành kinh tế như kế toán, Tài chính Ngân hàng, quản trị kinh doanh những khái niệm, vấn đề cơ bản về kế toán, trang bị nền tảng kiến thức kế toán để học tập nghiên cứu những môn kế toán nâng cao về sau	3	Học kỳ 3	
10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, tổng quan về tài chính-Tiền tệ và những nội dung chủ yếu của các hoạt động tài chính - Tiền tệ trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế.	3	Học kỳ 1	
11	Thuế	Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức cơ bản về thuế và kỹ năng tính toán số tiền thuế phải nộp ngân sách của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành	3	Học kỳ 3	
12	Tiếng anh chuyên ngành kinh tế	Học phần này nhằm giúp sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, làm việc trong nhiều tình huống khác nhau liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.	3	Học kỳ 5	
13	Thanh toán quốc tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề thanh toán trong lĩnh vực ngoại thương, và các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái	2	Học kỳ 4	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Thẩm định dự án đầu tư	Sinh viên có đầy đủ kiến thức cơ bản về dự án đầu tư và quy trình thực hiện thẩm định dự án đầu tư. Có kỹ năng tính toán các chỉ số tài chính liên quan để đánh giá hiệu quả của dự án và lựa chọn đầu tư	3	Học kỳ 5	
15	Văn bản và kỹ thuật soạn thảo VB*	Phân biệt được các loại văn bản: văn bản pháp qui, văn bản hành chính, văn bản hợp đồng. Xác định được hình thức, nội dung và quy trình soạn thảo văn bản	2	Học kỳ 4	
16	Phương pháp tối ưu trong kinh tế*	Cung cấp các kiến thức cơ bản về việc lập các mô hình từ tình huống thực tế, sử dụng các thuật toán để tìm ra phương án tối ưu được thiết lập từ mô hình. Nội dung của môn học được trình bày văn tắt thông qua 4 chương,	2	Học kỳ 4	
17	Thị trường chứng khoán*	Nội dung cơ bản của Học phần này là nghiên cứu chủ yếu vào thị trường chứng khoán, các kỹ thuật phân tích và đầu tư chứng khoán. Thông qua đó, sinh viên sẽ có kiến thức nắm bắt được tình hình hoạt động của thị trường chứng khoán ở Việt Nam	2	Học kỳ 4	
18	Nghiệp vụ Ngân hàng TM*	Người học nắm được nội dung các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại. Tính toán và giải quyết các nghiệp vụ phát sinh ở Ngân hàng thương mại.	2	Học kỳ 4	
19	Kế toán tài chính 1	Cung cấp những kiến thức tổng quát về tổ chức công tác kế toán	4	Học kỳ 4	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong doanh nghiệp; hướng dẫn hạch toán về Vốn bằng tiền và các khoản nợ phải thu; các phương pháp tính giá và nguyên tắc hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định; hạch toán kế toán tiền lương, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo qui định hiện hành; kiến thức về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm và tìm hiểu về qui trình bán hàng và xác định được kết quả kinh doanh			
20	Kế toán tài chính 2	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái, kế toán nợ phải trả, Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu, kế toán thuế và Kế toán hàng hoá.	3	Học kỳ 5	
21	Kế toán tài chính 3	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán các khoản đầu tư, kế toán bất động sản, kế toán công ty xây lắp, DN thương mại dịch vụ...	3	Học kỳ 6	
22	Kế toán chi phí	Cung cấp những kiến thức hướng dẫn hạch toán về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Người học biết được các phương pháp đánh giá chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ; các phương pháp tính giá thành sản phẩm tùy theo đặc điểm sản phẩm, qui mô doanh nghiệp	3	Học kỳ 6	
23	Kế toán quản trị 1	Cung cấp cho người học những kiến thức về tổ chức công tác kế toán quản trị, phân biệt kế toán quản trị	3	Học kỳ 5	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với kế toán tài chính; phân loại chi phí; mối quan hệ CVP; Lập dự toán ngân sách; Phân tích biến động chi phí			
24	Kế toán quản trị 2	Cung cấp cho người học những kiến thức về Đánh giá trách nhiệm quản lý; Định giá bán sản phẩm, Giúp nhà quản trị biết lựa chọn thông tin thích hợp cho việc ra quyết định	3	Học kỳ 6	
25	Tài chính doanh nghiệp	Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên phải nắm được cơ sở lý thuyết về Tài chính doanh nghiệp, các lý thuyết về cấu trúc nguồn vốn và mô hình định giá tài sản vốn; biết phân tích và ra quyết định đầu tư quyết định tài trợ và quyết định phân phối thu nhập của doanh nghiệp	3	Học kỳ 4	
26	Hệ thống pháp luật kế toán Việt Nam	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng gắn liền với thực tế về hệ thống pháp luật kế toán Việt Nam. Nắm vững những kiến thức cơ bản về pháp luật kế toán, các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, kiểm toán của doanh nghiệp Việt Nam.	3	Học kỳ 3	
27	Hệ thống thông tin kế toán	Hiểu rõ các quy trình kinh doanh chính trong đơn vị kinh doanh; Nắm được các nhiệm vụ cơ bản của từng bộ phận chức năng và mối quan hệ giữa các bộ phận chức năng trong toàn quy trình; Hiểu những khái niệm và vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị kinh doanh; Vận dụng những kiến thức đã có để thiết	2	Học kỳ 6	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kế, tổ chức, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong đơn vị.			
28	Ứng dụng trên phần mềm kế toán	Cung cấp cho sinh viên: Kiến thức về phần mềm kế toán và biết cách làm công tác kế toán trên phần mềm kế toán..	3	Học kỳ 7	
29	Kế toán thuế và khai báo thuế	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để có thể hiểu được về công tác kế toán thuế và biết khai báo thuế cho doanh nghiệp.	3	Học kỳ 6	
30	Kiểm toán	Giới thiệu các kiến thức cơ bản về kiểm toán và hoạt động kiểm toán: bản chất, vai trò của kiểm toán; các loại kiểm toán và môi trường hoạt động của kiểm toán; một số khái niệm, phương pháp quy trình cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính	3	Học kỳ 7	
31	Phân tích báo cáo tài chính	Học phần Phân tích báo cáo tài chính trang bị cho người học các các phương pháp, kỹ thuật cũng như các nội dung để đọc và phân tích các báo cáo tài chính, giúp họ hiểu rõ được tình hình tài chính của doanh nghiệp được thể hiện trên các báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho người học những kỹ năng phân tích, lập dự toán tài chính... để họ có thể vận dụng tốt vào công tác phân tích tài chính doanh nghiệp, phục vụ cho công việc thực tế như: phân tích đầu tư, phân tích tín dụng, tư vấn tài chính....	3	Học kỳ 6	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
32	Thực hành nghề nghiệp	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về lập chứng từ, sổ sách kế toán liên quan tới các phần hành kế toán đã học và lập báo cáo tài chính. Giúp người học hình dung ra công việc thực tế của người làm kế toán viên các phần hành, kế toán tổng hợp....	3	Học kỳ 7	
33	Kế toán Mỹ*	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán quốc tế, nghiên cứu các phần hành kế toán như: Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán NVL CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương....	3	Học kỳ 7	
34	Chuẩn mực BCTC quốc tế*	Học phần Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cung cấp một giới thiệu tổng thể về lĩnh vực Báo cáo Tài chính Quốc tế và các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) giúp người học có thể cập nhật những thay đổi của chuẩn mực quốc tế, đáp ứng những thách thức liên quan đến việc áp dụng và thực hiện IFRS tại doanh nghiệp.	3	Học kỳ 7	
35	Tài chính công*	Học phần nhằm mục tiêu trang bị cho người học các kiến thức cơ bản và nâng cao về tài chính công, các hoạt động tài chính của Chính phủ bao gồm huy động nguồn lực công thông qua thuế, chi tiêu công, ngân sách nhà nước và nợ công. Môn học giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ làm việc tốt hơn ở các vị trí đảm nhiệm thuộc lĩnh vực thu ngân sách	3	Học kỳ 7	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhà nước hoặc trong phòng/ban tài chính và kế toán của các đơn vị cung cấp dịch vụ công...			
36	Kế toán hành chính sự nghiệp*	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, nghiên cứu các phần hành kế toán như: Kế toán vốn bằng tiền, Kế toán NVL CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán nguồn kinh phí.....	3	Học kỳ 7	
37	Thẩm định tín dụng ngân hàng*	Cung cấp nội dung cơ bản về kinh doanh tín dụng, phương pháp quản lý tín dụng, các chính sách tín dụng và quản lý tín dụng chung của NHNN và riêng của NHTM. Ứng dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết tình huống minh họa cụ thể nhằm đảm nhận và thực hiện được công việc chuyên môn tín dụng trong ngân hàng.	3	Học kỳ 7	
.38	Kế toán ngân hàng thương mại*	Cung cấp những kiến thức công tác kế toán trong các ngân hàng thương mại	3	Học kỳ 7	
39	Kiến tập nghề nghiệp	Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã được học trên giảng đường vào thực tế, làm quen với cách xử lý công việc trong môi trường đơn vị. Giúp sinh viên học hỏi được nhiều kinh nghiệm và truyền thêm sự nhiệt huyết, đam mê, yêu thích công việc thực tế..	2	Học kỳ 8	Đánh giá theo rubric thang điểm 10

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
40	Thực tập tốt nghiệp	Quá trình thực tập nhằm mục đích giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng thực tế về công tác kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh tại đơn vị trên cơ sở lý thuyết đã được học tại trường. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên phải viết báo cáo thực tập để thể hiện sự hiểu biết của mình qua quá trình thực tập	6	Học kỳ 8	
41	Khoá luận tốt nghiệp	Tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau: Giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo; Rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo.	5	Học kỳ 8	
42	Thống kê doanh nghiệp *	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp sản xuất, các phương pháp thống kê. Thống kê nghiên cứu Kết quả sản xuất các ngành sản xuất vật chất, Doanh thu, Tình hình sử dụng lao động, quỹ lương, Tài sản, Vốn, Nguyên vật liệu, Chi phí sản xuất	2	Học kỳ 8	Đánh giá quá trình (40%) và đánh giá cuối kỳ (60%)
43	Kiểm soát nội bộ *	Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về kiểm toán nội bộ: định nghĩa, bản chất, chức năng của kiểm	2	Học kỳ 8	

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		toán nội bộ; các nội dung thực hiện của kiểm toán nội bộ; kiểm toán nội bộ tại một số doanh nghiệp tại Việt Nam.			
44	Quản trị doanh nghiệp *	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, xây dựng và tổ chức thực hiện việc quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp. Sinh viên áp dụng trong việc tạo lập, lựa chọn loại hình pháp lý và tổ chức vận hành doanh nghiệp.	3	Học kỳ 8	
45	Quản trị tài chính *	Giới thiệu cho sinh viên hiểu những khái niệm cơ bản về giá trị tiền tệ theo thời gian, mô hình tài chính, thuê tài chính, các loại đòn bẩy, sáp nhập và thâu tóm công ty	4	Học kỳ 8	

12. NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG (7440301)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các chuyên ngành đào tạo. Nội dung của học phần chủ yếu cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Đối tượng, phương pháp	2	Học kì I	Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p> nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.</p>			<p>cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p>
2	Quản lý môi trường	Giới thiệu những nội dung cơ bản về khoa học môi trường, công nghệ môi trường, quản lý môi trường và phát triển bền vững. Nắm vững các chính sách, quy định trong công tác quản lý môi trường và các phương pháp trong quản lý môi trường. Qua	2	Học kì I	<p>Đánh giá chuyên cần</p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đó có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản về quản lý môi trường để quản lý các thành phần môi trường và làm cơ sở để nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực Khoa học môi trường, giúp cho công tác bảo vệ môi trường trong xã hội có hiệu quả cao.			của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.
3	Sản xuất sạch hơn	Trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết cơ bản về sản xuất sạch hơn (SXSH), các lợi ích của SXSH, phương pháp đánh giá SXSH và những giải pháp áp dụng hiệu quả SXSH nhằm tiết kiệm chi phí trong sản xuất và bảo vệ môi trường.	2	Học kì I	Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.
4	Kỹ thuật môi trường	Cung cấp cho sinh viên 3 kiến thức cơ bản: Các công nghệ xử lý khí thải và tiếng ồn, trang bị kỹ năng tính toán, kỹ thuật giảm thiểu và phát tán khí thải để bảo vệ không khí xung quanh; Trình bày các phương pháp, quy trình công nghệ và công trình xử lý đối với nước thải dân dụng và công nghiệp; Giới thiệu các khái niệm cơ bản về chất thải rắn đô thị, chất thải rắn công nghiệp, hệ thống quản lý chất thải rắn.	2	Học kì I	Đánh giá thuyết trình Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người
5	Công nghệ xử lý nước thải	Giới thiệu các vấn đề chung về nước thải, thành phần, tính chất, nồng độ, tải lượng của các chất ô nhiễm trong nước thải. Giúp sinh viên trình bày và giải thích được các phương pháp xử lý theo từng loại nước thải, trình bày được quy trình xử lý nước thải, đặc biệt là các loại nước thải phát sinh từ các ngành công nghiệp đặc thù. Ngoài ra học phần cung cấp các kiến	3	Học kì I	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức và kỹ năng tính toán các thông số ô nhiễm trong nước thải để từ đó tính toán, thiết kế được các hệ thống xử lý nước thải phù hợp hợp tể.			học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
6	Công nghệ xử lý đất ô nhiễm	Giải quyết các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Trọng tâm của môn học là những vấn đề về ô nhiễm môi trường đất và các phương pháp xử lý.	3	Học kì I	
7	Đồ án xử lý đất ô nhiễm	Thực hiện đồ án xử lý đất ô nhiễm giúp sinh viên làm quen với từng loại đất. Trong đó, sinh viên được rèn luyện khả năng ứng dụng các kiến thức đã học từ các môn học khác trong một công trình cụ thể. Trong môn đồ án xử lý đất ô nhiễm, sinh viên cần nêu được hiện trạng, nguyên nhân ô nhiễm, tiêu chuẩn yêu cầu xử lý, tổng quan các phương pháp xử lý và lựa chọn công nghệ xử lý, tính toán công nghệ và thiết kế thiết bị chính trong hệ thống xử lý, tính toán các thiết bị phụ, ước tính giá thành của công trình.	2	Học kì I	Đánh giá khóa luận/đồ án Người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp về những vấn đề chủ yếu liên quan đến mục tiêu kiến thức và kỹ năng của học phần.
8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng Sản Việt Nam, về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước đến xây dựng, phát triển đất nước trên các lĩnh vực an ninh quốc phòng, đối ngoại, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Tìm hiểu, nghiên cứu việc xây dựng, hoạch định chủ	2	Học kì II	Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trương đường lối cách mạng cho đến việc tổ chức thực hiện đường lối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo thực tiễn.			<p>của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.
9	Công nghệ năng lượng sinh học	<p>Giúp cho sinh viên nắm bắt được các quy luật và quá trình chuyển hóa vật chất trong môi trường tự nhiên và nhân tạo. Những ứng dụng cơ bản của công nghệ năng lượng sinh học trong tái tạo nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong xử lý môi trường, trong công nghiệp và nông nghiệp.</p> <p>Làm rõ tầm quan trọng của vi sinh vật trong các quá trình chuyển hóa vật chất và ứng dụng của chúng trong tự nhiên và trong thực tế. Tầm quan trọng của công nghệ sinh học thực vật đối với nông nghiệp và sự đa dạng sinh học cũng như sự tái tạo nguồn cung cấp năng lượng từ các vật liệu sinh học cũng được đề cập đến trong môn học này.</p>	3	Học kì II	<p>Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình Người học được yêu cầu</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p>
10	Thiết kế thí nghiệm và xử lý số liệu thực nghiệm	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về phân tích đơn biến, phân tích đa biến, phân tích phương sai, phân tích tương quan và phương trình hồi quy. Sinh viên được giới thiệu trình tự các bước khi tiến hành bố trí trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu. Sau khóa học, sinh viên có kỹ năng tốt trong việc sử dụng phần mềm xử lý thống kê để xử lý và phân tích các kết quả thực nghiệm.</p>	3	Học kì II	<p>Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá Thực hành/thí nghiệm Người học được đánh giá thông qua sản phẩm là báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm của họ, bao gồm nội dung và cách thức trình bày, kết quả đạt được.</p>
11	Công nghệ xử lý chất thải rắn	Giới thiệu các kiến thức chuyên sâu về công nghệ xử lý chất thải rắn hiện đang được áp dụng.	3	Học kì II	Đánh giá chuyên cần

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Công nghệ xử lý khí thải	<p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bụi, hơi khí độc trong công nghiệp, phát tán khí thải, nguyên lý các thiết bị, phương pháp xử lý bụi, hơi khí độc, các công nghệ xử lý khí thải, trang bị kỹ năng, tính toán, thiết kế hoặc thi công, giám sát thi công, vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải, kỹ thuật giám thiểu và phát tán khí thải, đánh giá mức độ ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đối với môi trường và thảo luận các phương án giải quyết để bảo vệ không khí xung quanh.</p>	3	Học kì II	<p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p>
13	Đồ án xử lý nước thải	<p>Thực hiện đồ án xử lý nước thải giúp sinh viên làm quen với công việc thiết kế một công trình đơn nguyên trong hệ thống xử lý nước thải. Trong đó, sinh viên được rèn luyện khả năng ứng dụng các kiến thức đã học từ các môn học khác trong một công trình cụ thể. Trong môn đồ án xử lý nước thải, sinh viên cần nêu được nguồn gốc, đặc tính ô nhiễm của nước thải, tiêu chuẩn yêu cầu xử lý, tổng quan các phương pháp xử lý và lựa chọn công nghệ xử lý, tính toán công nghệ và thiết kế thiết bị chính trong hệ thống xử lý, tính toán các thiết bị phụ, ước tính giá thành của công trình.</p>	2	Học kì II	<p>Đánh giá khóa luận/đồ án Người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp về những vấn đề chủ yếu liên quan đến mục tiêu kiến thức và kỹ năng của học phần.</p> <p>Đánh giá thuyết trình Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

1			2	Học kỳ I	Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần. Đánh giá bài tập
2			2	Học kỳ I	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3			2	Học kỳ I	<p>Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá thuyết trình Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p>
4			2	Học kỳ I	<p>Đánh giá chuyên cần</p>
5			2	Học kỳ I	<p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.
6			2	Học kỳ I	<p>Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.
7			3	Học kỳ I	Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần. Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>
8			3	Học kỳ I	Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá Thực hành</p> <p>Người học được đánh giá thông qua sản phẩm là báo cáo kết quả thực hành của họ, bao gồm nội dung và cách thức trình bày, kết quả đạt được.</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9			2	Học kỳ II	<p>Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá thuyết trình Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.
10			2	Học kỳ II	Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập
11			2	Học kỳ II	
12			2	Học kỳ II	
13			2	Học kỳ II	
14			2	Học kỳ II	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.
15			2	Học kỳ II	<p>Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.
16			2	Học kỳ II	Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.
17			2	Học kỳ II	Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>

13. NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI (7850103)

1	Bản đồ chuyên đề	Học phần bản đồ chuyên đề nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức	2	Học kỳ I	Đánh giá chuyên cần
---	------------------	---	---	----------	----------------------------

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>cơ bản về các loại bản đồ chuyên đề về lĩnh vực đất đai, cơ sở toán học của bản đồ, các phép chiếu bản đồ, các phương pháp thể hiện nội dung bản đồ.</p> <p>Cách sử dụng bản đồ chuyên đề lĩnh vực đất đai trong phòng và ngoài thực địa.</p> <p>Vai trò của bản đồ chuyên đề trong công tác quản lý nhà nước về đất đai.</p>			<p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p>
2	Định giá bất động sản	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản.</p> <p>Trang bị cho sinh viên những nguyên tắc và phương pháp định giá bất động sản.</p> <p>Giúp cho sinh viên hiểu và biết phân tích các yếu tố tác động đến sự vận động của giá cả thị trường, trên cơ sở đó có thể tiến hành phân tích, đánh giá được giá trị thị trường của bất động sản phục vụ cho những mục đích khác nhau theo nhu cầu của xã hội.</p> <p>Chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để có thể tiến hành công việc định giá bất động sản một cách có hiệu quả theo một tiêu chuẩn chuyên nghiệp được thừa nhận</p>	2	Học kỳ I	<p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các chuyên ngành đào tạo.</p> <p>Nội dung của học phần chủ yếu cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.</p>	2	Học kỳ I	<p>Đánh giá chuyên cần</p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.
4	Mô hình hóa định giá đất đai	Học phần Mô hình hóa định giá đất đai trình bày cơ sở lý luận, thuật toán và công cụ để mô hình hóa bài toán định giá đất đai thành một mô hình định giá tự động. Môn học này cung cấp cho sinh viên một dạng hàm phi tuyến tính mô phỏng sự biến đổi của giá đất theo tác động biên của từng ha tất cả các biến ảnh hưởng đến giá đất. Ngoài ra, Môn học này còn cung cấp cho sinh viên các kỹ năng xây dựng mô hình thông qua các phần mềm như SPSS, Eview..., sinh viên sẽ biết cách làm sạch dữ liệu, biết cách mã hóa biến định tính, biết cách tạo biến giả Dummy, biết các kỹ thuật chạy tương quan, phân tích Cronbach Alpha, phân tích nhân tố và cả các kỹ thuật kiểm định các hiện tượng như Tự tương quan, đa cộng tuyến...	2	Học kỳ I	Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần. Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm. Đánh giá thuyết trình Người học được yêu cầu
5	Mô hình hóa quy hoạch sử dụng đất đai	Môn học trình bày cơ sở lý luận, thuật toán và công cụ để mô hình hóa các vấn đề liên quan đến quy hoạch sử dụng đất đai: Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của mô hình hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội. Giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất đai và	2	Học kỳ I	

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội</p> <p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tài nguyên đất đai, quy hoạch sử dụng đất đai cũng như vai trò của nó trong nền kinh tế và mối liên hệ với sự phát triển của ngành bất động sản.</p> <p>Cập nhật cho sinh viên các kiến thức mới về quy định luật pháp và thể chế của Nhà nước trong quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch sử dụng đất đai</p> <p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản để hiểu được, phân tích được và vận dụng được các tài liệu quy hoạch sử dụng đất đai trong mối liên hệ với các vấn đề quản lý và phát triển bất động sản.</p>			<p>làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>
6	Tin học chuyên ngành	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần mềm Microstation và Famis, từ đó ứng dụng phần mềm vào công tác biên tập bản đồ số, số hóa bản đồ cũng như công tác in ấn và lưu trữ bản đồ.</p> <p>Môn học giúp sinh viên làm quen với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và sử dụng đất đai</p>	2	Học kỳ I	<p>Đánh giá chuyên cần</p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p>
7	Thống kê và kiểm kê đất đai	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, kiểm kê đất đai, quy định	3	Học kỳ I	Đánh giá chuyên cần

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>chung về điều tra, tổng hợp và phân tích thống kê, kiểm kê đất đai.</p> <p>Giúp sinh viên có khả năng thực hành các nghiệp vụ chuyên môn đã học để điều tra, tổng hợp, phân tích được một số chỉ tiêu trong thống kê, kiểm kê. Xác định được các chỉ tiêu thống kê về mục đích và đối tượng quản lý, sử dụng đất và xây dựng được biểu mẫu trong thống kê, kiểm kê đất đai.</p>			<p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>dung kiến thức của học phần.</p> <p>Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.</p>
8	Thực hành tin học chuyên ngành	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về sử dụng các phần mềm chuyên ngành để giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý đất đai.</p> <p>Giúp sinh viên hiểu được vai trò của việc ứng dụng các phần mềm chuyên ngành trong xử lý phân tích thông tin, dữ liệu đất đai.</p> <p>Sinh viên có thể sử dụng được phần mềm Microstation và Famis để thành lập bản đồ địa chính và các hồ sơ có liên quan, có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm xử lý dữ liệu đo đạc thành lập bản đồ địa chính.</p>	3	Học kỳ I	<p>Đánh giá chuyên cần</p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp.</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá Thực hành</p> <p>Người học được đánh giá thông qua sản phẩm là báo cáo kết quả thực hành của họ, bao gồm nội dung và cách thức trình bày, kết quả đạt được.</p>
9	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	<p>Cung cấp những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng Sản Việt Nam, về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước đến xây dựng, phát triển đất nước trên các lĩnh vực an ninh quốc phòng, đối ngoại, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Tìm hiểu, nghiên cứu việc xây dựng, hoạch định chủ trương đường lối cách mạng cho đến việc tổ chức thực hiện đường lối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm để chỉ đạo thực tiễn.</p>	2	Học kỳ II	<p>Đánh giá chuyên cần</p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo</p>

Biểu mẫu 18
 (Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
 ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm</p> <p>Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.
10	Quy hoạch phát triển vùng lãnh thổ	<p>Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về một số khái niệm cơ bản, một số nội dung và phương pháp phân tích vùng, hệ thống quy hoạch phát triển quốc gia, mối quan hệ giữa các loại quy hoạch ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>Đồng thời cũng cung cấp các kiến thức về lý thuyết tăng trưởng kinh tế vùng, phát triển kinh tế vùng, tổ chức không gian lãnh thổ, các chỉ tiêu đo lường tăng trưởng và các nguồn lực phát triển vùng.</p> <p>Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tính toán các chỉ tiêu kinh tế, xã hội của vùng; sử dụng một số mô hình dự báo về tăng trưởng kinh tế vùng, các nguồn lực phát triển vùng.</p>	2	Học kỳ II	<p>Đánh giá chuyên cần</p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p>
11	Trắc địa địa chính	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức:</p> <p>Cơ bản về hình dạng, kích thước trái đất, về hệ quy chiếu tọa độ thông dụng, các khái niệm về bản đồ, bình đồ và các phương pháp thể hiện các đối tượng trên mặt đất lên bản đồ; đánh giá độ chính xác kết quả đo; sử dụng các máy móc thông dụng, dụng cụ, nguyên lý và phương pháp đo góc, đo chiều dài, độ cao; thành lập lưới</p>	2	Học kỳ II	<p>Đánh giá thuyết trình</p>

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>khống chế tọa độ và độ cao phục vụ đo vẽ bản đồ địa chính.</p> <p>Chuyên ngành về lưới khống chế địa hình: gồm lưới khống chế mặt bằng và lưới khống chế độ cao; Nguyên tắc xây dựng lưới, cách chọn điểm mốc các dạng đồ hình của lưới; cách thiết kế lưới khống chế địa hình; tính toán bình sai lưới khống chế mặt bằng và lưới khống chế độ cao, lưới khống chế đo vẽ; đo vẽ bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc.</p>			<p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p>
12	Quy hoạch đất sử dụng nông thôn	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự phát triển nông thôn bền vững, những vấn đề môi trường với sự phát triển, những nguyên lý, nguyên tắc và nội dung của quy hoạch đất sử dụng nông thôn. Qua đó sinh viên có thể điều tra, đánh giá, lập quy hoạch và phân tích các tác động môi trường trong việc phát triển nông thôn cũng như quy hoạch sử dụng đất ở nông thôn một cách hiệu quả nhất.</p>	2	Học kỳ II	<p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và</p>
13	Hệ thống văn bản và hồ sơ địa chính	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để thành lập, vận hành, quản lý, khai thác sử dụng hệ thống văn bản và hồ sơ địa chính điện tử và dạng giấy. Giúp cho sinh viên biết cách chỉnh lý, cập nhật hồ sơ khi có biến động đất đai, nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ngoài ra giúp sinh viên cập nhật thường xuyên hệ thống các văn bản hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai.</p>	2	Học kỳ II	

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Hệ thống quản lý đánh giá đất đai	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về hệ thống các quá trình, các công đoạn, các nhiệm vụ nhằm hỗ trợ, tương tác lẫn nhau giúp cho việc điều tra, phân tích và xử lý thông tin trong đánh giá đất đai được hiệu quả cao. Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các kết quả phân tích các yếu tố liên quan để phục vụ cho việc quản lý nguồn tài nguyên đất và quy hoạch sử dụng đất trong sản xuất nông lâm nghiệp	2	Học kỳ II	in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần. Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.
15	Gis ứng dụng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức bao quát các khái niệm của một hệ thống thông tin địa lý và khả năng ứng dụng trong công tác quản lý đất đai. Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích, khai thác các cơ sở dữ liệu đất đai và thực tập một số phần mềm hệ thống thông tin địa lý thông dụng như: Mapinfo, Arcview, Arcgis...	2	Học kỳ II	Đánh giá chuyên cần Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>Đánh giá bài tập Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội dung kiến thức của học phần.</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16	Quy hoạch sử dụng đất đai chuyên đề	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về xói mòn và quy hoạch chống xói mòn, quy hoạch đất đai kết hợp với quy hoạch thủy nông, quy hoạch đất đai và biến đổi khí hậu.</p> <p>Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng như:</p> <p>Tổ chức lãnh thổ sản xuất chống xói mòn, quy hoạch thủy lợi và nông lâm kết hợp trong quy hoạch chống xói mòn.</p> <p>Quy hoạch đất đai và bố trí công trình thủy lợi trong quy hoạch vùng tưới, tiêu.</p> <p>Tích hợp yếu tố biến đổi khí hậu vào quy hoạch sử dụng đất đai.</p>	2	Học kỳ II	<p>Đánh giá chuyên cần</p> <p>Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên cùng những đóng góp của người học trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với học phần.</p> <p>Đánh giá bài tập</p> <p>Người học được yêu cầu thực hiện một số bài tập liên quan đến bài học trong hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.</p> <p>Đánh giá thuyết trình</p> <p>Người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một số vấn đề hay tình huống liên quan</p>

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					<p>đến bài học và trình bày kết quả làm việc của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này giúp người học vừa tiếp nhận kiến thức chuyên môn vừa phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.</p> <p>Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm/tự luận</p> <p>Trắc nghiệm: Người học được yêu cầu lựa chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi liên quan dựa trên các phương án đã được thiết kế và in sẵn trong đề kiểm tra. Số lượng câu hỏi và các phương án trả lời trong đề kiểm tra cũng tùy thuộc vào yêu cầu về nội</p>

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					dung kiến thức của học phần. Tự luận: người học trả lời bằng cách tự lựa chọn, tổng hợp và trình bày những tri thức phù hợp nhất, với một giới hạn tương đối rộng về nội dung theo yêu cầu.

14. NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN-ĐIỆN TỬ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Triết học Mác - Lênin và học phân chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin.			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị - xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT**ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		1930), quá trình Đảng lãnh đạo uộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay).			
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
7	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1)	Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2)	Học phần Tiếng Anh 2 là điều kiện tiên quyết để học tiếp học phần Tiếng Anh 3. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
9	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất. English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng Tiếng Anh giao tiếp đã học ở học phần English 1, English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp.	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
10	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		người học; hỗ trợ người học lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			
11	Giáo dục thể chất*	Học phần giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe.		Học kỳ 1, 2, 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
12	Giáo dục quốc phòng*	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ Quốc, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân, đấu tranh phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.		Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
13	Toán cao cấp	Học phần Toán cao cấp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Đại số tuyến tính và Giải tích nhiều biến để có thể hiểu và vận dụng khi học tiếp các môn Toán khác như: Toán kinh tế, Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Các mô hình toán kinh tế... và một số các môn chuyên ngành cũng như nhằm trang bị một số kỹ năng tính toán theo yêu cầu	3	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chung đối với sinh viên đại học ngành kinh tế.			

15. NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	3	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong ba bộ phận lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Kiến thức của học phần này kết hợp với kiến thức của học phần Triết học Mác - Lênin và học phần chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin.	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học lý luận chính trị, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải trên góc độ triết học, kinh tế chính trị	2	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- xã hội về quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.			
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người.	2	Học kỳ 5	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
5	Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo uộc đấu tranh giành chính quyền(1930 – 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay).	2	Học kỳ 6	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản để làm việc trên máy tính. Kiến thức của học phần là kiến thức nền giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp cận, học tập các học phần khác có sử dụng máy tính. Ngoài ra sinh viên còn có khả năng sử dụng máy tính làm công cụ học tập và sưu tầm tài liệu giúp cho hiệu quả học tập được nâng cao hơn.	3	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
7	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 1)	Học phần Tiếng Anh 1 là điều kiện tiên quyết để học các học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh 3. - Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề cuộc sống hàng ngày: thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản.	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
8	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 2)	Học phần Tiếng Anh 2 là điều kiện tiên quyết để học tiếp học phần Tiếng Anh 3. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, ăn uống, tiền tệ, cách phân biệt giữa tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.	2	Học kỳ 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ trung cấp nhằm giúp người học có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc ngữ pháp; các từ ngữ nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, ngành du lịch, môi trường trên trái đất. English 3 giúp người học củng cố lại những kiến thức về cấu trúc ngữ pháp và vốn từ vựng Tiếng Anh giao tiếp đã học ở học phần English 1, English 2, đồng thời mở rộng kiến thức giao tiếp ở trình độ sơ cấp.	3	Học kỳ 4	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
10	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là môn học thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương; cung cấp kiến thức mang tính lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; nâng cao văn hoá pháp lý cho người học; hỗ trợ người học lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2	Học kỳ 2	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
11	Giáo dục thể chất*	Học phần giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe.		Học kỳ 1, 2, 3	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Giáo dục quốc phòng*	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ Quốc, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân, đấu tranh phòng chống chiến lược diễn biến hòa bình bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.		Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
13	Toán cao cấp	Học phần Toán cao cấp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Đại số tuyến tính và Giải tích nhiều biến để có thể hiểu và vận dụng khi học tiếp các môn Toán khác như: Toán kinh tế, Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Các mô hình toán kinh tế... và một số các môn chuyên ngành cũng như nhằm trang bị một số kỹ năng tính toán theo yêu cầu chung đối với sinh viên đại học ngành kinh tế.	3	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

16. NGÀNH CAO ĐẲNG MÀM NON (51140201)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Sinh viên hiểu rõ hệ thống tri thức lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 là cơ sở để tiếp cận nội dung các học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa	02	HK1	Đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Mác - Lênin 2, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Vận dụng tri thức Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, đời sống, học tập và công tác. Trang bị cho người học những phẩm chất chính trị, đạo đức, kỹ năng cần thiết, thái độ tích cực, sáng tạo, trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.			
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học chuyên ngành và vận dụng vào hoạt động thực tiễn; có niềm tin và lý tưởng cách mạng.	03	HK2	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị những kiến thức về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non hệ cao đẳng chính quy; giúp sinh viên hiểu rõ giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; sinh viên có ý thức rèn luyện, tu dưỡng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.	02	HK3	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
04	Đường lối cách mạng của Đảng	- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản	03	HK4	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	cộng sản Việt Nam	Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kì đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. - Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, theo mục tiêu, lí tưởng của Đảng. - Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước			
05	Tiếng Anh 1	Học phần tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh ở trình độ sơ cấp nhằm giúp người học có thể hiểu và sử dụng các cấu trúc ngữ pháp và từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến con người, sự sở hữu, nơi chốn, thời gian rảnh. Học phần tăng cường năng lực tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ ở trình độ cận A1 (theo khung năng lực ngoại ngữ do Bộ GDĐT Việt Nam ban hành).	02	HK1	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
06	Tiếng Anh 2	Học phần Tiếng Anh 2 nhằm giúp cho sinh viên đạt chuẩn bậc 1/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ do Bộ GDĐT Việt Nam ban hành).	02	HK2	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
07	Tiếng Anh 3	Học phần Tiếng Anh 3 nhằm giúp cho sinh viên đạt chuẩn bậc 2/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ do Bộ GDĐT Việt Nam ban hành).	03	HK3	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
08	Tin học Đại cương	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.	03	HK1	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
09	Pháp luật đại cương	Chương trình môn học pháp luật đại cương được xây dựng nhằm: mở rộng những tri thức lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; nâng cao ý thức tự giác thực hiện pháp luật, ứng dụng một số kiến thức về pháp luật thực định liên quan đến đời sống lao động, sản xuất của công dân; bồi dưỡng cho người học thói quen lựa chọn hành vi xử sự đúng pháp luật; biết tôn trọng kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho người học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo dựng tình cảm, củng cố lòng tin của người học về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính	02	HK1	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ng nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.			
10	Giáo dục thể chất	Mục tiêu của giáo dục thể chất (GDTC) trong các trường đại học là góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và văn hoá xã hội; phát triển hài hoà về thể lực và tư duy, có thể chất cường tráng, đáp ứng theo yêu cầu xã hội.		HK1, 2,3	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
II. Khối phân thực hành nghề nghiệp					
12	Tâm lý học đại cương	- Sinh viên có được những tri thức đại cương về Tâm lý học. - Sinh viên ứng dụng tri thức Tâm lý học đại cương vào cuộc sống và công tác giáo dục. - Sinh viên có ý thức trách nhiệm trong việc học tập, rèn luyện tâm lí, nhân cách của bản thân	02	HK1	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
13	Giáo dục học đại cương	Sau khi học xong học phần Giáo dục học đại cương, sinh viên có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về giáo dục, giáo dục học: Bản chất, tính chất, chức năng của giáo dục, giáo dục học là một khoa học; Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển xã hội và sự phát triển cá nhân; Mục đích, nguyên lý giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hiện hành; Nội dung giáo dục, Phương pháp giáo dục; Khái quát về các con đường giáo dục.	02	HK1	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
14	Phương pháp NCKH	- Hiểu được kiến thức cơ bản liên quan đến nghiên cứu khoa học giáo dục nói chung và khoa học	02	HK4	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	giáo dục mầm non	giáo dục mầm non nói riêng; thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục mầm non. - Làm việc nhóm, thuyết trình, chia sẻ, chủ động thích ứng với sự thay đổi, không ngừng học hỏi, tích cực trau dồi phẩm chất nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học liên tục.			
15	Mỹ thuật	Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về lí luận Mỹ thuật. - Giúp sinh viên nắm được những kiến thức, kĩ năng cơ bản về thực hành mỹ thuật, phương pháp tự nghiên cứu về mỹ thuật. - Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức, kĩ năng về thực hành mỹ thuật vào các hoạt động tạo hình, trang trí trường lớp mầm non sau khi ra trường. - Giúp sinh viên hình thành và bồi dưỡng các năng lực thẩm mĩ, nhận thức sâu sắc các giá trị mỹ thuật cũng như có ý thức, trách nhiệm trước cộng đồng về các vấn đề thẩm mĩ.	02	HK2	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
16	Âm nhạc	Trang bị cho sinh viên những kiến thức âm nhạc cơ bản, kĩ năng đọc ghi nhạc phổ thông và kĩ năng cơ bản về Hát và Đàn phím điện tử phục vụ cho việc dạy học âm nhạc ở trường Mầm non.	03	HK2	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
17	Tiếng việt thực hành	Mục tiêu chung của học phần là nhắc lại, củng cố cho người học	02	HK1	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức cơ bản về tiếng Việt nhằm giúp người học có được hệ thống kiến thức cần thiết để vận dụng tốt hơn trong học tập và cho công tác giảng dạy sau này.			
18	Văn học trẻ em	Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về sự phát triển của văn học trẻ em Việt Nam; hệ thống những giá trị cơ bản các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học trẻ em Việt Nam và nước ngoài.	02	HK2	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
19	Sinh lý học trẻ em	Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về cấu tạo, chức năng, đặc điểm phát triển, các biện pháp bảo vệ các hệ cơ quan của cơ thể trẻ em. Qua đó xác định được nguyên tắc và phương pháp giáo dục chăm sóc trẻ em lứa tuổi mầm non.	02	HK2	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
20	Nhập môn nghề giáo viên mầm non	Sinh viên trình bày được các kiến thức tổng quan về ngành giáo dục mầm non. Sinh viên vận dụng được kiến thức của học phần vào thực tế học tập ở trường đại học và công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non sau khi ra nghề.	02	HK1	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
21	Tâm lý học lứa tuổi mầm non	Học phần Tâm lý học lứa tuổi Mầm non cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các quy luật, các điều kiện của sự phát triển tâm lý, các đặc điểm tâm lý và nhân cách trẻ Mầm non. Hình thành cho giáo sinh các kỹ năng nhận định, phân tích các đặc điểm tâm lý trẻ để vận dụng vào trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ Mầm non	02	HK2	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22	Giáo dục học mầm non	Sinh viên trình bày được các kiến thức cơ bản về lí luận chăm sóc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Sinh viên vận dụng được kiến thức của học phần vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non. Qua đó hình thành tình yêu đối với nghề nghiệp đã chọn.	03	HK3	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
23	Giáo dục hoà nhập	Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập từ đó có thể vận dụng để thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ trong trường mầm non. Bồi dưỡng cho sinh viên thái độ đúng đắn trong giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non.	02	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
24	Vệ sinh- Dinh dưỡng cho trẻ mầm non	Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản, những kỹ năng cần thiết để sinh viên sau khi ra trường có thể áp dụng vào việc tổ chức Vệ sinh-Dinh dưỡng tốt cho trẻ ở các trường mầm non. Ngoài ra, học phần còn cung cấp một số kiến thức, kỹ năng về giáo dục Vệ sinh-Dinh dưỡng cho trẻ mầm non để đáp ứng việc đổi mới chương trình chăm sóc, giáo dục mầm non hiện nay. Hình thành lòng yêu thích học phần, học tập tích cực, nuôi dưỡng tình yêu với trẻ, với nghề nghiệp đã chọn cho sinh viên.	03	HK3	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
25	Phòng bệnh và đảm bảo	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bệnh trẻ	02	HK4	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	an toàn cho trẻ Mầm non	em. Vận dụng kiến thức cơ bản về bệnh trẻ em để có các biện pháp phòng bệnh cho trẻ. Sinh viên tích cực chủ động trong học tập và tự nghiên cứu; phát triển khả năng hoạt động nhóm, khả năng thuyết trình			
26	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	Học phần cung cấp các kiến thức về chương trình và phát triển chương trình giáo dục mầm non và lập kế hoạch giáo dục; Tổ chức thực hiện và đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN; Xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non; giúp sinh viên biết vận dụng vào việc lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động phát triển chương trình giáo dục mầm non; Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.	02	HK4	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
27	Múa cơ bản	Đào tạo sinh viên mầm non có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghệ thuật múa. Ứng dụng những kiến thức và kỹ năng múa cơ bản để phục vụ nghề nghiệp, cụ thể là hoạt động dạy trẻ múa ở trường mầm non. <i>Hình thành lòng yêu thích học phân, học tập tích cực, phát triển lòng yêu nghề cho sinh viên.</i>	02	HK3	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
28	Phương pháp giáo	- Trang bị cho sinh viên những vấn đề mang tính lý luận về phương	02	HK3	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	đục thể chất cho trẻ mầm non	pháp giáo dục thể chất cho trẻ ở trường Mầm non và vận dụng được vào thực tiễn trong công tác giảng dạy sau khi ra trường. - Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm			
29	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán	Sinh viên hiểu lý luận về quá trình cho trẻ mầm non làm quen với toán từ đó vận dụng lý luận này vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Bước đầu làm quen với việc đánh giá quá trình cho trẻ mầm non làm quen với toán. Hình thành hứng thú với nội dung học phần, mong muốn được tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với toán	02	HK4	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
30	PP tổ chức hoạt động KPKH và XH cho trẻ mầm non	Sinh viên hiểu lí luận về việc cho trẻ KPKHVXH; có thể vận dụng vào xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ em lứa tuổi mầm non; phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.	02	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
31	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	- Sinh viên có cơ sở lý luận khoa học về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ trong trường mầm non và vận dụng được các phương pháp, biện pháp vào thực tiễn trong công tác giảng dạy sau khi ra trường. - Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho	02	HK6	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trẻ mầm non, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.			
32	PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	Sinh viên phân tích được cơ sở lí luận về phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ trong trường mầm non và vận dụng được vào thực tiễn trong công tác giảng dạy sau khi ra trường. Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động tạo hình cho trẻ tham gia và đánh giá, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	02	HK4	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
33	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	Sinh viên có cơ sở lí luận về phương pháp tổ chức hoạt động Âm nhạc cho trẻ MN và vận dụng được vào thực tiễn trong công tác giảng dạy sau khi ra trường. - Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen TPVH, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	02	HK3	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
34	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	Sinh viên có cơ sở lí luận về phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học trong trường mầm non. - Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen TPVH, kỹ năng tự học, và làm việc nhóm.	02	HK4	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
35	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ MN	Sinh viên nắm được cơ sở lí luận về phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ trong trường mầm non và vận dụng được vào thực tiễn trong công tác giảng dạy sau khi ra trường.	02	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên có kỹ năng tổ chức các loại trò chơi cho trẻ và đánh giá được những nội dung cơ bản sự phát triển của trẻ trong hoạt động vui chơi. Có khả năng làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu.			
36	Phương pháp phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	+ Sinh viên phân tích được cơ sở lý luận về phương pháp tổ chức hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ trong trường mầm non và vận dụng được vào thực tiễn trong công tác giảng dạy sau khi ra trường. + Sinh viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ tham gia và đánh giá, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.	02	HK4	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
37	Đánh giá trong giáo dục mầm non	Sinh viên hiểu rõ lý luận về đánh giá trong GDMN và vận dụng vào việc đánh giá trong GDMN hiệu quả. Hình thành lòng yêu thích học phần, học tập tích cực, phát triển lòng yêu nghề cho sinh viên.	02	HK6	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
38	Quản lý giáo dục mầm non	Đào tạo sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non có kiến thức chung về khoa học quản lý mầm non và nghiệp vụ quản lý trường mầm non; có khả năng vận dụng tri thức để giải quyết một số tình huống quản lý trường mầm non và nhóm/lớp mầm non	02	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
39	Phương pháp biên đạo múa ở trường mầm non	Đào tạo sinh viên mầm non có kiến thức về sáng tác múa và biên đạo múa; có kỹ năng thành lập tổ hợp và biên đạo một số thể loại múa phù hợp với chương trình học và lễ hội của trường mầm non. Hình thành lòng yêu thích học phần, học tập tích cực, phát triển lòng yêu nghề cho sinh viên.	02	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
40	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp các kiến thức một số vấn đề chung về môi trường; giáo dục môi trường cho trẻ mầm non từ đó vận dụng các kiến thức nội dung, phương pháp giáo dục môi trường để lập kế hoạch, tổ chức giáo dục môi trường trong các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường Mầm non	02	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
41	Giao tiếp sư phạm với trẻ Mầm non	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp sư phạm với trẻ Mầm non. Từ đó, sinh viên biết vận dụng kiến thức đã học vào công tác chăm sóc – giáo dục trẻ em; nâng cao ý thức tự giác, trách nhiệm đối với việc học tập môn học, cũng như công việc nuôi dạy trẻ trong tương lai.	02	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
42	Ứng dụng thông tin trong giáo dục Mầm non	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục mầm non.	02	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
43	Cơ sở văn hóa Việt Nam	- Trình bày kiến thức cơ bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam để có thể giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa – xã hội.	2	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển chuyên môn bản thân: tích cực, chủ động nghiên cứu, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề văn hóa – xã hội. - Phân tích, phản biện, hợp tác, giải quyết vấn đề; làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp trong môi trường toàn cầu, đa văn hóa. - Thể hiện trách nhiệm công dân và năng lực thẩm mỹ, nhận thức sâu sắc các giá trị văn hóa. 			
44	Đệm hát	Trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về đệm hát bằng một số nhạc cụ gõ (định âm và không định âm).	02	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
45	Thiết kế mỹ thuật cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên mở rộng hiểu biết về thiết kế trong mỹ thuật qua việc vận dụng linh hoạt giữa thiết kế giá vẽ và thiết kế bằng đồ họa máy tính. - Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Corel Draw và Photoshop, từ đó biết xử lý hình ảnh, sáng tạo thiết kế tạo mẫu mã sản phẩm... - Giúp sinh viên vận dụng tốt các kiến thức về mỹ thuật giá vẽ và đồ họa vào việc thiết kế đồ dùng dạy học phục vụ cho công tác giảng dạy. - Thấy được vẻ đẹp mang tính mỹ thuật trong sản phẩm công nghiệp. 	02	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

ST T	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
46	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	- Hiểu biết về các nhóm đồ chơi theo từng độ tuổi, ý nghĩa và các vấn đề chung về đồ dùng, đồ chơi - Hình thành kỹ năng sáng tạo và các kỹ năng cơ bản cần thiết trong thiết kế và làm những đồ dùng, đồ chơi phù hợp với trẻ và thời đại. - Có tinh thần tự tìm tòi, học hỏi, sáng tạo liên tục trong quá trình thiết kế, có thái độ đúng trong việc nhìn nhận vai trò, ý nghĩa của đồ dùng, đồ chơi với trẻ.	01	HK3	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
47	Rèn luyện NVSP 2	Vận dụng kiến thức về phòng tránh và xử lý một số tai nạn ban đầu cho trẻ ở trường MN để thực hiện một số thao tác sơ cấp cứu ban đầu cho trẻ em; sử dụng, bảo quản tốt các loại thuốc và dụng cụ y tế.	01	HK5	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
48	Thực tập 1		2	HK5	
49	Thực tập 2		4	HK6	
50	Trò chơi học tập với trẻ mầm non	Sinh viên trình bày lý luận về trò chơi học tập và sự phát triển các quá trình tâm lý của trẻ mầm non từ đó biết cách thiết kế, sử dụng trò chơi học tập nhằm phát triển các quá trình tâm lý cho trẻ mầm non. Nhận ra vai trò của học phần từ đó có ý thức học tập đúng đắn.	03	HK6	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%
51	Chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông	- Sinh viên có cơ sở lý luận định hướng của việc chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào trường phổ thông và vận dụng được vào thực tiễn trong công tác giảng dạy sau khi ra trường.	02	HK6	đánh giá quá trình 40% Đánh giá cuối kì 60%

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sinh viên tích cực, chủ động trong học tập, tìm kiếm tài liệu, thông tin đổi mới về công tác chuẩn bị cho trẻ vào trường phổ thông.			

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Giáo trình Nguyên lý kế toán	2019	
2	Giáo trình Kế toán tài chính 1	2019	
3	Giáo trình Kế toán tài chính 2	2019	
4	Giáo trình Kế toán chi phí		Đang chờ xuất bản

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp Đại học

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
Năm học 2022 - 2023				
1	Đặc điểm nhân vật loài vật trong “ Những truyện hay viết cho thiếu nhi” của Tô Hoài	Trần Thị Mai Hương	TS. Hồ Thị Thanh Thủy	
2	Hình tượng nhân vật Tôn Ngộ Không trong “Tây Du Ký” của Ngô Thừa Ân	Trần Hồng Tuyết Trinh	TS. Đoàn Thị Huệ	
3	Một số bất đẳng thức moment của tổng các biến ngẫu nhiên phụ thuộc âm	Lê Thị Hằng Quyên	TS. Bùi Nguyên Trâm Ngọc	

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

Biểu mẫu 18*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)*

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Ảnh hưởng của mạng xã hội đến học sinh, sinh viên hiện nay: Thực trạng và giải pháp khắc phục	Ngày 11 và 12/8/2023	Trường Đại học Đồng Nai	250 đại biểu
2	-8 Methods to Teach Pronunciation Skills -Teaching with Board Games.	Ngày 18 và 19/05/2023	Trường Đại học Đồng Nai	150 đại biểu
3	Hội thảo khoa học: “ vai trò của đầu tư tư nhân đối với tăng trưởng kinh tế tại tỉnh Đồng Nai”	18/6/2017	Trường Đại học Đồng Nai	200

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

Trong năm 2022-2023, Trường ĐH Đồng Nai không có hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất và tư vấn.

K. Công khai thông tin về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

STT	Tên các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt kết quả hoạt động
1	Các khóa học ngắn hạn dành cho SV, cộng đồng					

Biểu mẫu 18

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

2	Các hội thảo khoa học trong và ngoài nước, các đề tài, dự án NCKH phục vụ sản xuất					
3	Các hoạt động vì cộng đồng của Công đoàn trường					
4	Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng của Đoàn viên, thanh niên trong Trường					

I. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1							
2							

....., ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Lê Anh Đức